

Phần 10
KHAI THÁC TÀU BAY

CHƯƠNG A: TỔNG QUÁT	2
10.001 PHẠM VI ÁP DỤNG.....	2
10.003 ĐỊNH NGHĨA.....	2
10.005 CHỮ VIẾT TẮT	3
10.007 PHÊ CHUẨN ĐẶC BIỆT	4
CHƯƠNG B: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÀU BAY.....	4
10.010 DẤU HIỆU ĐĂNG KÝ.....	4
10.013 CÁC THÔNG BÁO YÊU CẦU VỀ TÀU BAY.....	4
10.015 TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY CỦA TÀU BAY DÂN DỤNG.....	5
10.017 CÁC GIỚI HẠN ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY	5
10.020 THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ TÀU BAY	5
10.023 CÁC THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ HỖNG	5
10.025 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN BAY TÀU BAY DÂN DỤNG, CÁC YÊU CẦU VỀ DẤU HIỆU VÀ TÍN HIỆU	6
10.027 YÊU CẦU KIỂM TRA TÀU BAY VÀ THIẾT BỊ	7
10.030 TÀI LIỆU PHẢI MANG THEO TÀU BAY ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH KHAI THÁC	7
10.033 TÀI LIỆU BỔ SUNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY QUỐC TẾ	8
10.035 CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG VỀ TÀI LIỆU ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI	9
10.039 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	9
CHƯƠNG C: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ LÁI	9
10.040 THÀNH PHẦN TỔ LÁI	9
10.043 NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG: CÁC GIỚI HẠN SỬ DỤNG DỊCH VỤ.....	10
10.045 GIẤY PHÉP YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ LÁI.....	10
10.047 THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRONG GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY	10
10.050 GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	11
10.051 KHẢ NĂNG VỀ NGÔN NGỮ.....	11
10.053 YÊU CẦU VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE	11
10.055 CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ VÀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI	12
10.057 YÊU CẦU VỀ NĂNG ĐỊNH CHỦNG LOẠI, NĂNG ĐỊNH HẠNG VÀ NĂNG ĐỊNH LOẠI	12
10.060 TRƯỜNG HỢP PHẢI CÓ NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY	12
10.063 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NĂNG ĐỊNH BAY BẰNG THIẾT BỊ	13
10.065 YÊU CẦU PHÊ CHUẨN KHAI THÁC CATII/III	14
10.067 CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN BỔ SUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHỈ HUY TÀU BAY (PIC)	14
10.070 NHẬT KÝ NGƯỜI LÁI TÀU BAY	14
10.073 NỘI DUNG NHẬT KÝ NGƯỜI LÁI	15
10.075 GHI THỜI GIAN BAY VÀ HUẤN LUYỆN.....	15
10.077 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA PIC: CẮT CẢNH VÀ HẠ CẢNH	16
10.080 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA NGƯỜI LÁI: KHAI THÁC THEO IFR.....	16
10.083 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA NGƯỜI LÁI ĐỐI VỚI KHAI THÁC BAY HÀNG KHÔNG CHUNG.....	17
10.085 CÁC YÊU CẦU KHÁC ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	17
10.087 CÁC QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI	17
10.090 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG	17
10.092 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI CÓ GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY NHIỀU NGƯỜI LÁI .	18
10.093 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI THƯƠNG MẠI	18

10.095	QUYỀN HẠN NĂNG ĐỊNH BAY BẰNG THIẾT BỊ.....	19
10.097	QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN CỦA NGƯỜI LÁI KHÔNG CHUYÊN: THÀNH VIÊN TỔ BAY YÊU CẦU.....	19
10.100	HỌC VIÊN BAY: CÁC GIỚI HẠN CHUNG.....	20
10.103	CÁC GIỚI HẠN BAY ĐƠN ĐỐI VỚI HỌC VIÊN BAY.....	21
10.105	QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY.....	21
10.107	QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG.....	22
10.108	QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG BAY.....	22

CHƯƠNG D: NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY23

10.110	QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHỈ HUY TÀU BAY (PIC).....	23
10.113	CHỈ ĐỊNH PIC TRONG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	23
10.114	KIỂM SOÁT KHAI THÁC.....	24
10.115	TUÂN THỦ PHÁP LUẬT CỦA QUỐC GIA LIÊN QUAN.....	24
10.117	QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN TỔ LÁI.....	24
10.120	SỬ DỤNG CÁC CHẤT CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI.....	24
10.123	VIỆC SỬ DỤNG ĐAI AN TOÀN VÀ DÂY QUANG VAI CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY.....	25
10.125	THÀNH VIÊN TỔ LÁI TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC.....	25
10.127	YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY.....	26
10.130	YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP MẮT PHẢI ĐIỀU CHỈNH BẰNG KÍNH.....	26
10.133	TUÂN THỦ DANH MỤC KIỂM TRA.....	26
10.135	CÁC THÔNG TIN TÌM KIẾM CỨU NẠN.....	27
10.137	XUẤT TRÌNH TÀI LIỆU TÀU BAY VÀ TÀI LIỆU CHUYỂN BAY.....	27
10.140	KHÓA CỬA BUỒNG LÁI: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	27
10.143	CHO PHÉP NGƯỜI VÀO BUỒNG LÁI: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	27
10.145	CHO PHÉP GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN VÀO BUỒNG LÁI.....	28
10.147	NHIỆM VỤ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN TRỌNG YẾU CỦA CHUYỂN BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	28
10.150	LIÊN LẠC TRONG BUỒNG LÁI.....	28
10.153	ĐIỀU KHIỂN TÀU BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	28
10.155	TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU YÊU CẦU MANG THEO TÀU BAY.....	28
10.157	HOÀN THÀNH NHẬT KÝ KỸ THUẬT TÀU BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	28
10.160	BÁO CÁO CÁC BẤT THƯỜNG VỀ KỸ THUẬT.....	29
10.163	BÁO CÁO VỀ VIỆC KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ PHƯƠNG TIỆN VÀ THIẾT BỊ DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG.....	29
10.165	BÁO CÁO THỜI TIẾT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN NGUY HIỂM.....	29
10.167	BÁO CÁO SỰ CỐ.....	29
10.170	THÔNG BÁO VỀ TAI NẠN.....	30
10.173	HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT BỊ GHI DỮ LIỆU BAY VÀ THIẾT BỊ GHI ÂM TRONG BUỒNG LÁI.....	30
10.175	THÀNH VIÊN TỔ BAY: CUNG CẤP LƯỢNG Ô-XY TỐI THIỂU VÀ CÁCH SỬ DỤNG.....	31
10.176	SỬ DỤNG QUẦN ÁO CỨU SINH.....	31
10.177	THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ XÁCH TAY.....	31
10.178	TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ [EFB].....	32
10.180	CHUYÊN CHỖ HÀNG NGUY HIỂM.....	32
10.183	TUÂN THỦ CHƯƠNG TRÌNH AN NINH.....	33
10.185	HỒ SƠ THIẾT BỊ KHẨN NGUY, THIẾT BỊ CỨU SINH.....	33

CHƯƠNG E: TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH KHAI THÁC CHUYÊN CHỖ HÀNH KHÁCH BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG33

10.190	PHẠM VI ÁP DỤNG.....	33
10.193	CÁC HÀNH VI KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN.....	33
10.195	NẠP NHIÊN LIỆU KHI HÀNH KHÁCH Ở TRÊN TÀU BAY.....	34
10.197	AN TOÀN CHO HÀNH KHÁCH.....	34
10.200	HƯỚNG DẪN CHO HÀNH KHÁCH.....	35
10.203	HƯỚNG DẪN KHẨN NGUY TRONG KHI BAY.....	35
10.205	Ô-XY CHO HÀNH KHÁCH: CUNG CẤP TỐI THIỂU VÀ CÁCH SỬ DỤNG.....	35

10.207 RƯỢU VÀ MA TÚY	36
CHƯƠNG F: KẾ HOẠCH BAY	36
10.210 NỘP KẾ HOẠCH BAY	36
10.213 KẾ HOẠCH BAY SỬ DỤNG KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯỜNG MẠI	37
10.215 NỘI DUNG KẾ HOẠCH BAY	37
10.217 LẬP LẠI KẾ HOẠCH BAY	38
10.220 THAY ĐỔI KẾ HOẠCH BAY.....	38
10.223 KẾT THÚC KẾ HOẠCH BAY	38
CHƯƠNG G: LẬP KẾ HOẠCH VÀ CHUẨN BỊ BAY	39
10.230 TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY CỦA TÀU BAY VÀ NHỮNG LƯU Ý VỀ AN TOÀN	39
10.233 TÍNH ĐẦY ĐỦ CỦA CÁC TRANG THIẾT BỊ KHAI THÁC	39
10.235 LỰA CHỌN ĐỊA TIÊU CHO CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT	39
10.237 BÁO CÁO VÀ DỰ BÁO THỜI TIẾT	40
10.240 CÁC GIỚI HẠN VỀ THỜI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT (VFR).....	40
10.243 SÂN BAY ĐẾN CHO CÁC CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ.....	40
10.245 YÊU CẦU ĐỐI VỚI SÂN BAY DỰ BỊ CHO SÂN BAY ĐẾN ĐỐI VỚI CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ (IFR).....	41
10.246 YÊU CẦU BỔ SUNG ĐỐI VỚI CÁC SÂN BAY Ở VỊ TRÍ BIỆT LẬP	42
10.247 TIÊU CHÍ LỰA CHỌN SÂN BAY DỰ BỊ CHO CHUYỂN BAY THEO IFR	42
10.250 SÂN BAY DỰ BỊ NGOÀI KHỎI CHỖ TRỰC THĂNG	43
10.253 SÂN BAY DỰ BỊ CHO SÂN BAY CÁT CẢNH ĐỐI VỚI KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯỜNG MẠI	43
10.255 CỰ LY TỐI ĐA TÍNH TỪ SÂN BAY PHÙ HỢP KHÔNG CÓ PHÊ CHUẨN ETOPS.....	44
10.256 KHOẢNG THỜI GIAN NGẮN NGỪA, CÔ LẬP, DẬP CHÁY TRONG BUỒNG HÀNG	44
10.257 THỜI GIAN BAY CHUYỂN HƯỚNG TỐI ĐA TỚI SÂN BAY DỰ BỊ TRÊN ĐƯỜNG BAY	45
10.260 KHAI THÁC MỞ RỘNG THỜI GIAN BAY CHUYỂN HƯỚNG	45
10.263 QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NHIÊN LIỆU TỐI THIỂU	46
10.265 NHIÊN LIỆU TỐI THIỂU CHO CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT	46
10.266 YÊU CẦU NHIÊN LIỆU CHO CHUYỂN BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI TRỰC THĂNG	47
10.267 QUY ĐỊNH VỀ NHIÊN LIỆU ĐỐI VỚI CHUYỂN BAY IFR ĐỐI VỚI TÀU BAY ĐỘNG CƠ PISTON TRONG KHAI THÁC HÀNG KHÔNG CHUNG	47
10.268 YÊU CẦU VỀ NHIÊN LIỆU CHO CHUYỂN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI MÁY BAY LOẠI LỚN VÀ ĐỘNG CƠ TUỐC-BIN	48
10.269 NHỮNG THAY ĐỔI, LẬP LẠI KẾ HOẠCH BAY TRONG KHI BAY	49
10.270 QUẢN LÝ NHIÊN LIỆU TRONG KHI BAY	49
10.273 CHẤT TẢI, TRỌNG LƯỢNG VÀ CÂN BẰNG.....	49
10.275 CÁC GIỚI HẠN VỀ TÍNH NĂNG TÀU BAY	50
10.277 LỆNH ĐIỀU PHÁI ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯỜNG MẠI	51
10.280 KẾ HOẠCH BAY KHAI THÁC: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯỜNG MẠI	51
10.283 PHÂN PHÁT VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU LẬP KẾ HOẠCH BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯỜNG MẠI	52
CHƯƠNG H: CÁC QUY TẮC BAY ĐỐI VỚI TẤT CẢ LOẠI HÌNH KHAI THÁC	52
10.290 PHẠM VI ÁP DỤNG.....	52
10.293 SAO NHẰNG HOẶC THIỂU THẬN TRỌNG KHI KHAI THÁC TÀU BAY	53
10.295 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN	53
10.297 KHAI THÁC TÀU BAY TRÊN MẶT ĐẤT.....	53
10.300 QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG TRÊN BỀ MẶT SÂN BAY	54
10.303 QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG KHI KHAI THÁC TRÊN MẶT NƯỚC	54
10.305 KHAI THÁC BAN ĐÊM	55
10.307 SỬ DỤNG ĐÈN TÀU BAY	55

10.310	KIỂM TRA TRƯỚC KHI CẤT CÁNH.....	56
10.313	CẤT CÁNH VÀ HẠ CÁNH	56
10.315	CÁC ĐIỀU KIỆN CẤT CÁNH	56
10.317	TIÊU CHUẨN KHAI THÁC TỐI THIỂU CỦA SÂN BAY	57
10.320	GIẢM TIẾNG ÒN	57
10.323	BAY VÀO KHU VỰC CÓ BẢNG HOẶC DỰ KIẾN CÓ BẢNG	58
10.325	CÁC GIỚI HẠN KHAI THÁC TÀU BAY.....	58
10.327	KHAI THÁC GẦN TÀU BAY KHÁC.....	58
10.328	CẢNH BÁO TĂNG VÀ GIẢM ĐỘ CAO.....	58
10.330	QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG KHI TÀU BAY ĐANG BAY	58
10.332	MỨC BAY BẰNG.....	60
10.333	ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO ĐỘ CAO.....	60
10.335	ĐỘ CAO AN TOÀN TỐI THIỂU: TỔNG QUÁT	61
10.337	ĐỘ CAO AN TOÀN TỐI THIỂU ĐỐI VỚI QUY TẮC BAY VFR: KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI	61
10.340	TỐC ĐỘ BAY TỐI ĐA.....	61
10.343	TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU KHAI THÁC SÂN BAY	62
10.344	SÂN BAY TRỰC THĂNG TRONG KHU VỰC ĐÔNG DÂN MÔI TRƯỜNG BẤT LỢI... ..	62
10.345	QUYẾT ĐỊNH BAY CHUYÊN HƯỚNG.....	62
10.347	BAY BẰNG THIẾT BỊ TƯƠNG ĐỒNG	63
10.350	GIẢ ĐỊNH TRONG KHI BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI	63
10.353	THẢ, PHUN, KÉO BẰNG TÀU BAY	63
10.355	BAY NHÀO LỘN.....	63
10.357	KHU VỰC BAY THỬ NGHIỆM.....	64
10.360	KHU VỰC CẤM VÀ KHU VỰC HẠN CHẾ.....	64
10.363	KHAI THÁC TRONG VÙNG TRỜI CÓ QUY ĐỊNH VỀ RNP, MNPS HOẶC RVSM	64
10.364	QUY ĐỊNH VỀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC BỔ SUNG	65
10.365	KHAI THÁC TRÊN SÂN BAY HOẶC TRONG KHU VỰC LÂN CẬN SÂN BAY	66
10.367	KHAI THÁC TRONG VÙNG TRỜI LOẠI A, B, C, D VÀ E	66
10.370	ĐỘ CAO VÒNG LƯỢN CƠ BẢN TRÊN SÂN BAY: MÁY BAY LỚN HOẶC MÁY BAY TUỐC - BIN PHẢN LỰC.....	66
10.372	QUY TRÌNH KHAI THÁC TÀU BAY KHI HẠ CÁNH.....	67
10.373	TUẦN THỦ ĐƯỜNG TẦM BẰNG MẮT HOẶC BẰNG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ	67
10.375	TIẾP CẬN CHÓT ỒN ĐỊNH	67
10.377	GIỚI HẠN HOẶC ĐÌNH CHỈ KHAI THÁC: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.. ..	67
10.379	TIẾP TỤC CHUYỂN BAY	67
10.380	TIẾP TỤC CHUYỂN BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI.....	67
10.383	BAY CHẶN TÀU BAY.....	68
10.385	KHAI THÁC TRỰC THĂNG TRÊN MẶT NƯỚC.....	68

CHƯƠNG I: KHAI THÁC CHUYỂN BAY CÓ KIỂM SOÁT68

10.390	PHẠM VI ÁP DỤNG.....	68
10.393	HUẤN LỆNH CỦA KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU (ATC).....	68
10.395	TUẦN THỦ HUẤN LỆNH ATC	69
10.397	LIÊN LẠC VÀ MẮT LIÊN LẠC	69
10.400	TUYẾN ĐƯỜNG BAY.....	70
10.403	SAI LỆCH SO VỚI KẾ HOẠCH BAY	71
10.405	HUẤN LỆNH ATC: CÁC THAY ĐỔI DỰ ĐỊNH	71
10.407	BÁO CÁO VỊ TRÍ.....	72
10.410	BAY ĐỘI HÌNH	72
10.413	KHAI THÁC TẠI SÂN BAY CÓ KIỂM SOÁT HOẶC Ở VÙNG LÂN CẬN CỦA SÂN BAY CÓ KIỂM SOÁT.....	73
10.415	KẾT THÚC KIỂM SOÁT	73
10.417	CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP.....	73
10.420	KIỂM TRA THỜI GIAN.....	74
10.423	CÁC TÍN HIỆU TOÀN CẦU.....	74

CHƯƠNG J: QUY TẮC BAY BẰNG MẮT.....74

10.430	PHẠM VI ÁP DỤNG.....	74
10.443	ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO VFR.....	74
10.435	TIÊU CHUẨN THỜI TIẾT TỐI THIỂU CHO CÁT CẢNH VÀ HẠ CẢNH THEO VFR.....	75
10.437	KHAI THÁC BAY THEO VFR ĐẶC BIỆT.....	75
10.440	CÁC GIỚI HẠN DẪN ĐƯỜNG BẰNG ĐỊA TIÊU KHI KHAI THÁC BAY THEO VFR...	75
10.443	ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO VFR.....	76
10.445	HUẤN LỆNH CỦA CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU (ATC) ĐỐI VỚI CÁC CHUYỂN BAY THEO VFR	76
10.447	CÁC CHUYỂN BAY THEO VFR YÊU CẦU PHẢI CÓ SỰ CHO PHÉP CỦA ATC	76
10.450	KHÔNG CHO PHÉP BAY THEO VFR TRONG VÙNG TRỜI GIẢM PHÂN CÁCH CAO TỐI THIỂU (RVSM).....	76
10.453	THỜI TIẾT TRỞ NÊN XẤU DƯỚI ĐIỀU KIỆN VMC	76
10.455	THAY ĐỔI TỪ BAY THEO VFR SANG QUY TẮC IFR	77
10.457	(được bãi bỏ).....	77
CHƯƠNG K: QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ (IFR)		77
10.463	BAY THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI CÓ KIỂM SOÁT.....	77
10.465	BAY THEO IFR NGOÀI VÙNG TRỜI CÓ KIỂM SOÁT	77
10.467	TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU CHO CÁT CẢNH THEO IFR TRONG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI	78
10.469	TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI HÀNG KHÔNG CHUNG ...	78
10.470	ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO IFR HOẶC MỨC BAY TRONG VÙNG TRỜI KIỂM SOÁT	78
10.473	ĐỘ CAO BAY BẰNG HOẶC MỨC BAY THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI KHÔNG KIỂM SOÁT	78
10.475	ĐỘ CAO TỐI THIỂU ĐỐI VỚI KHAI THÁC THEO IFR.....	79
10.477	ĐỘ CAO TỐI THIỂU ĐỀ SỬ DỤNG TỰ ĐỘNG LÁI.....	79
10.480	KHAI THÁC THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI KIỂM SOÁT: BÁO CÁO HỎNG HÓC ...	80
10.483	TIẾP TỤC CHUYỂN BAY THEO IFR TỚI SÂN BAY ĐẾN	80
10.485	TIẾP CẬN BẰNG THIẾT BỊ XUỐNG SÂN BAY.....	80
10.487	TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU VỀ TẦM NHÌN TRÊN ĐƯỜNG CHC.....	81
10.490	YÊU CẦU PHÊ CHUẨN: KHAI THÁC CAT II HOẶC CAT III.....	81
10.493	TIẾP TỤC TIẾP CẬN BẰNG THIẾT BỊ.....	81
10.495	KHAI THÁC BAY DƯỚI ĐỘ CAO DH HOẶC MDA.....	81
10.497	HẠ CẢNH TRONG ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG BAY BẰNG THIẾT BỊ (IMC)	82
10.500	THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN HỤT	83
10.503	CHUYỂN TỪ BAY THEO IFR SANG BAY THEO VFR	83
10.505	(được bãi bỏ).....	83
CÁC PHỤ LỤC.....		84
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.023: CÁC THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ KHÔNG HOẠT ĐỘNG		84
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.030: NỘI DUNG NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH.....		85
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.045: HUẤN LUYỆN ACAS		85
PHỤ LỤC 1 CỦA MỤC 10.075: GHI NHẬN THỜI GIAN BAY		85
PHỤ LỤC 2 CỦA MỤC 10.075: GHI THỜI GIAN BAY TÍCH LŨY.....		86
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.105: HỒ SƠ GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY		87
PHỤ LỤC 2 CỦA ĐIỀU 10.105: CÁC GIỚI HẠN VÀ TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY.....		88
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.115: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY.....		90
PHẦN DÀNH CHO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM		92
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.120 SỬ DỤNG CÁC CHẤT CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHÂN THỨC VÀ HÀNH VI.....		92
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.125: THÀNH VIÊN TỔ LÁI TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC.....		93
PHỤ LỤC 2 CỦA ĐIỀU 10.125: THAY THẾ CÁC THÀNH VIÊN TỔ LÁI TRONG KHI BAY.....		93
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.195 NẠP NHIÊN LIỆU KHI CÓ HÀNH KHÁCH ĐANG LÊN, ĐANG Ở TRÊN HOẶC ĐANG XUỐNG TÀU BAY		95
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.257: XÁC ĐỊNH TỐC ĐỘ TRONG KẾ HOẠCH BAY ETOPS		96
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.260: KẾ HOẠCH SÂN BAY DỰ BỊ ETOPS		97

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.263: <i>(được bãi bỏ)</i>	97
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.270 KIỂM TRA NHIÊN LIỆU TRONG KHI BAY.....	97
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.363: PHÊ CHUẨN DẪN ĐƯỜNG DỰA TRÊN TÍNH NĂNG (PBN).....	98
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT DỰA TRÊN TÍNH NĂNG	99
PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ	99
PHỤ LỤC 3 CỦA ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN SỬ DỤNG CÁC HỆ THỐNG HẠ CÁNH TỰ ĐỘNG, HUD, NVIS HOẶC CVS.....	100
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.433 LOẠI VÙNG TRỜI VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KHÍ TƯỢNG TỐI THIỂU BAY BẰNG MẮT (VMC).....	100
PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.332: BẢNG SỐ LIỆU CÁC MỤC BAY BẰNG	101

CHƯƠNG A: TỔNG QUÁT

10.001 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Phần này đưa ra các yêu cầu của Việt Nam đối với:
- (1) Việc khai thác tàu bay mang đăng ký quốc tịch Việt Nam do các nhân viên hàng không được cấp chứng chỉ ở Việt Nam thực hiện;
 - (2) Việc khai thác tàu bay mang quốc tịch nước ngoài do Người khai thác có Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (sau đây gọi là người có AOC) của Việt Nam thực hiện;
 - (3) **(được bãi bỏ)¹.**
- (b) Phần này áp dụng đối với những Người khai thác tàu bay trong:
- (1) Công việc trên không;
 - (2) Vận chuyển hàng không vì mục đích thương mại; hoặc
 - (3) Hàng không chung.
- (c) Phần này áp dụng đối với người lái và những người thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu trong các quy chế này.
- (d) Đối với việc khai thác ngoài Việt Nam, tất cả các người lái và Người khai thác Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu nêu trong quy chế này trừ khi việc tuân thủ có thể dẫn tới vi phạm luật pháp nước ngoài nơi tiến hành khai thác.
- (e) Khi có một yêu cầu cụ thể chỉ áp dụng đối với một phần cụ thể trong hoạt động hàng không, sẽ có tham chiếu đến phần cụ thể đó, ví dụ “vận tải hàng không thương mại” hoặc “máy bay tuốc-bin phản lực”.

10.003 ĐỊNH NGHĨA

- (a) Phần này áp dụng các định nghĩa sau:

Ghi chú: Các định nghĩa khác liên quan đến hàng không được nêu ở Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

- (1) **Đêm:** Thời gian trong khoảng từ tờ mờ tối đến tờ mờ sáng hoặc khoảng thời gian giữa hoàng hôn và bình minh. Sự khác nhau của định nghĩa này có thể do cách diễn đạt của nhà chức trách thích hợp của quốc gia bay qua;
- (2) **Điều kiện khí tượng bay bằng mắt (VMC):** Là các điều kiện khí tượng được nhấn mạnh về tầm nhìn, cự ly tính từ mây, và trần mây, các điều kiện này bằng hoặc tốt hơn tiêu chuẩn tối thiểu quy định;
- (3) **Khai thác vận tải hàng không thương mại:** Là việc khai thác tàu bay liên quan đến vận chuyển hành khách, hàng hóa, thư tín để lấy tiền hoặc cho thuê;
- (4) **Ngày theo lịch:** Là khoảng thời gian đã trôi qua, sử dụng giờ UTC hoặc giờ địa phương, bắt đầu từ nửa đêm và kết thúc sau 24 giờ vào lúc nửa đêm tiếp sau đó;
- (5) **Xem xét chuyến bay:** Việc xem xét kiến thức và các kỹ năng bay phù hợp

¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 1 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

với chứng chỉ và phân loại phi công do hướng dẫn viên được cấp phép tiên hành nhằm hướng dẫn.

10.005 CHỮ VIẾT TẮT

- (a) Các chữ viết tắt sau đây được áp dụng trong Phần này:
- (1) AFM (Aircraft Flight Manual) – Tài liệu hướng dẫn bay;
 - (2) AGL (Above Ground Level) – (Độ cao) So với mặt đất;
 - (3) AOC (Air Operator Certificate) – Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay;
 - (4) AOM (Aircraft Operating Manual) – Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay;
 - (5) ATC (Air Traffic Control) – Kiểm soát không lưu;
 - (6) CAT (Category) – Hạng;
 - (7) CG (Center of Gravity) – Trọng tâm;
 - (8) DH (Decision Height) – Chiều cao quyết định;
 - (9) ETA (Estimated Time of Arrival) – Thời gian đến dự kiến;
 - (10) ETOPS (Extended Twin-engine Operations) – Khai thác tầm bay kéo dài đối với tàu bay có 02 động cơ;
 - (11) FL (Flight Level) – Mức bay;
 - (12) IFR (Instrument Flight Rules) – Quy tắc bay bằng thiết bị;
 - (13) IMC (Instrument Meteorological Conditions) – Điều kiện khí tượng bay bằng thiết bị;
 - (14) LOC (Localizer) – Đài hướng (thiết bị định hướng);
 - (15) LVTO (Low Visibility Take Off) – cất cánh trong tầm nhìn hạn chế;
 - (16) kph (kilometer per hour) – km/giờ;
 - (17) MDA (Minimum Decent Altitude) – Độ cao giảm thấp tối thiểu;
 - (18) MEA (Minimum En Route Altitude) – Độ cao tối thiểu trên đường bay;
 - (19) MEL (Minimum Equipment List) – Danh mục thiết bị tối thiểu;
 - (20) MMEL (Master Minimum Equipment List) – Danh mục thiết bị tối thiểu gốc;
 - (21) MNPSA (Minimum Navigation Specifications Airspace) – Vùng trời áp dụng tính năng dẫn đường tối thiểu;
 - (22) MOCA (Minimum Obstruction Clearance Altitude) – Độ cao tối thiểu vượt chướng ngại vật;
 - (23) MSL (Mean Sea Level) – Mức nước biển trung bình;
 - (24) nm (Nautical Mile) – Hải lý;
 - (25) NOTAM (Notice to Airmen) – NOTAM;
 - (26) RFM (Rotorcraft Flight Manual) – Tài liệu hướng dẫn bay trực thăng;
 - (27) RVR (Runway Visibility Range) – Tầm nhìn đường cất hạ cánh;

- (28) RVSM (Reduced Vertical Separation Minimum) – Giảm tiêu chuẩn tối thiểu phân cách cao;
- (29) PBE (Protective Breathing Equipment) – Thiết bị bảo vệ thở;
- (30) PIC (Pilot In Command) – Người chỉ huy tàu bay;
- (31) F/O (First Officer) – Lái phụ;
- (32) SCA (Senior Cabin Attendant)/Purser – Tiếp viên trưởng
- (33) SM (Statute Miles) – Dặm bộ;
- (34) VFR (Visual Flight Rules) – Quy tắc bay bằng mắt;
- (35) VMC (Visual Meteorological Conditions) – Điều kiện khí tượng bay bằng mắt.

10.007 PHÊ CHUẨN ĐẶC BIỆT²

a. Người chỉ huy tàu bay chỉ được thực hiện các chuyến bay với các loại hình khai thác đặc biệt khi được Cục HKVN phê chuẩn.

b. Các phê chuẩn đặc biệt được cấp bởi Cục HKVN theo một định dạng cụ thể và chứa đựng tối thiểu các thông tin để chỉ rõ loại hình khai thác đặc biệt được phê chuẩn, các giới hạn áp dụng, thời gian hết hiệu lực (nếu có).

CHƯƠNG B: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÀU BAY

10.010 DẤU HIỆU ĐĂNG KÝ

- (a) Không ai được khai thác tàu bay mang đăng ký quốc tịch Việt Nam trừ khi tàu bay đó mang dấu hiệu đăng ký đúng quy định trong Phần 2.
- (b) Không ai được khai thác tàu bay ở Việt Nam trừ khi tàu bay mang dấu hiệu đăng ký phù hợp với quy định trong Phụ ước 7 của ICAO.

10.013 CÁC THÔNG BÁO YÊU CẦU VỀ TÀU BAY

- (a) Không ai được khai thác tàu bay mang quốc tịch nước ngoài trong không phận Việt Nam trừ khi:
 - (1) Đã thông báo bằng văn bản cho Cục HKVN các nội dung sau:
 - (i) Số đăng ký quốc tịch tàu bay;
 - (ii) Nhà sản xuất, kiểu loại, và số sê-ri;
 - (iii) Số loạt tàu bay;
 - (iv) Sân bay căn cứ của tàu bay;
 - (v) Họ tên Người khai thác, địa chỉ và số điện thoại giao dịch; và
 - (vi) Một bản sao giấy bảo hiểm tàu bay còn hiệu lực.
 - (2) Được Cục HKVN cấp phép bay phù hợp.

² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

10.015 TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY CỦA TÀU BAY DÂN DỤNG

- (a) ³Tàu bay được phép khai thác vận tải hàng không dân dụng khi:
1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do quốc gia đăng ký tàu bay cấp còn hiệu lực.
 2. Tàu bay được duy trì tình trạng đủ điều kiện bay và đưa vào khai thác theo hệ thống bảo dưỡng được chấp thuận của quốc gia đăng ký.
- (b) Người chỉ huy tàu bay phải xác định tàu bay trong điều kiện bay an toàn trước khi cất cánh.
- (c) Người chỉ huy tàu bay phải dừng chuyến bay càng sớm càng tốt khi xảy ra tình trạng liên quan đến máy móc, điện hoặc cấu trúc tàu bay có thể làm cho tàu bay không đủ tiêu chuẩn bay.

10.017 CÁC GIỚI HẠN ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

- (a) ⁴Tổ chức, cá nhân được chỉ được khai thác tàu bay với các điều kiện sau:
1. Tuân thủ các quy định trong các điều khoản của Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hoặc trong tài liệu tương đương do quốc gia đăng ký cấp;
 2. Tuân thủ các giới hạn khai thác được phê chuẩn trong Tài liệu hướng dẫn bay của tàu bay;
 3. Tuân thủ các giới hạn trọng tải áp dụng trong Giấy chứng nhận tiếng ồn. Đối với các sân bay, đường băng không bị ảnh hưởng bởi sự nhiễu loạn tiếng ồn, Quốc gia tại nơi có sân bay hoặc đường băng đó có thể cho phép khai thác với giới hạn trọng tải khác với giới hạn quy định trong Giấy chứng nhận tiếng ồn của tàu bay.
- (b) Không ai được khai thác tàu bay với Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đặc biệt trừ khi Giấy chứng nhận này được cấp cùng với các giới hạn cần thiết.

10.020 THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ TÀU BAY

- (a) Không ai được khai thác tàu bay trừ khi tàu bay được trang bị các thiết bị và đồng hồ theo yêu cầu trong Phần 6 phù hợp với loại hình khai thác bay và tuyến đường bay.

10.023 CÁC THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ HỎNG

- (a) Không ai được thực hiện cất cánh tàu bay với thiết bị hoặc đồng hồ hỏng, trừ khi được Cục HKVN cho phép.
- (b) Không ai được thực hiện cất cánh tàu bay nhiều động cơ với các thiết bị và đồng hồ không hoạt động trừ khi đáp ứng các yêu cầu sau:
- (1) Có danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) đã được phê chuẩn;
 - (2) Được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn MEL để sử dụng cho tàu bay cụ thể và cho người có AOC cụ thể⁵;

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 3 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông

- (3) Danh mục thiết bị tối thiểu được phê chuẩn phải:
 - (i) Được soạn thảo phù hợp với các giới hạn quy định tại khoản (c) của Điều này;
 - (ii) Cho phép khai thác tàu bay với một số nhất định thiết bị và đồng hồ không hoạt động.
 - (iii) **Được xây dựng dựa theo bản MMEL hiện hành và được phê chuẩn của Nhà chức trách phù hợp.**
- (4) Hồ sơ xác định các thiết bị và đồng hồ không hoạt động phải được cung cấp cho người lái;
- (5) Tàu bay được khai thác trong phạm vi các điều kiện và giới hạn quy định trong MEL.
- (c) Các thiết bị và đồng hồ sau đây có thể không đưa vào MEL:
 - (1) Thiết bị và đồng hồ đã được quy định riêng biệt trong các yêu cầu về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay khi cấp Giấy chứng nhận loại cho tàu bay và các thiết bị, đồng hồ thiết yếu để khai thác an toàn trong mọi điều kiện;
 - (2) Các thiết bị và đồng hồ theo yêu cầu của thông báo kỹ thuật bắt buộc phải trong trạng thái hoạt động, trừ khi thông báo kỹ thuật bắt buộc có quy định khác;
 - (3) **Các thiết bị và đồng hồ theo yêu cầu của các loại hình khai thác cụ thể nêu trong các Phần 7, 9, 10, 11, 12 và 23 của Bộ QCATHK⁷.**
- (d) Tàu bay có thiết bị và đồng hồ theo yêu cầu không hoạt động chỉ được khai thác khi được Cục HKVN cấp phép bay đặc biệt theo quy định trong Phần 4.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 của Điều 10.023 về giới hạn cụ thể đối với các thiết bị và đồng hồ không hoạt động.

10.025 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN BAY TÀU BAY DÂN DỤNG, CÁC YÊU CẦU VỀ DẤU HIỆU VÀ TÍN HIỆU

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng trừ khi trên tàu bay có:
 - (1) Tài liệu hướng dẫn bay (AFM), tài liệu hướng dẫn bay trực thăng (RFM) hiện hành đã được Cục HKVN phê chuẩn; hoặc
 - (2) Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay đã được Cục HKVN phê chuẩn cho người có AOC.
 - (3) Nếu không có AFM hoặc RFM, phải có tài liệu hướng dẫn, các dấu hiệu và đánh dấu, hoặc kết hợp các phương pháp này để cung cấp cho PIC các giới hạn cần thiết phục vụ khai thác an toàn.
- (b) **⁸Các thông tin nói trên được thể hiện trên tàu bay dưới dạng bảng hiệu, danh mục**

tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶ Tiết này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 3 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản c Mục 3 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10

kiểm tra hoặc kết hợp các biện pháp này với nhau, trong đó phải chứa đựng các giới hạn khai thác đã được Quốc gia đăng ký tàu bay phê chuẩn để dễ nhận biết.

- (c) Người khai thác tàu bay dân dụng phải cập nhật AFM hoặc RFM, phải thực hiện các thay đổi bắt buộc của quốc gia đăng ký.

10.027 YÊU CẦU KIỂM TRA TÀU BAY VÀ THIẾT BỊ

- (a) Ngoại trừ những quy định khác của Cục HKVN, không ai được khai thác tàu bay dân dụng Việt Nam trừ khi tàu bay đã được kiểm tra các nội dung sau đây và bằng chứng về việc kiểm tra được mang theo tàu bay:

- (1) Kiểm tra định kỳ 12 tháng/lần;
- (2) Đối với khai thác thương mại hoặc cho thuê, kiểm tra sau 100 giờ khai thác;
- (3) Đối với khai thác theo quy tắc bay bằng thiết bị (IFR), kiểm tra định kỳ đồng hồ đo độ cao và hệ thống động áp 24 tháng/lần;
- (4) Đối với tàu bay được trang bị máy hỏi đáp, kiểm tra định kỳ máy hỏi đáp 12 tháng/lần;
- (5) Đối với tàu bay được trang bị máy phát định vị khẩn nguy (ELT), kiểm tra định kỳ ELT 12 tháng/lần; và
- (6) Đối với tàu bay IFR, kiểm tra định kỳ đài VOR 30 ngày/lần theo phương pháp quy định của Cục HKVN;

Ghi chú: Tàu bay IFR được bảo dưỡng theo chương trình bảo dưỡng liên tục sẽ có quy định khác không phải là 30 ngày.

- (7) Đối với tàu bay được trang bị thiết bị ghi dữ liệu bay và thiết bị ghi âm trong buồng lái, phải thực hiện kiểm tra sự hoạt động và đánh giá các nội dung ghi được nhằm đảm bảo các thiết bị này hoạt động với khoảng cách (interval) quy định của Cục HKVN.

Ghi chú: Các yêu cầu đối với loại hình kiểm tra này được nêu trong Phần 4.

- (b) Tàu bay được bảo dưỡng theo chương trình bảo dưỡng thay thế và kiểm tra được Cục HKVN phê chuẩn theo quy định ở Phần 4 có thể không phải ghi kiểm tra hàng năm hoặc kiểm tra sau 100 giờ khai thác trong hồ sơ bảo dưỡng.

Ghi chú: “Chương trình bảo dưỡng và kiểm tra thay thế” có thể bao gồm cả chương trình, hướng dẫn duy trì tiêu chuẩn đủ điều kiện bay theo khuyến cáo của nhà sản xuất tàu bay, hoặc chương trình do Người khai thác soạn thảo và được Cục HKVN phê chuẩn.

10.030 TÀI LIỆU PHẢI MANG THEO TÀU BAY ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH KHAI THÁC⁹

Tổ chức, cá nhân được khai thác tàu bay dân dụng khi trên tàu bay có các tài liệu hiện hành được phê chuẩn phù hợp với loại hình khai thác thực hiện như sau:

Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay;
- (2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;
- (3) Giấy chứng nhận tiếng ồn;
- (4) Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay, nếu được lắp đặt;
- (5) Nhật ký kỹ thuật hành trình của tàu bay theo quy định tại Phụ lục 1 của Điều 10.030.
- (6) Tài liệu hướng dẫn bay (AFM hoặc RFM);
- (7) Danh mục kiểm tra trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy;
- (8) Tài liệu hướng dẫn khai thác bay;
- (9) Các bảng hoặc đồ thị tính năng, trọng lượng và cân bằng của tàu bay;
- (10) Danh sách hành khách, hàng hóa trong trường hợp vận chuyển hành khách, hàng hóa;
- (11) Các bản đồ hiện hành phù hợp đối với:
 - i. Tuyến đường bay dự kiến;
 - ii. Các tuyến đường mà chuyến bay có thể chuyển hướng một cách hợp lý.
- (12) Tài liệu tín hiệu không- địa phục vụ tìm kiếm cứu nạn;
- (13) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự;
- (14) Kế hoạch khai thác bay;
- (15) Tài liệu hướng dẫn NOTAMS;
- (16) Các thông tin khí tượng;
- (17) Kế hoạch bay có sử dụng kiểm soát không lưu (ATC);

Các mẫu biểu tuân thủ yêu cầu báo cáo sự cố, tại nạn tàu bay theo quy định.

10.033 TÀI LIỆU BỔ SUNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

- (a) Không ai được khai thác quốc tế tàu bay dân dụng trừ khi trên tàu bay có các tài liệu bổ sung cần thiết cho các chuyến bay quốc tế đó, bao gồm:
 - (1) Tờ khai báo chung;
 - (2) Danh sách hành khách và các điểm lên và đích xuống của hành khách, nếu áp dụng;
 - (3) Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay;
 - (4) Các phương thức và tín hiệu liên quan đến bay chặn tàu bay;
 - (5) Giấy chứng nhận tiếng ồn bằng tiếng Anh; và
 - (6) Các tài liệu khác mà Cục HKVN hoặc các quốc gia liên quan có thể yêu cầu đối với chuyến bay dự định.

Ghi chú: Giấy chứng nhận tiếng ồn phải công bố tiêu chuẩn trong Phụ ước 16, chương 1 của ICAO. Công bố này có thể đưa vào bất kỳ tài liệu nào khác mang theo trên tàu bay và được Cục HKVN phê chuẩn.

10.035 CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG VỀ TÀI LIỆU ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI¹⁰

(a) Tổ chức, cá nhân được khai thác tàu bay dân dụng với mục đích vận tải hàng không thương mại khi các tài liệu hiện hành được phê chuẩn sau đây được mang theo trên tàu bay trong suốt quá trình khai thác:

1. Các phần của tài liệu hướng dẫn khai thác của người có AOC liên quan đến loại hình khai thác thực hiện;
2. Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay (AOM) được quốc gia Người khai thác chấp thuận;
3. Tài liệu MEL được quốc gia Người khai thác phê chuẩn;
4. Bản chứng thực Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay (AOC) được phê chuẩn và bản sao các quyền hạn, điều kiện, giới hạn của đội tàu bay khai thác;
5. Danh mục các phương thức tìm kiếm bom;
6. Các hướng dẫn về vị trí ít rủi ro nhất trong trường hợp phát hiện bom;

Các mẫu biểu tuân thủ yêu cầu báo cáo của Nhà chức trách người có AOC.

10.039 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH¹¹

Chương này đưa ra các yêu cầu đối với người lái nhằm đảm bảo họ đã được huấn luyện và đủ năng lực khai thác bay.

CHƯƠNG C: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ LÁI

10.040 THÀNH PHẦN TỔ LÁI

- (a) Số lượng và thành phần tổ lái không được ít hơn số lượng và thành phần quy định trong tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu khác liên quan đến Giấy chứng nhận tiêu chuẩn đủ điều kiện bay.
- (b) Yêu cầu phải có lái phụ trong khai thác vận tải hàng không thương mại theo IFR, trừ khi được Cục HKVN quy định khác.
- (c) Phải có các thành viên tổ lái bổ sung cho số lượng tổ lái tối thiểu quy định trong tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu khác liên quan đến Giấy chứng nhận tiêu chuẩn đủ điều kiện bay khi cần thiết, phù hợp với loại tàu bay sử dụng, loại hình khai thác, nhiệm vụ thực hiện và thời gian bay từ điểm này đến điểm khác đến khi thay đổi tổ lái.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (d) Tổ lái phải có tối thiểu một thành viên có giấy phép dẫn đường bay trong tất cả mọi loại hình khai thác khi Cục HKVN xác định việc dẫn đường là cần thiết để tiến hành an toàn chuyến bay.
- (e) ¹²Đối với loại tàu bay được thiết kế vị trí riêng biệt dành cho cơ giới trên không, Tổ lái phải bao gồm ít nhất một cơ giới trên không được bố trí tại vị trí làm việc trừ khi nhiệm vụ này do thành viên tổ lái có Giấy phép Cơ giới trên không thực hiện mà không ảnh hưởng đến nhiệm vụ thường lệ.

10.043 NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG: CÁC GIỚI HẠN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng để phục vụ công việc trên không trừ khi người đó đã được huấn luyện loại hình khai thác cụ thể trên loại tàu bay cụ thể sẽ sử dụng.
- (b) Không ai được phục vụ như một nhân viên hàng không, cũng không ai được sử dụng một nhân viên hàng không trong vận tải hàng không thương mại trừ khi người đó đã được huấn luyện về loại hình khai thác sẽ thực hiện phù hợp với quy định trong Phần 14.

10.045 GIẤY PHÉP YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ LÁI

- (a) Không ai được thực hiện chức năng người chỉ huy tàu bay (PIC) hoặc các chức năng khác như một thành viên tổ lái yêu cầu của tàu bay dân dụng:
 - (1) Mang đăng ký quốc tịch Việt Nam, trừ khi người đó có giấy phép phù hợp còn hiệu lực đối với vị trí cụ thể của người lái trên loại tàu bay đó, cùng với Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực;
 - (2) Mang quốc tịch nước ngoài, trừ khi người đó có giấy phép hiện hành còn hiệu lực đối với loại tàu bay đó do quốc gia đăng ký tàu bay cấp.
- (b) Không ai được thực hiện chức năng thành viên tổ lái trên tàu bay quốc tịch nước ngoài do người có AOC Việt Nam khai thác trừ khi người đó được cấp giấy phép cho loại, hạng tàu bay khai thác.
- (c) ¹³Chỉ được thực hiện chức năng của cơ giới trên không, dẫn đường trên không trên tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam khi người đó có giấy phép và năng định phù hợp.
- (d) ¹⁴Người chỉ huy của tàu bay được trang bị hệ thống tránh va chạm trên không (ACAS) phải đảm bảo mỗi thành viên tổ lái được huấn luyện phù hợp và sử dụng thành thạo hệ thống tránh va chạm trên không (ACAS). Huấn luyện ACAS được quy định tại Phụ lục 1 Điều 10.045.

10.047 THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRONG GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY

- (a) Không ai được thực hiện các quyền hạn trong giấy phép lái tàu bay do Cục HKVN cấp khi có thay đổi địa chỉ chính thức trong giấy phép mà sau 30 ngày kể

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 7 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 8 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 8 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

từ ngày thay đổi không thông báo cho Cục HKVN các thông tin sau:

- (1) Họ và tên đầy đủ;
- (2) Số giấy phép lái tàu bay;
- (3) Số nhà, tên phố, số hộp PO;
- (4) Tỉnh (đối với địa chỉ Việt Nam);
- (5) Tỉnh, quốc gia, mã bưu điện (đối với địa chỉ nước ngoài);
- (6) Số điện thoại (bao gồm cả mã nước).

10.050 GIẤY PHÉP SỬ DỤNG THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- (a) Đối với khai thác quốc tế, trong thành phần tổ lái phải có tối thiểu một thành viên có giấy phép hoặc phê chuẩn sử dụng vô tuyến do quốc gia đăng ký cấp hoặc công nhận hiệu lực cho phép sử dụng loại thiết bị vô tuyến trên tàu bay khai thác.

10.051 KHẢ NĂNG VỀ NGÔN NGỮ¹⁵

a. Nhân viên hàng không được hực hiện đàm thoại vô tuyến khi người có giấy chứng nhận tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo quy định tại Phần 7 Bộ QCATHK.

b. Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo tất cả thành viên tổ lái phải có Giấy chứng nhận về khả năng tiếng Anh để sử dụng trong đàm thoại, liên lạc bằng vô tuyến.

c. Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo thành viên tổ lái sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong hoạt động khai thác tàu bay.

d. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo thành viên tổ lái chứng minh được khả năng nói và hiểu tiếng Anh trong sử dụng đàm thoại, liên lạc vô tuyến theo quy định tại Phần 7 Bộ QCATHK.

10.053 YÊU CẦU VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

- (a) Những người sau đây phải có Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực để thực hiện các quyền hạn trong giấy phép hàng không:

- (1) Người lái;
- (2) Cơ giới trên không;
- (3) Dẫn đường bay; và

- (b) Không ai được phục vụ trong hoạt động khai thác tàu bay trừ khi người đó có Giấy chứng nhận sức khỏe hàng không còn hiệu lực.

(c) ¹⁶(được bãi bỏ).

(d) ¹⁷(được bãi bỏ).

(e) ¹⁸(được bãi bỏ).

¹⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 9 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 10 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 10 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.055 CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ VÀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI

- (a) Người chỉ huy tàu bay và người có AOC, phải đảm bảo giấy phép của mỗi thành viên tổ lái do quốc gia đăng ký tàu bay cấp hoặc công nhận chứa đựng các nội dung thích hợp, năng định loại và năng định hạng, và tất cả các thành viên tổ lái tuân thủ các yêu cầu về kinh nghiệm hiện tại quy định trong Phần này.

Ghi chú: Năng định loại và năng định hạng được quy định trong Phần 7, điều 7.025.

- (b) Không ai được khai thác tàu bay hoặc thực hiện các nhiệm vụ yêu cầu phải có giấy phép trên tàu bay trừ khi đã được cấp giấy phép phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật quy định trong Phần 7 của Bộ quy chế an toàn hàng không và/hoặc phù hợp với các tiêu chuẩn trong Phụ ước 1 của ICAO cho phép thực hiện các quyền hạn đó trên tàu bay.

10.057 YÊU CẦU VỀ NĂNG ĐỊNH CHUNG LOẠI, NĂNG ĐỊNH HẠNG VÀ NĂNG ĐỊNH LOẠI

- (a) Không ai được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay trừ khi người đó có năng định chung loại, năng định hạng và năng định loại phù hợp (nếu yêu cầu phải có năng định hạng và năng định loại) đối với tàu bay mà mình khai thác, trừ khi chỉ có duy nhất người lái đó trên tàu bay, hoặc:

- (1) Người lái đó đang được huấn luyện có sự giám sát của giáo viên hướng dẫn được ủy quyền để được cấp giấy phép lái tàu bay hoặc năng định bổ sung phù hợp với loại tàu bay mà mình khai thác; hoặc
- (2) Người lái đó đã được huấn luyện phù hợp với năng định chung loại, năng định hạng và năng định loại tàu bay (nếu yêu cầu phải có năng định hạng và năng định loại) đối với loại tàu bay sẽ khai thác, và đã được giáo viên hướng dẫn xác nhận.

- (b) Người lái không được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay có chở người khác, hoặc tàu bay khai thác thương mại hoặc cho thuê, trừ khi người lái đó có năng định chung loại, năng định hạng và năng định loại tàu bay (nếu yêu cầu phải có năng định hạng và năng định loại) áp dụng đối với tàu bay đó.

10.060 TRƯỜNG HỢP PHẢI CÓ NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY

- (a) Trừ các trường hợp nêu trong khoản (b) dưới đây, không ai được khai thác loại tàu bay dân dụng nào nêu sau đây với chức năng PIC trừ khi trong giấy phép lái tàu bay của người đó đã được chứng nhận cho phép khai thác loại tàu bay này:

- (1) **Tàu bay lớn, không phải loại khinh khí cầu có động cơ¹⁹.**
- (2) **Máy bay động cơ tuốc-bin²⁰.**

¹⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 10 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 11 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 11 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) **Trực thăng và máy bay có thể cất cánh, hạ cánh thẳng đứng²¹.**
 - (4) **Tàu bay được cấp Giấy chứng nhận khai thác với tổ lái tối thiểu hai người²².**
 - (5) Bất kỳ tàu bay nào mà Cục HKVN thấy cần thiết.
- (b) Cục HKVN có thể cho phép người lái không có năng định loại được khai thác tàu bay yêu cầu phải có năng định loại trong thời gian tối đa 60 ngày, với điều kiện:
- (1) Cục HKVN xác định có thể đạt được mức an toàn tương đương bằng cách thực hiện các giới hạn khai thác quy định trong giấy phép;
 - (2) Người làm đơn chứng minh không thể tuân thủ quy định tại khoản (a) Điều này đối với 1 chuyến bay hay một loạt các chuyến bay;
 - (3) Việc khai thác tàu bay:
 - (i) Chỉ với mục đích bay chuyên sâu, bay huấn luyện, bay thử nghiệm hoặc bay kiểm tra thực hành để cấp giấy phép lái tàu bay hoặc năng định;
 - (ii) Thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, trừ khi, theo thỏa thuận trước với Cục HKVN, tàu bay chỉ bay đến quốc gia thành viên gần kề để bảo dưỡng;
 - (iii) Không phải là để bồi thường hoặc cho thuê, trừ khi việc bồi thường hoặc cho thuê đó liên quan đến việc trả tiền do đã sử dụng tàu bay để huấn luyện hoặc kiểm tra thực hành; và
 - (iv) Chỉ với mục đích chuyên chở các thành viên tổ lái tối thiểu cho chuyến bay.
 - (4) Nếu mục đích của giấy phép quy định tại Điều này không thể được thực hiện trong giới hạn thời gian cho phép, Cục HKVN có thể cho phép bổ sung thêm thời gian tối đa là 60 ngày.

10.063 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NĂNG ĐỊNH BAY BẰNG THIẾT BỊ

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng với chức năng PIC trong các điều kiện dưới đây, trừ khi trong giấy phép lái tàu bay của người đó đã được cấp năng định bay bằng thiết bị hoặc năng định người lái vận tải hàng không (không giới hạn ở quy tắc VFR) đối với chủng loại, hạng và loại tàu bay nếu yêu cầu:
- (1) Trong điều kiện bay gần mây và tầm nhìn tối thiểu nhỏ hơn tầm nhìn quy định đối với quy tắc bay bằng mắt (VFR);
 - (2) Trong điều kiện khí tượng bay bằng thiết bị (IMC);
 - (3) Khi huấn lệnh của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu (ATS) cho phép khai thác theo quy tắc bay bằng thiết bị (IFR); hoặc
 - (4) Thực hiện khai thác VFR, đặc biệt vào ban đêm, trong vùng trời hạng G.

²¹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 11 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 11 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (b) Không ai được thực hiện nhiệm vụ với chức năng lái phụ trong các điều kiện quy định tại khoản (a) nói trên khi yêu cầu phải có lái phụ, trừ khi trong giấy phép lái tàu bay của người đó đã được cấp năng định bay bằng thiết bị đối với chủng loại tàu bay đó.

10.065 YÊU CẦU PHÊ CHUẨN KHAI THÁC CATII/III

- (a) Trừ các trường hợp nêu tại khoản (b) dưới đây, không ai được thực hiện chức năng thành viên tổ lái trên tàu bay dân dụng trong khai thác CATII/III, ngoại trừ:
- (1) Đối với PIC: phải có phê chuẩn khai thác CATII hoặc CATIII còn hiệu lực đối với loại tàu bay đó;
 - (2) Đối với lái phụ: phải được quốc gia đăng ký cho phép thực hiện chức năng lái phụ trên tàu bay đó khi khai thác CATII/III.
- (b) Không yêu cầu phải có phê chuẩn đặc biệt đối với những người lái của người có AOC đã được phê chuẩn khai thác CATII/III trong năng định khai thác, tuy nhiên, tất cả mọi người lái phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn khai thác CATII/III.

10.067 CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN BỔ SUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHỈ HUY TÀU BAY (PIC)

- (a) Không ai được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay phức tạp, tàu bay tính năng cao, hoặc tàu bay buồng kín có khả năng bay cao trên 25000 feet so với mặt nước biển trung bình (MSL), hoặc trên tàu bay mà Cục HKVN xác định là phải được huấn luyện loại đặc biệt, trừ khi người đó:
- (1) Đã được huấn luyện và được xác nhận đã huấn luyện trên mặt đất và trên không do giáo viên hướng dẫn bay được ủy quyền thực hiện trên loại tàu bay áp dụng, hoặc trên buồng lái giả định được phê chuẩn, hoặc trên thiết bị huấn luyện bay giả định được phê chuẩn đại diện cho loại tàu bay áp dụng, và đã được công nhận là thành thạo và nắm vững hoạt động và các hệ thống của tàu bay đó; và
 - (2) Đã một lần được giáo viên hướng dẫn bay được ủy quyền xác nhận là đã khai thác thành thạo tàu bay đó trong sổ tay người lái.
- (b) Yêu cầu huấn luyện bổ sung khi khai thác tàu bay bánh đuôi. Không ai được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay có bánh đuôi, trừ khi người đó:
- (1) Đã được giáo viên được ủy quyền huấn luyện bay và xác nhận đã được huấn luyện bay trên tàu bay có bánh đuôi về các thao tác, các phương thức quy định ở điểm (2), khoản (b); và
 - (2) Được giáo viên hướng dẫn được ủy quyền xác nhận trong nhật ký người lái là đã khai thác thành thạo tàu bay bánh đuôi, bao gồm tối thiểu các lần cất cánh và hạ cánh trong điều kiện bình thường, điều kiện có gió cạnh, hạ cánh bằng bánh (trừ khi nhà sản xuất không cho phép hạ cánh như vậy), và các phương thức bay lại.

10.070 NHẬT KÝ NGƯỜI LÁI TÀU BAY

- (a) Người lái phải có hồ sơ xác thực để chứng minh đã qua huấn luyện hàng không và có đủ kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu về cấp giấy phép lái tàu bay và các năng định, hoặc yêu cầu về kinh nghiệm hiện tại.

- (b) Người chỉ huy tàu bay phải mang theo nhật ký người lái trên tất cả các chuyến bay hàng không chung quốc tế.
- (c) Học viên bay phải mang theo nhật ký người lái cùng với các xác nhận đúng quy định của giáo viên hướng dẫn bay trên tất cả các chuyến bay đơn huấn luyện đường dài.
- (d) Người lái phải trình sổ tay người lái khi đại diện được ủy quyền của Cục HKVN hoặc người có thẩm quyền yêu cầu.

10.073 NỘI DUNG NHẬT KÝ NGƯỜI LÁI

- (a) Người lái phải ghi các thông tin sau đây đối với mỗi chuyến bay hoặc sau mỗi bài huấn luyện:
 - (1) Tổng quát:
 - (i) Ngày, tháng, năm;
 - (ii) Tổng thời gian bay;
 - (iii) Địa điểm nơi tàu bay đi và đến, đối với bài huấn luyện: buồng lái giả định được phê chuẩn hoặc thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn, địa điểm tiến hành huấn luyện;
 - (iv) Loại và nhận dạng của tàu bay, buồng lái giả định được phê chuẩn hoặc thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn;
 - (v) Họ tên người lái hỗ trợ, nếu yêu cầu.
 - (2) Chức năng hoặc loại hình huấn luyện của người lái:
 - (i) Bay đơn;
 - (ii) Người chỉ huy tàu bay;
 - (iii) Lái phụ;
 - (iv) Huấn luyện bay hoặc huấn luyện trên mặt đất do giáo viên hướng dẫn được ủy quyền thực hiện;
 - (v) Huấn luyện trên buồng lái giả định được phê chuẩn hoặc trên thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn do giáo viên hướng dẫn được ủy quyền thực hiện.
 - (3) Điều kiện thực hiện chuyến bay:
 - (i) Ngày hoặc đêm;
 - (ii) Thiết bị thực tế;
 - (iii) Điều kiện bay bằng thiết bị giả định trong khi bay, trên buồng lái giả định được Cục HKVN phê chuẩn, hoặc trên thiết bị huấn luyện bay được Cục HKVN phê chuẩn.

10.075 GHI THỜI GIAN BAY VÀ HUẤN LUYỆN²³

- a. ²⁴Người lái phải ghi Thời gian là phi công (Pilot time) tuân thủ các yêu cầu trong

²³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 12 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy quy định tại Mục 4 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ

Phụ lục 1 Điều 10.075 về ghi thời gian bay đối với:

1. Thời gian bay huấn luyện và kinh nghiệm để đáp ứng các yêu cầu về cấp Giấy phép và năng định quy định tại Phần 7 của Bộ QCATHK;
2. Tích lũy và kinh nghiệm hiện tại theo quy định tại Phần 10, 11 và 14 của Bộ QCATHK.

10.077 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA PIC: CẤT CÁNH VÀ HẠ CÁNH

- (a) Không ai được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay chuyên chở hành khách, trên tàu bay được cấp Giấy chứng nhận phải khai thác với nhiều hơn một thành viên tổ lái, trừ khi trong khoảng thời gian 90 ngày theo lịch trước đó:
 - (1) Đã thực hiện 3 lần cất cánh và hạ cánh với chức năng là người điều khiển trực tiếp tàu bay trên tàu bay cùng chủng loại, cùng hạng, và cùng loại nếu yêu cầu phải có năng định loại;
 - (2) Đối với tàu bay bánh đuôi: đã thực hiện 3 lần cất cánh và hạ cánh trên tàu bay có bánh đuôi, với các lần hạ cánh và dừng hẳn;
 - (3) Đối với khai thác ban đêm: đã thực hiện 3 lần cất cánh và hạ cánh theo quy định tại điểm (1), khoản (a) nói trên vào ban đêm.
- (b) ²⁵Chỉ được thực hiện chức năng lái phụ đối với tàu bay loại lớn hoặc động cơ tuốc bin hoặc tàu bay khác được cấp chứng chỉ yêu cầu nhiều hơn một người lái khi người lái đó đã hoàn thành 3 lần cất, hạ cánh theo yêu cầu tại khoản a của Điều này.
- (c) ²⁶Người lái không đáp ứng các yêu cầu kinh nghiệm hiện tại về cất và hạ cánh được quy định tại khoản a Điều này thì phải hoàn tất và đạt yêu cầu trong chương trình huấn luyện lại được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận.
- (d) ²⁷Có thể đáp ứng các yêu cầu nêu tại các khoản a và b hoặc c nói trên trong buồng lái giả định được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

10.080 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA NGƯỜI LÁI: KHAI THÁC THEO IFR

- (a) Không ai được thực hiện chức năng PIC trong khai thác theo IFR, hoặc trong điều kiện IMC, trừ khi trong thời hạn 6 tháng vừa qua người đó:
 - (1) Đã thực hiện tối thiểu 6 giờ bay bằng thiết bị, bao gồm tối thiểu 3 giờ bay trên tàu bay cùng loại; và
 - (2) Đã thực hiện tối thiểu 6 lần tiếp cận bằng thiết bị.
- (b) Người lái đã hoàn thành kiểm tra kỹ năng bay bằng thiết bị với đại diện được ủy

Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

²⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 13 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 13 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 13 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

quyền của Cục HKVN được phép tính mức độ duy trì kinh nghiệm hiện tại về khai thác theo IFR 6 tháng kể từ khi kết thúc kiểm tra.

- (c) ²⁸Được phép thực hiện chức năng PIC trên tàu bay được áp dụng theo quy định tại Phần 23 Bộ QCATHK khi 07 tháng trước đó đã hoàn thành kiểm tra kỹ năng bằng thiết bị được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận.

10.083 KINH NGHIỆM HIỆN TẠI CỦA NGƯỜI LÁI ĐỐI VỚI KHAI THÁC BAY HÀNG KHÔNG CHUNG²⁹

a. Chỉ được thực hiện chức năng người lái trên tàu bay khi được cấp chứng nhận loại khai thác với nhiều hơn 01 người lái áp dụng cho Phần 23 Bộ QCATHK khi trong 12 tháng trước đó đã đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra kỹ năng trên tàu bay nhiều hơn 01 người lái với người đại diện kiểm tra được ủy quyền của Cục Hàng không Việt Nam.

b. Chỉ được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay khi được cấp chứng nhận loại khai thác với 01 người lái khi trong 24 tháng trước đó đã đạt yêu cầu trong đợt xem xét bay với người đại diện kiểm tra được ủy quyền của Cục Hàng không Việt Nam.

c. Kiểm tra kỹ năng phải bao gồm các thao tác di chuyển máy bay và các phương thức phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn kiểm tra kỹ năng theo quy định.

10.085 CÁC YÊU CẦU KHÁC ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI³⁰

a. Các nhân viên có liên quan đến vận tải hàng không thương mại phải tuân thủ:

1. Các yêu cầu về huấn luyện ban đầu và huấn luyện định kỳ quy định trong Phần 14 Bộ QCATHK.

2. Các yêu cầu trong Phần 15 Bộ QCATHK về thời gian làm nhiệm vụ và thời gian bay tối đa và thời gian nghỉ tối thiểu.

10.087 CÁC QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI

- (a) Người lái chỉ được thực hiện khai thác trong phạm vi quyền hạn và giới hạn chung của loại giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực đã được Cục HKVN cấp.

10.090 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

- (a) Khi được huấn luyện và được thừa nhận đối với chủng loại, hạng và loại tàu bay sẽ khai thác, người có giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không có thể:

- (1) Thực hiện chức năng PIC (hoặc F/O) trên tàu bay khai thác vận tải hàng không thương mại nhiều người lái khi đã hoàn thành các yêu cầu bổ sung nêu trong Phần 14 Bộ QCATHK³¹;
- (2) Thực hiện các quyền hạn quy định đối với người lái thương mại;
- (3) Không được thực hiện huấn luyện bay trừ khi được ủy quyền cụ thể của

²⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 14 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 15 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 16 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 17 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Cục HKVN;

- (4) Thực hiện các quyền hạn quy định đối với năng định bay bằng thiết bị trên loại tàu bay đó, trừ khi giấy phép lái tàu bay chỉ giới hạn ở khai thác VFR; và
 - (5) Thực hiện các chức năng của người lái không chuyên, nếu phù hợp.
- (b) ³²Người lái đã có giấy phép lái tàu bay vận tải thương mại nhiều người lái trước đó chỉ được thực hiện khai thác các loại tàu bay khác khi người có giấy phép đáp ứng các yêu cầu quy định trong Điều 7.203.

10.092 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI CÓ GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY NHIỀU NGƯỜI LÁI³³

a. Người có giấy phép lái máy bay nhiều người lái có thể thực hiện:

1. Chức năng F/O trên máy bay vận tải thương mại khi yêu cầu khai thác phải có lái phụ;
2. Thực hiện các quyền hạn của năng định bay bằng thiết bị trong khai thác bay nhiều người lái.

b. Người có giấy phép lái máy bay nhiều người lái có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam thực hiện chức năng PIC trên máy bay một người lái với điều kiện đã hoàn thành các bài tập theo các quy định tại Điều 7.203 khi thực hiện:

1. Các quyền hạn của người lái thương mại;
2. Các quyền hạn năng định thiết bị;
3. Các quyền hạn đối với người lái không chuyên.

c. Cục Hàng không Việt Nam có thể lựa chọn cấp phép một hoặc nhiều năng định loại tàu bay đối với:

1. Giấy phép nhiều người lái;
2. Cấp riêng đối với giấy phép vận tải thương mại hoặc giấy phép người lái không chuyên với các năng định phù hợp.

10.093 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI LÁI THƯƠNG MẠI

(a) Khi được huấn luyện và được thừa nhận đối với chủng loại, hạng và loại tàu bay sẽ khai thác, người có giấy phép lái tàu bay thương mại có thể:

- (1) Thực hiện chức năng PIC trên máy bay có tổng trọng lượng tối đa 12.500 lbs hoặc trên trực thăng được chứng nhận khai thác với 1 người lái trong vận tải hàng không thương mại sau khi đã hoàn thành các yêu cầu bổ sung nêu trong Phần 14;
- (2) Thực hiện chức năng F/O trên tàu bay vận tải hàng không thương mại sau khi đã hoàn thành các yêu cầu bổ sung nêu trong Phần 14;
- (3) Thực hiện chức năng PIC (hoặc F/O) trên tàu bay khai thác công việc trên không với mục đích thương mại hoặc cho thuê;
- (4) Không được thực hiện huấn luyện bay trừ khi có giấy phép giáo viên hướng dẫn bay và năng định phù hợp;

³² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 17 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 18 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (5) Chấp nhận tuyển dụng với chức năng PIC hoặc F/O trên tàu bay của cá nhân hoặc công ty không có Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay; và
- (6) Thực hiện các chức năng của người lái không chuyên, nếu phù hợp.
- (b) Người có giấy phép lái tàu bay nhiều người lái có thể thực hiện chức năng của:
 - (1) Lái phụ trên tàu bay yêu cầu phải có lái phụ;
 - (2) Người chỉ huy tàu bay khi có xác nhận lái tàu bay thương mại trong giấy phép lái tàu bay nhiều người lái.

10.095 QUYỀN HẠN NĂNG ĐỊNH BAY BẰNG THIẾT BỊ

- (a) Khi được huấn luyện và được cho phép khai thác theo IFR trên chủng loại và hạng tàu bay sẽ khai thác, người có năng định bay bằng thiết bị có thể thực hiện chức năng người lái trên các chuyến bay theo IFR trong:
 - (1) Hàng không chung;
 - (2) Khai thác công việc trên không; và
 - (3) Vận tải hàng không thương mại với chức năng:
 - (i) PIC (hoặc F/O) trên tàu bay có tổng trọng lượng tối đa 5700kg sau khi đã hoàn thành các yêu cầu bổ sung nêu trong Phần 14;
 - (ii) F/O trên tàu bay có tổng trọng lượng tối đa lớn hơn 5700kg sau khi đã hoàn thành các yêu cầu bổ sung nêu trong Phần 14.
- (b) ³⁴Người được phê chuẩn năng định bay bằng thiết bị không được thực hiện những quyền cho phép trên tàu bay nhiều động cơ trừ khi người đó đã chứng tỏ khả năng bay bằng thiết bị trên máy bay nhiều động cơ có một động cơ không hoạt động theo quy định tại Điều 7.113.
- (c) ³⁵Người được phê chuẩn năng định bay bằng thiết bị cho loại máy bay này không được thực hiện quyền bay bằng thiết bị trên loại máy bay khác trừ khi đáp ứng các yêu cầu của từng loại máy bay.

10.097 QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN CỦA NGƯỜI LÁI KHÔNG CHUYÊN: THÀNH VIÊN TỔ BAY YÊU CẦU

- (a) Khi được huấn luyện và được thừa nhận đối với chủng loại, hạng và loại tàu bay sẽ khai thác, hoặc trong trường hợp là tàu lượn, phương pháp phóng tàu bay từ tàu bay khác, người có giấy phép lái tàu bay không chuyên có thể khai thác tàu bay chuyên chở hành khách hoặc hàng hóa như quy định trong Điều này.
- (b) Người lái không chuyên không được thực hiện chức năng thành viên tổ lái yêu cầu trên tàu bay chở hành khách hoặc hàng hóa để lấy tiền hoặc cho thuê, hoặc với mục đích huấn luyện bay.
- (c) Người lái không chuyên có thể thực hiện chức năng thành viên tổ lái yêu cầu trên tàu bay liên quan đến việc kinh doanh hoặc chở thuê nếu:

³⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 19 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 19 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Người lái đó có năng định chủng loại, năng định hạng và năng định loại;
 - (2) Trong trường hợp bất khả kháng trên chuyến bay thương mại; và
 - (3) Chuyến bay được thực hiện với mục đích vận tải hàng không thương mại theo quy định trong quy chế này.
- (d) Người lái không chuyên có thể nhận tiền công hoặc tiền thưởng có giá trị vì đã đóng góp các chi phí cho chuyến bay, với điều kiện người lái đó không thể trả ít hơn tỷ lệ đóng góp các chi phí cho chuyến bay với hành khách, và với điều kiện các chi phí chỉ liên quan đến nhiên liệu, dầu nhớt hoặc phí thuê tàu bay.
- (e) ³⁶Trước khi thực hiện quyền hạn của người lái máy bay không chuyên vào ban đêm, người có giấy phép phải được hướng dẫn bay đêm với loại tàu bay tương ứng bao gồm cất, hạ cánh và dẫn đường.
- (f) ³⁷Người lái không chuyên có năng định loại tàu lượn có thể thực hiện chức năng của PIC khi đáp ứng các yêu cầu sau:
- (1) Có giấy phép đã được công nhận bằng văn bản về kinh nghiệm và phương thức khai thác được sử dụng;
 - (2) Có tối thiểu 10 giờ bay với chức năng của người lái tàu lượn trong trường hợp có chở theo hành khách.
- (g) ³⁸Người lái không chuyên với năng định loại tàu bay nhẹ hơn không khí chỉ được thực hiện chức năng của PIC trên loại khí cầu (dùng gas hoặc không khí nóng) đã được công nhận bằng văn bản về kinh nghiệm khai thác trên loại khí cầu đó.

10.100 HỌC VIÊN BAY: CÁC GIỚI HẠN CHUNG

- (a) Học viên bay không được thực hiện chức năng PIC trên tàu bay:
- (1) Chuyên chở hành khách;
 - (2) Chuyên chở hàng hóa thương mại hoặc chở thuê;
 - (3) Khai thác với mục đích thương mại hoặc cho thuê;
 - (4) Xúc tiến thương mại;
 - (5) Khai thác chuyến bay quốc tế trừ khi có những thỏa thuận chung hoặc cụ thể giữa các quốc gia liên quan³⁹;
 - (6) Trong chuyến bay có tầm nhìn trên mặt đất nhỏ hơn 9 km (5 dặm bộ) ban ngày;
 - (7) Khi chuyến bay không thể thực hiện với các vật chuẩn nhìn thấy trên mặt đất; hoặc

³⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 21 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (8) Theo cách thức trái với các giới hạn mà giáo viên hướng dẫn bay được phê chuẩn đã ghi trong hồ sơ huấn luyện của học viên bay.
- (b) Học viên bay không được thực hiện chức năng thành viên tổ lái yêu cầu trên tàu bay khai thác với nhiều hơn một thành viên tổ lái theo quy định trong Giấy chứng nhận loại hoặc theo quy định đối với loại hình khai thác, trừ khi học viên bay đang được huấn luyện bay do giáo viên hướng dẫn bay được ủy quyền thực hiện trên khí cầu, và trên tàu bay không có ai ngoài thành viên tổ lái yêu cầu trên tàu bay.

10.103 CÁC GIỚI HẠN BAY ĐƠN ĐỐI VỚI HỌC VIÊN BAY

- (a) Học viên bay không được bay đơn trên tàu bay trừ khi đã được huấn luyện và đã đáp ứng tất cả các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng:
- (1) Quy định tại Điều 7.177 Phần 7 đối với bay đơn; và
 - (2) Quy định tại Điều 7.179 Phần 7 đối với các chuyến bay đơn huấn luyện đường dài; và
 - (3) Được xác nhận các nội dung trên trong nhật ký người lái.
- (b) Học viên bay không được bay đơn trên tàu bay trừ khi trong 90 ngày trước khi thực hiện chuyến bay đã được giáo viên hướng dẫn xác nhận học viên bay đã được huấn luyện trên loại, kiểu của tàu bay sẽ bay đơn.
- (1) Trong giấy phép lái tàu bay của học viên bay; và
 - (2) Trong nhật ký người lái của học viên.
- (c) Học viên bay không được khai thác bay đơn ban đêm.
- (d) Học viên bay không được bay đơn huấn luyện đường dài xa hơn 40 km (25 dặm bộ) trừ khi kế hoạch bay đã được giáo viên hướng dẫn bay xem xét và nhật ký người lái của học viên đã được giáo viên hướng dẫn xác nhận đối với chuyến bay theo quy định tại Điều 7.140, Phần 7.

10.105 QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY⁴⁰

a. Giáo viên hướng dẫn bay được ủy quyền trong phạm vi các giới hạn trong giấy phép lái tàu bay, năng định người lái tàu bay và năng định giáo viên bay để thực hiện huấn luyện và xác nhận huấn luyện liên quan đến:

1. Giấy phép học viên bay, bao gồm giám sát bay đơn;
2. Giấy phép lái tàu bay;
3. Giấy phép giáo viên hướng dẫn bay;
4. Giấy phép giáo viên hướng dẫn trên mặt đất;
5. Năng định, chủng loại, hạng hoặc loại tàu bay;
6. Năng định bay bằng thiết bị;
7. Đánh giá chuyến bay, năng định khai thác hoặc yêu cầu về kinh nghiệm

hiện tại;

8. Kiểm tra kỹ năng;
9. Kiểm tra kiến thức lý thuyết.

b. Các yêu cầu lưu giữ hồ sơ giáo viên hướng dẫn bay được quy định tại Phụ lục 1

⁴⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 22 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Điều 10.105.

c. Các giới hạn đối với giáo viên hướng dẫn bay được quy định tại Phụ lục 2 Điều 10.105.

d. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại Điều này, người có giấy phép giáo viên hướng dẫn bay với năng định phù hợp được phép:

1. Thực hiện huấn luyện theo yêu cầu để học viên bay có thể bay đơn và bay đơn huấn luyện đường dài;

2. Xác nhận cho người đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay, giấy phép giáo viên hướng dẫn bay, giáo viên hướng dẫn trên mặt đất và các năng định theo quy định trong Phần này;

3. Xác nhận huấn luyện trong nhật ký người lái;

4. Xác nhận quyền được khai thác bay đơn trong giấy phép học viên bay và sổ tay học viên bay.

e. Các giáo viên hướng dẫn phải:

1. Có Giấy phép và năng định để hướng dẫn với loại máy bay tương ứng;

2. Có Giấy phép và năng định để thực hiện công việc của người chỉ huy của tàu bay theo nội dung hướng dẫn;

3. Được Cục Hàng không Việt Nam cấp về:

i. Giấy phép giáo viên bay;

ii. Chứng nhận quyền hạn của giáo viên bay nêu trong bằng lái.

f. Trong trường hợp hướng dẫn cho người lái thuộc tổ bay nhiều người lái, hướng dẫn viên bay phải đáp ứng tất cả các yêu cầu chuyên môn theo quy định.

g. Người có giấy phép sau đây được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn viên bay:

1. Có giấy phép người lái thương mại loại tàu bay nhẹ hơn không khí đã được huấn luyện bay với loại tàu bay này;

2. Có giấy phép người lái vận tải thương mại với loại tàu bay tương ứng, được huấn luyện theo chương trình huấn luyện được phê chuẩn theo Phần 14 Bộ QCATHK;

3. Được huấn luyện phù hợp theo quy định của Phần 9 Bộ QCATHK;

4. Người có giấy phép giáo viên hướng dẫn mặt đất thực hiện công việc theo quyền hạn quy định nêu trong giấy phép.

10.107 QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Không ai được thực hiện chức năng cơ giới trên không trên tàu bay mang đăng ký quốc tịch Việt Nam trừ khi người đó có giấy phép cơ giới trên không với các năng định phù hợp.

(b) Người có giấy phép cơ giới trên không với năng định phù hợp được quyền thực hiện các nhiệm vụ của mình trên tàu bay mà trong Giấy chứng nhận loại đòi hỏi phải có cơ giới trên không khi khai thác.

(c) Cơ giới trên không trong khai thác vận tải hàng không thương mại phải được huấn luyện phù hợp với các yêu cầu tại Phần 14.

10.108 QUYỀN HẠN VÀ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG BAY

(a) Không ai được thực hiện chức năng dẫn đường bay trên tàu bay mang đăng ký quốc tịch Việt Nam trừ khi người đó có giấy phép dẫn đường bay với các năng định phù hợp.

(b) Người có giấy phép dẫn đường bay với năng định phù hợp được quyền thực hiện

các nhiệm vụ của mình trên tàu bay mà trong Giấy chứng nhận loại đòi hỏi phải có dẫn đường bay khi khai thác.

- (c) Cơ giới trên không trong khai thác vận tải hàng không thương mại phải được huấn luyện phù hợp với các yêu cầu tại Phần 14.

CHƯƠNG D: NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY

10.110 QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHỈ HUY TÀU BAY (PIC)

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải chịu trách nhiệm đối với việc khai thác và an toàn của tàu bay, an toàn của hành khách và hàng hóa trên tàu bay khi:
- (1) Các cửa tàu bay đã đóng, nếu có cửa; và
 - (2) Tàu bay đã sẵn sàng chuyển động với mục đích cất cánh cho đến khi dừng hẳn sau chuyến bay với các bộ phận lực đẩy chủ yếu đã tắt, các cánh quạt và cánh quay dừng quay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay là người có quyền hạn cuối cùng đối với việc khai thác tàu bay mà mình chỉ huy.
- (c) Người chỉ huy tàu bay, dù trực tiếp điều khiển hay không, phải chịu trách nhiệm đối với việc khai thác tàu bay tuân thủ các quy tắc bay, trừ trường hợp khẩn nguy PIC có thể thực hiện khác với quy tắc bay khi thấy cần thiết để đảm bảo an toàn.
- (d) ⁴¹Những quy định của Bộ QCATHK này không làm giảm trách nhiệm của người chỉ huy tàu bay đưa ra phương án xử lý điều khiển chống va chạm dựa trên những chỉ dẫn của hệ thống ACAS.

10.113 CHỈ ĐỊNH PIC TRONG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI⁴²

a. Người chỉ huy tàu bay phải được chỉ định bằng văn bản hoặc máy tính chuyên dụng bởi:

1. Người khai thác vận tải thương mại có AOC;
2. Người khai thác hàng không chung;
3. Những người khai thác quy định theo Phần 23 Bộ QCATHK.

b. PIC phải đảm bảo các thành viên tổ bay được phân công làm nhiệm vụ đã được huấn luyện đúng vị trí yêu cầu và phải có mặt tại vị trí của họ trước khi chuẩn bị chuyến bay.

c. PIC phải đảm bảo các thành viên tổ tiếp viên đã được huấn luyện làm việc đúng vị trí yêu cầu, có mặt tại vị trí của họ trước khi chuẩn bị chuyến bay và phải có tiếp viên trưởng trong trường hợp tổ tiếp viên có nhiều hơn 02 người.

d. Người khai thác tàu bay chỉ được phân công thành viên tổ bay khi đã được huấn luyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

1. Tại vị trí làm việc của họ theo yêu cầu;
2. Trong tình huống khẩn nguy hoặc thoát hiểm khẩn cấp.

⁴¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 23 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 24 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.114 KIỂM SOÁT KHAI THÁC⁴³

- a. Người chỉ huy tàu bay phải có trách nhiệm kiểm soát khai thác đối với tất cả các chuyến bay hoạt động hàng không chung và công việc trên không.
- b. Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, việc điều hành khai thác tuân thủ theo Phần 16 Bộ QCATHK.

10.115 TUÂN THỦ PHÁP LUẬT CỦA QUỐC GIA LIÊN QUAN

- (a) Thành viên tổ bay phải tuân thủ luật pháp, quy định và phương thức của quốc gia nơi khai thác tàu bay.
- (b) Thành viên tổ bay khi đi làm nhiệm vụ phải mang theo thẻ thành viên tổ bay do Cục HKVN cấp phù hợp với quy định tại Phụ ước 9 của Công ước Chi-ca-go để tạo điều kiện thuận lợi trong khi làm nhiệm vụ và đáp ứng các yêu cầu của các quốc gia nơi khai thác tàu bay.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 10.115 để có thêm chi tiết về quy định cấp thẻ thành viên tổ bay.

- (c) Nếu tình huống khẩn nguy đe dọa an toàn của tàu bay hoặc người trên tàu bay đòi hỏi phải có hành động vi phạm quy chế và các phương thức địa phương, người chỉ huy tàu bay phải:
 - (1) Ngay lập tức thông báo cho nhà chức trách phù hợp của địa phương;
 - (2) Gửi báo cáo về tình huống xảy ra cho quốc gia nơi xảy ra sự cố, nếu yêu cầu; và
 - (3) Gửi một bản sao báo cáo nói trên cho Cục HKVN.
- (d) Người chỉ huy tàu bay phải nộp báo cáo quy định tại khoản (c) nói trên theo mẫu quy định cho Cục HKVN trong vòng 10 ngày.

10.117 QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN TỔ LÁI

- (a) Không ai được thực hiện chức năng PIC hoặc các chức năng thành viên tổ lái khác khi thấy tình trạng sức khỏe của mình bị giảm dẫn đến không thể thực hiện một cách an toàn các quyền hạn trong giấy phép lái tàu bay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay phải chịu trách nhiệm đảm bảo chuyến bay:
 - (1) Không được bắt đầu nếu bất kỳ thành viên nào của tổ lái bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ vì bất kỳ lý do nào, ví dụ như bị thương, bị ốm, mệt mỏi, bị ảnh hưởng của rượu hoặc thuốc; hoặc
 - (2) Không được tiếp tục vượt xa hơn sân bay phù hợp gần nhất nếu khả năng thực hiện nhiệm vụ của một thành viên tổ lái bị giảm đáng kể do mệt mỏi, ốm hoặc thiếu ô-xy.

10.120 SỬ DỤNG CÁC CHẤT CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI

- (a) Không ai được thực hiện hoặc có ý định thực hiện chức năng thành viên tổ bay trên tàu bay dân dụng:

⁴³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 25 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Trong vòng 8 giờ sau khi uống đồ uống có cồn với độ cồn trong máu vượt quá mức 0,02 % tại thời điểm bắt đầu của thời gian làm nhiệm vụ;
 - (2) Đang bị ảnh hưởng của cồn; hoặc
 - (3) Khi đang sử dụng các chất có ảnh hưởng đến trí tuệ có thể làm cho họ không có khả năng thực hiện an toàn và chính xác nhiệm vụ của mình.
- (b) Thành viên tổ bay phải chịu sự kiểm tra độ cồn hoặc chất có ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi trong máu khi người có thẩm quyền yêu cầu:
- (1) Tối đa 8 giờ trước khi thực hiện chức năng thành viên tổ bay;
 - (2) Ngay sau khi định thực hiện chức năng thành viên tổ bay; hoặc
 - (3) Ngay sau khi thực hiện chức năng thành viên tổ bay.

Ghi chú: Quy định về giới hạn độ cồn được nêu trong Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

- (c) Không thành viên tổ bay nào trên tàu bay dân dụng được tự ý sử dụng các chất có ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 10.120 về các yêu cầu cụ thể đối với việc kiểm tra độ cồn và các chất ảnh hưởng đến thần kinh.

10.123 VIỆC SỬ DỤNG ĐAI AN TOÀN VÀ DÂY QUÀNG VAI CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY

- (a) Mỗi thành viên tổ bay phải thắt dây an toàn khi tàu bay cất và hạ cánh, và bất cứ khi nào ngồi ở vị trí làm việc của mình.
- (b) Mỗi thành viên tổ bay khi ngồi tại vị trí làm việc có trang bị dây quàng vai phải thắt dây quàng vai trong suốt giai đoạn cất cánh và hạ cánh.
- (c) Người ngồi tại vị trí làm việc có trang bị cả dây an toàn và dây quàng vai phải sử dụng cả 2 loại dây an toàn này trong suốt giai đoạn cất cánh và hạ cánh và phải kết hợp sao cho có thể thực hiện chính xác nhiệm vụ được phân công.
- (d) Tại mỗi chỗ ngồi trống có trang bị dây an toàn và dây quàng vai, phải cố định dây an toàn và dây quàng vai sao cho chúng không làm cản trở thành viên tổ bay trong khi họ thực hiện nhiệm vụ hoặc không làm cản trở lối ra của người trên tàu bay trong trường hợp khẩn nguy.

10.125 THÀNH VIÊN TỔ LÁI TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC

- (a) Mỗi thành viên tổ lái yêu cầu phải ngồi tại vị trí làm việc được phân công trong suốt giai đoạn cất cánh và hạ cánh, và trong các giai đoạn trọng yếu khác của chuyến bay.
- (b) ⁴⁴Người có AOC phải quy định trong tài liệu hướng dẫn khai thác đảm bảo thường xuyên duy trì ít nhất 02 thành viên tổ lái hoặc 01 thành viên tổ lái và 01 thành viên tổ bay trong buồng lái trong suốt các giai đoạn khác của chuyến bay, trong các trường hợp như sau:
 - (1) Việc vắng mặt là cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình liên quan đến

⁴⁴ Tiêu đề khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 26 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

khai thác tàu bay;

- (2) Việc vắng mặt là cần thiết do nhu cầu sinh lý, với điều kiện phải có một người lái được huấn luyện phù hợp luôn có mặt tại vị trí điều khiển tàu bay; hoặc
- (3) Thành viên tổ bay rời vị trí làm việc đi nghỉ ngơi và người lái hết thời gian nghỉ ngơi vào thay thế.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 10.125 về các yêu cầu cụ thể đối với thành viên tổ bay thay thế.

10.127 YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ CỦA THÀNH VIÊN TỔ BAY

- (a) Mỗi thành viên tổ bay liên quan đến khai thác bay ban đêm phải có đèn pin tại vị trí làm việc của mình.
- (b) Mỗi thành viên tổ lái phải có tại vị trí làm việc của mình danh mục kiểm tra tàu bay với các phương thức trước khi cất cánh, sau cất cánh, trước hạ cánh và các phương thức khẩn nguy.
- (c) Mỗi thành viên tổ lái phải có tại vị trí làm việc của mình bản đồ phù hợp về tuyến đường bay dự định và các tuyến đường bay có thể sử dụng khi hoàn cảnh đòi hỏi phải chuyển hướng chuyến bay.
- (d) Thành viên tổ lái đeo kính râm khi thực hiện nhiệm vụ thành viên tổ lái phải đảm bảo là loại không phân cực và có màu xám trung tính.

10.130 YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP MẮT PHẢI ĐIỀU CHỈNH BẰNG KÍNH

- (a) Mỗi thành viên tổ lái được đánh giá là đủ điều kiện thực hiện các quyền hạn trong giấy phép lái tàu bay chỉ khi đeo kính điều chỉnh mắt phù hợp hoặc sẵn sàng có kính để đeo ngay khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ lái yêu cầu.
- (b) Mỗi thành viên tổ lái được đánh giá là đủ điều kiện thực hiện các quyền hạn trong giấy phép lái tàu bay chỉ khi đeo kính điều chỉnh mắt phù hợp và phải có kính dự phòng khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ lái trong vận tải hàng không thương mại.
- (c) Nếu việc điều chỉnh cự ly gần khác với các cự ly đã được kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận sức khỏe để thực hiện các công việc phải nhìn bằng mắt trong buồng lái, người làm đơn phải có và sử dụng kính điều chỉnh cự ly khi giám định sức khỏe.

10.133 TUÂN THỦ DANH MỤC KIỂM TRA

- (a) ⁴⁵Người chỉ huy tàu bay và Người khai thác tàu bay phải đảm bảo tổ bay:
 1. Có trong buồng lái danh mục kiểm tra cho từng giai đoạn chuyến bay và các phương án xử lý khẩn nguy;
 2. Sử dụng danh mục kiểm tra trước, trong và sau mỗi giai đoạn chuyến bay và các tình huống khẩn nguy.
- (b) Tất cả các thành viên tổ lái phải sử dụng danh mục kiểm tra trước, trong và sau tất cả các giai đoạn khai thác và trong trường hợp khẩn nguy nhằm đảm bảo tuân

⁴⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 27 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

thủ:

- (1) Các phương thức khai thác quy định trong tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay; và
 - (2) Tài liệu hướng dẫn bay; hoặc
 - (3) Các tài liệu khác liên quan đến Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay; và
 - (4) Các quy định khác trong tài liệu hướng dẫn khai thác.
- (c) ⁴⁶Việc biên soạn và sử dụng danh mục kiểm tra phải tính đến các nguyên tắc yếu tố con người.

10.135 CÁC THÔNG TIN TÌM KIẾM CỨU NẠN

- (a) Đối với tất cả các chuyến bay quốc tế, người chỉ huy tàu bay phải có sẵn trên tàu bay các thông tin thiết yếu về dịch vụ tìm kiếm cứu nạn tại các khu vực dự định khai thác.
- (b) ⁴⁷Người khai thác tàu bay có liên quan đến yêu cầu của Phần 12 hoặc Phần 23 Bộ QCATHK này phải đảm bảo Người chỉ huy tàu bay nắm vững các thông tin liên quan đến các dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn trong khu vực khai thác của tàu bay.

10.137 XUẤT TRÌNH TÀI LIỆU TÀU BAY VÀ TÀI LIỆU CHUYẾN BAY

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải xuất trình các tài liệu phải mang theo tàu bay cho người được ủy quyền của Cục HKVN trong thời gian quy định khi được yêu cầu.

10.140 KHÓA CỬA BUỒNG LÁI: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo cửa buồng lái (nếu có) được khóa trong quá trình khai thác vận tải hàng không thương mại chuyên chở hành khách kể từ khi tất cả cửa ngoài đóng sau khi hành khách lên tàu bay cho đến khi các cửa ngoài mở để hành khách xuống tàu bay, ngoại trừ khi cần thiết để người có thẩm quyền vào buồng lái và để thoát hiểm.
- (b) ⁴⁸Chỉ được mở cửa buồng lái trong khi bay khi người mở cửa đã quan sát được khu vực cửa để xác định người yêu cầu mở cửa vào buồng lái.

10.143 CHO PHÉP NGƯỜI VÀO BUỒNG LÁI: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Không ai được phép cho bất kỳ người nào vào buồng lái tàu bay khai thác vận tải hàng không thương mại trừ khi người vào buồng lái:
 - (1) Là thành viên tổ bay khai thác tàu bay;
 - (2) Là đại diện của Cục HKVN chịu trách nhiệm về cấp chứng nhận, cấp phép, hoặc kiểm tra, nếu yêu cầu phải vào buồng lái để thực hiện nhiệm vụ của mình; hoặc
 - (3) Được phép vào buồng lái theo quy định trong tài liệu hướng dẫn khai thác.

⁴⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 27 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 28 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 29 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(b) PIC phải đảm bảo:

- (1) Vì lợi ích an toàn, việc cho người vào buồng lái không làm sao nhãng và/hoặc cản trở quá trình khai thác bay; và
- (2) Tất cả mọi người trong buồng lái đã được làm quen với các phương thức an toàn liên quan.

10.145 CHO PHÉP GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN VÀO BUỒNG LÁI

(a) Bất kỳ lúc nào khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của mình, giám sát viên an toàn được Cục HKVN bổ nhiệm phải xuất trình cho PIC thẻ giám sát viên an toàn hàng không do Cục HKVN cấp, và PIC phải cho phép giám sát viên an toàn vào buồng lái tàu bay để thực hiện chức năng kiểm tra một cách liên tục và không hạn chế.

10.147 NHIỆM VỤ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN TRỌNG YẾU CỦA CHUYẾN BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Không thành viên nào của tổ lái được thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong giai đoạn trọng yếu của chuyến bay ngoại trừ các nhiệm vụ đảm bảo khai thác an toàn tàu bay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay không được cho phép thành viên tổ lái thực hiện bất cứ hoạt động nào trong giai đoạn trọng yếu của chuyến bay có thể làm sao nhãng hoặc cản trở việc thực hiện nhiệm vụ mà họ được giao.

10.150 LIÊN LẠC TRONG BUỒNG LÁI

(a) Mỗi thành viên tổ lái yêu cầu phải sử dụng micro chống ồn hoặc micro quang cổ để liên lạc với nhau và với dịch vụ không lưu khi ở dưới khu vực chuyển tiếp hoặc ở dưới độ cao 10.000 ft, chọn giá trị thấp hơn.

10.153 ĐIỀU KHIỂN TÀU BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Người chỉ huy tàu bay không được cho phép người chưa được huấn luyện đầy đủ thao tác bảng điều khiển tàu bay trong khai thác vận tải hàng không thương mại.
- (b) Không ai được điều khiển tàu bay trong quá trình khai thác vận tải hàng không thương mại trừ khi người đó đã được huấn luyện đầy đủ để thực hiện các chức năng của thành viên tổ lái và được người có AOC cho phép.

10.155 TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU YÊU CẦU MANG THEO TÀU BAY

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo mang theo tàu bay tất cả các tài liệu quy định đối với từng chuyến bay tại các Điều 10.030, 10.033 và/ hoặc 10.035.
- (b) ⁴⁹Đối với các chuyến bay quốc tế, PIC phải hoàn thiện các tài liệu sau:
 1. Nhật ký hành trình, chi tiết từng chuyến bay;
 2. Tờ khai chung, cách thức lưu giữ và giao nhận.

10.157 HOÀN THÀNH NHẬT KÝ KỸ THUẬT TÀU BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

(a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo tất cả các nội dung trong nhật ký kỹ thuật được hoàn thành tại các thời điểm phù hợp trước, trong và sau chuyến bay.

⁴⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 30 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.160 BÁO CÁO CÁC BẤT THƯỜNG VỀ KỸ THUẬT

- (a) Khi kết thúc chuyến bay, PIC phải đảm bảo tất cả các hỏng hóc hoặc nghi ngờ hỏng hóc phát hiện trong chuyến bay được:
 - (1) Báo cáo bằng văn bản cho Người khai thác tàu bay đối với khai thác hàng không chung;
 - (2) Ghi vào nhật ký kỹ thuật tàu bay đối với khai thác vận tải hàng không thương mại;
- (b) Không ai được cho phép hoặc tham gia khai thác tàu bay trừ khi tất cả các hỏng hóc đã được khắc phục hoặc được trì hoãn phù hợp với MEL đã phê chuẩn hoặc các dữ liệu kỹ thuật của nhà sản xuất trước khi thực hiện chuyến bay.

10.163 BÁO CÁO VỀ VIỆC KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ PHƯƠNG TIỆN VÀ THIẾT BỊ DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

- (a) Mỗi thành viên tổ bay phải báo cáo ngay lập tức về bất kỳ sự không đáp ứng đầy đủ hoặc bất thường nào của phương tiện hoặc thiết bị trợ giúp dẫn đường phát hiện ra trong quá trình khai thác cho người có trách nhiệm quản lý các phương tiện và thiết bị đó.

10.165 BÁO CÁO THỜI TIẾT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN NGUY HIỂM⁵⁰

a. Tổ lái phải ghi chép và báo cáo các quan sát khí tượng thường lệ trong khi khởi hành, trên đường bay, trong giai đoạn lấy độ cao và các quan sát đặc biệt, bất thường khác trong bất kì giai đoạn nào của chuyến bay.

b. Khi làm báo cáo về điều kiện khí tượng trong chuyến bay, người lái phải tuân thủ các phương thức ghi chép và báo cáo những điều quan sát được một cách hợp lý.

c. Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo cho cơ quan ATC phù hợp ngay lập tức và đầy đủ các chi tiết liên quan đến an toàn của tàu bay khác, các điều kiện nguy hiểm gặp phải trong khi bay, bao gồm cả các điều kiện sau:

- 1. Điều kiện thời tiết;
- 2. Các hoạt động núi lửa;
- 3. Bất kỳ báo cáo khác được quy định bởi Cục HKVN.

d. Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo các biểu hiện ảnh hưởng tới hiệu suất của hệ thống phanh tàu bay (AIREP) do tình trạng của bề mặt đường cất hạ cánh.

10.167 BÁO CÁO SỰ CỐ

- (a) Người chỉ huy tàu bay khai thác thương mại có trọng lượng cất cánh tối đa trên 5700 kg hoặc trực thăng có trọng lượng cất cánh tối đa trên 3180 kg phải thực hiện báo cáo sự cố, tai nạn tàu bay theo quy định tại Phụ lục 01 và 04 của Nghị định 75/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng; và
- (b) Báo cáo không lưu: Người chỉ huy tàu bay phải nộp ngay lập tức báo cáo sự cố không lưu khi trong chuyến bay tàu bay gặp nguy hiểm do:
 - (1) Suýt va chạm vào vật thể hoặc tàu bay khác;
 - (2) Kiểm soát viên không lưu hoặc thành viên tổ lái thực hiện sai hoặc không

⁵⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

tuân thủ các phương thức không lưu; hoặc

- (3) Hông hóc các thiết bị không lưu.
- (c) Báo cáo chim va đập: Trong trường hợp chim gây nguy hiểm hoặc va đập vào tàu bay trong khi bay, PIC phải ngay lập tức:
 - (1) Thông báo cho trạm mặt đất phù hợp ngay sau khi quan sát thấy có khả năng chim gây nguy hiểm cho tàu bay; và
 - (2) Trình báo cáo chim va đập ngay sau khi tàu bay hạ cánh.
- (d) Báo cáo sự cố do hàng nguy hiểm gây ra: Nếu điều kiện cho phép, người chỉ huy tàu bay phải thông báo về trường hợp khẩn nguy liên quan đến hàng nguy hiểm xảy ra trong khi bay cho cơ quan ATC phù hợp.
- (e) Người chỉ huy tàu bay phải ngay lập tức trình báo cáo cho các nhà chức trách địa phương và cho Cục HKVN sau khi xảy ra hành động can thiệp bất hợp pháp đối với thành viên tổ bay trên tàu bay.
- (g) ⁵¹Báo cáo sự cố tự nguyện: mọi thành viên tổ bay phải báo cáo các sự cố, các mối nguy hiểm tiềm ẩn phát sinh trong chuyến bay được quy định chi tiết tại Phần 19 Bộ QCATHK.

10.170 THÔNG BÁO VỀ TAI NẠN

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải thông báo bằng các phương tiện nhanh nhất có thể cho nhà chức trách phù hợp gần nhất về bất kỳ tai nạn nào xảy ra trên tàu bay dẫn đến chết người hoặc bị thương nặng, hoặc hỏng hóc lớn đối với tàu bay hoặc tài sản trên tàu bay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay phải trình báo cáo lên Cục HKVN về bất kỳ tai nạn nào xảy ra trên tàu bay mà mình chỉ huy.
- (c) ⁵²Trong trường hợp người lái tàu bay bị mất khả năng làm việc, Người khai thác tàu bay phải thông báo tai nạn này và phải hoàn thành bản báo cáo tai nạn.

10.173 HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT BỊ GHI DỮ LIỆU BAY VÀ THIẾT BỊ GHI ÂM TRONG BUỒNG LÁI

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo các thiết bị ghi của chuyến bay hoạt động liên tục:
 - (1) Đối với thiết bị ghi dữ liệu bay: Ngay từ khi tàu bay bắt đầu lăn để cất cánh đến khi dừng hoàn toàn sau khi hạ cánh; và
 - (2) Đối với thiết bị ghi âm trong buồng lái: Ngay từ khi bắt đầu kiểm tra trước khi khởi động động cơ đến khi kết thúc kiểm tra và cố định tàu bay sau chuyến bay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay không được để thiết bị ghi dữ liệu bay và thiết bị ghi âm trong buồng lái mất khả năng hoạt động, bị tắt hoặc bị xóa trong suốt chuyến bay, trừ khi phải làm như vậy để bảo quản các dữ liệu phục vụ cho việc điều tra

⁵¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 31 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 32 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

sự cố và tai nạn.

- (c) Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc tai nạn, người chỉ huy tàu bay phải bảo toàn thiết bị ghi dữ liệu bay, thiết bị ghi âm trong buồng lái cùng các dữ liệu ghi được và đảm bảo an toàn cho các thiết bị này để nhà chức trách điều tra tai nạn và sự cố sử dụng theo quy định.
- (d) Không được phục hồi hoạt động của các thiết bị ghi chuyến bay khi việc sử dụng chúng chưa được nhà chức trách điều tra xác định.

10.175 THÀNH VIÊN TỔ BAY: CUNG CẤP LƯỢNG Ô-XY TỐI THIỂU VÀ CÁCH SỬ DỤNG

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo có đủ số lượng ô-xy và mặt nạ ô-xy cho các thành viên tổ bay trên các chuyến bay tại các độ cao mà việc thiếu ô-xy có thể làm sút kém khả năng thực hiện nhiệm vụ của các thành viên tổ bay.
- (b) Trong bất kỳ tình huống nào lượng ô-xy tối thiểu được cung cấp cũng không được ít hơn lượng ô-xy theo quy định của Cục HKVN.

Ghi chú: Các yêu cầu về cung cấp và sử dụng ô-xy được nêu ở Phần 6 của Bộ quy chế an toàn hàng không.

- (c) ⁵³Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo các thành viên tổ lái khi thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an toàn cho tàu bay trong khi bay liên tục sử dụng thiết bị thở ô-xy khi độ cao ca-bin vượt quá 700 hp (10.000 feet) trong khoảng thời gian nhiều hơn 30 phút hoặc khi độ cao ca bin vượt quá 620 hp (13.000 feet).
- (d) Người lái điều khiển tàu bay buồng kín trong khi bay phải đeo và sử dụng mặt nạ ô-xy:
 - (1) Đối với khai thác hàng không chung: tại mực bay trên FL350, nếu không có người lái thứ 2 tại vị trí làm việc; và
 - (2) ⁵⁴(*được bãi bỏ*)

10.176 SỬ DỤNG QUẦN ÁO CỨU SINH⁵⁵

a. Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại bằng trực thăng trên biển, mọi người đều phải mặc quần áo cứu sinh trong các trường hợp sau:

1. Nhiệt độ trên biển thấp hơn 10 độ C;

2. Thời gian cứu nạn dự kiến vượt quá thời gian cứu nạn đã được tính toán trên cơ sở xem xét yếu tố khu vực và điều kiện khai thác.

b. Tổ lái có thể không tuân thủ các quy định tại khoản a Điều này khi mức cao và cường độ của mặt trời trong môi trường nhiệt độ cao gây nguy hiểm trên sàn hạ cánh.

10.177 THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ XÁCH TAY

- (a) Người chỉ huy tàu bay và tiếp viên trưởng không được cho phép bất kỳ người

⁵³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 33 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁵⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 34 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

nào sử dụng thiết bị điện tử xách tay trên tàu bay có thể làm ảnh hưởng bất lợi đến tính năng của các hệ thống và thiết bị tàu bay, trừ khi:

- (1) Đối với khai thác theo IFR không phải là vận tải hàng không thương mại: được người chỉ huy tàu bay cho phép trước khi sử dụng thiết bị này; hoặc
- (2) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại: người có AOC xác định các thiết bị có thể được chấp nhận và công bố các thông tin này trong tài liệu hướng dẫn khai thác để các thành viên tổ bay sử dụng; và
- (3) Người chỉ huy tàu bay thông báo cho hành khách biết các thiết bị được sử dụng.
- (4) Quy trình cung cấp dịch vụ thiết bị điện tử xách tay được quy định chi tiết tại hướng dẫn 340 của ICAO (Cir 340 - ICAO)⁵⁶.

10.178 TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ [EFB]⁵⁷

a. Người khai thác tàu bay, Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo việc sử dụng tài liệu điện tử trên tàu bay không ảnh hưởng đến các hệ thống của tàu bay, trang thiết bị và các tính năng khai thác.

b. Trường hợp tài liệu điện tử được sử dụng, Người chỉ huy tàu bay, Người khai thác, sở hữu tàu bay phải:

1. Đánh giá mức độ an toàn, rủi ro với từng chức năng của EFB;
2. Xây dựng quy trình sử dụng thiết bị và yêu cầu huấn luyện về chức năng của từng thiết bị và EFB;
3. Phải đảm bảo đầy đủ và sẵn sàng các thông tin chuyến bay cho tổ lái thực hiện chuyến bay một cách an toàn trong trường hợp EFB không hoạt động.

10.180 CHUYÊN CHỞ HÀNG NGUY HIỂM

- (a) Không ai được xếp hàng lên tàu bay hoặc ra lệnh xếp hàng lên tàu bay hàng hóa mà mình biết, phải biết hoặc nghi ngờ là hàng nguy hiểm, trừ khi hành động này tuân thủ các yêu cầu nêu tại Phần 18 về chuyên chở hàng nguy hiểm bằng đường hàng không.
- (b) ⁵⁸Tổ chức, cá nhân được phép chuyên chở hàng nguy hiểm khi thông tin về hàng hóa được ghi rõ trong kế hoạch bay và được thông báo cho Nhà chức trách tại các sân bay trung chuyển, sân bay đến.
- (c) ⁵⁹Tổ chức, cá nhân được phép chuyên chở hàng nguy hiểm trên tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam hoặc khai thác tại Việt Nam khi đáp ứng điều kiện sau:
 - (1) Có văn bản cho phép của Cục Hàng không Việt Nam;
 - (2) Tuân thủ những chỉ dẫn kỹ thuật về chuyên chở hàng nguy hiểm do ICAO ban hành.

⁵⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Mục 35 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁷ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 36 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 37 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 37 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.183 TUÂN THỦ CHƯƠNG TRÌNH AN NINH⁶⁰

a. Người chỉ huy tàu bay phải chịu trách nhiệm về các vấn đề an ninh tàu bay trong quá trình khai thác.

b. Người khai thác tàu bay được thực hiện chuyến bay khi tất cả các yêu cầu về chương trình an ninh của Người khai thác tàu bay được tuân thủ.

c. Người khai thác tàu bay cần thiết lập, duy trì và tuân thủ tài liệu chương trình an ninh phù

10.185 HỒ SƠ THIẾT BỊ KHẨN NGUY, THIẾT BỊ CỨU SINH⁶¹

a. Chủ sở hữu tàu bay hoặc người thuê tàu bay (trong trường hợp tàu bay thuê) phải đảm bảo duy trì liên lạc với các trung tâm cứu nạn, danh mục các thông tin về khẩn nguy và thiết bị cứu sinh phải được mang theo tàu bay.

b. Thông tin về khẩn nguy và thiết bị cứu sinh cần thiết bao gồm:

1. Số lượng, màu sắc, chủng loại của thuyền cứu sinh;
2. Thông tin thiết bị y tế khẩn nguy;
3. Nước sạch;
4. Chủng loại và tần số của thiết bị khẩn nguy vô tuyến cầm tay.

c. Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo xác định các thông tin đã nêu trực tiếp từ chủ sở hữu tàu bay hoặc Người khai thác tàu bay trước khi thực hiện chuyến bay biển hoặc các khu vực hẻo lánh.

CHƯƠNG E: TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH KHAI THÁC CHUYÊN CHỖ HÀNH KHÁCH BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

10.190 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này áp dụng đối với tất cả các loại hình khai thác chuyên chở hành khách trên tàu bay dân dụng.
- (b) Người khai thác tàu bay có số ghế hành khách nhiều hơn 19 phải tuân thủ các yêu cầu bổ sung trong Phần 13.

10.193 CÁC HÀNH VI KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN

- (a) Không ai trên tàu bay được gây trở ngại trong việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ bay.
- (b) Mỗi hành khách phải thắt dây an toàn khi đèn tín hiệu thắt dây an toàn sáng.
- (c) Không ai trên tàu bay được hành động hay không hành động một cách vô ý hay cố ý gây nguy hiểm đến tàu bay, người và tài sản trên tàu bay.
- (d) Không ai được trốn hoặc giấu giếm hàng hóa trên tàu bay.
- (e) Không ai được hút thuốc khi đèn tín hiệu cấm hút thuốc sáng.
- (f) Không ai được hút thuốc trong buồng vệ sinh trên tàu bay.
- (g) Không ai được làm hỏng, phá hủy bộ phận phát hiện khói trang bị trong buồng vệ sinh trên tàu bay.

⁶⁰ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 38 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 39 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.195 NẠP NHIÊN LIỆU KHI HÀNH KHÁCH Ở TRÊN TÀU BAY⁶²

a. Người chỉ huy tàu bay không được cho phép nạp nhiên liệu lên tàu bay khi hành khách đang lên, đang ở trên hoặc đang xuống tàu bay, trừ khi:

1. Trên tàu bay có nhân viên được huấn luyện sẵn sàng triển khai và chỉ huy việc thoát hiểm;

2. Giữ liên lạc 2 chiều giữa nhân viên được huấn luyện trên tàu bay và nhân viên giám sát nạp nhiên liệu trên mặt đất.

b. Trục thăng: không được phép nạp nhiên liệu vào trục thăng với cánh quay đang quay hoặc đã dừng khi:

1. Hành khách đang lên hoặc đang xuống trục thăng;

2. Khi nạp oxy.

c. Người chỉ huy tàu bay phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa bổ sung khi sử dụng nhiên liệu khác với nhiên liệu hàng không hoặc khi sử dụng đường ống hở.

d. Người khai thác đề nghị phương thức nạp nhiên liệu khi có khách trên tàu bay phải xây dựng quy trình và các điều kiện cụ thể để thực hiện việc tra nạp.

đ. Không được phép nạp nhiên liệu loại xăng hàng không (AVGAS) hoặc dạng wide-cut hoặc kết hợp các các dạng nhiên liệu này khi hành khách trên tàu bay.

e. Chi tiết các điều kiện cho việc nạp nhiên liệu khi có hành khách đang ở trên tàu bay được quy định tại Phụ lục 1 Điều 10.195.

g. Không được phép xả nhiên liệu của trục thăng khi:

1. Có hành khách trên trục thăng;

2. Hành khách đang lên hoặc đang xuống trục thăng;

3. Đang nạp oxy.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 10.195 để có quy định chi tiết cho việc nạp nhiên liệu khi có hành khách đang lên, đang ở trên hoặc đang xuống tàu bay.

10.197 AN TOÀN CHO HÀNH KHÁCH

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo mỗi người trên tàu bay ngồi ở ghế hoặc nằm trên giường đều có dây an toàn hoặc dây quàng vai cá nhân (nếu có) sử dụng đúng quy định khi tàu bay chuyển động trên mặt đất, khi cất cánh và hạ cánh.
- (b) Mỗi hành khách phải thắt dây an toàn bất cứ khi nào người chỉ huy tàu bay thấy cần thiết nhằm đảm bảo an toàn, đặc biệt là khi có nhiễu động hoặc khẩn nguy.
- (c) Không được sử dụng dây an toàn ở ghế ngồi cho nhiều hơn 1 người tròn 2 tuổi trở lên khi tàu bay cất cánh và hạ cánh.
- (d) Tất cả hành lý xách tay phải được xếp gọn gàng khi cất và hạ cánh.
- (e) Tất cả mọi hàng hóa chuyên chở trong khoang khách phải được ngăn giữ bằng dây đai hoặc lưới gắn chặt vào khung tàu bay.
- (g) ⁶³Thành viên tổ bay phải nắm rõ và đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy được giao liên quan đến tình huống thoát hiểm khẩn nguy và an toàn cho hành khách.

⁶² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

⁶³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 40 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.200 HƯỚNG DẪN CHO HÀNH KHÁCH

(a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo thành viên tổ bay và hành khách, thông qua hướng dẫn bằng lời hoặc bằng các phương pháp khác, được làm quen với vị trí và cách sử dụng các thiết bị an toàn và khẩn nguy sau:

- (1) Dây an toàn;
- (2) Lối thoát khẩn nguy;
- (3) Áo phao;
- (4) Thiết bị cung cấp ô-xy; và
- (5) Các thiết bị khẩn nguy khác cung cấp cho từng cá nhân sử dụng, bao gồm cả bảng hướng dẫn khẩn nguy.

(b) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo tất cả mọi người trên tàu bay biết vị trí và nguyên tắc sử dụng chung các thiết bị khẩn nguy chủ yếu mang theo trên tàu bay.

Ghi chú: Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại việc hướng dẫn cho hành khách phải bao gồm tất cả các nội dung được Cục HKVN phê chuẩn cho từng loại hình khai thác cụ thể trong tài liệu hướng dẫn khai thác thích hợp.

Ghi chú: Khi việc khai thác vận tải hàng không thương mại đòi hỏi phải có tiếp viên, người chỉ huy tàu bay có thể ủy quyền trách nhiệm này cho tiếp viên, song phải đảm bảo chắc chắn việc hướng dẫn cho hành khách đã được thực hiện trước khi tàu bay cất cánh.

(c) ⁶⁴Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại việc hướng dẫn cho hành khách phải bao gồm các nội dung được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn cho từng loại hình khai thác cụ thể trong tài liệu hướng dẫn khai thác thích hợp.

(d) ⁶⁵Khi việc khai thác vận tải hàng không thương mại đòi hỏi phải có tiếp viên, người chỉ huy tàu bay có thể ủy quyền trách nhiệm này cho tiếp viên, song phải đảm bảo chắc chắn việc hướng dẫn cho hành khách đã được thực hiện trước khi tàu bay cất cánh.

10.203 HƯỚNG DẪN KHẨN NGUY TRONG KHI BAY

(a) Khi xảy ra trường hợp khẩn nguy trong khi bay, người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo tất cả mọi người trên tàu bay được hướng dẫn các hành động phù hợp với hoàn cảnh khẩn nguy .

(b) Khi việc khai thác vận tải hàng không thương mại đòi hỏi phải có tiếp viên, người chỉ huy tàu bay có thể ủy quyền trách nhiệm này cho tiếp viên, song phải đảm bảo chắc chắn việc hướng dẫn cho hành khách đã được thực hiện đúng.

10.205 Ô-XY CHO HÀNH KHÁCH: CUNG CẤP TỐI THIỂU VÀ CÁCH SỬ DỤNG

(a) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo có đủ số lượng ô-xy và mặt nạ ô-xy cho hành khách trên các chuyến bay tại các độ cao mà việc thiếu ô-xy có thể ảnh

⁶⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 41 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 41 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

hưởng xấu đến hành khách.

- (b) ⁶⁶Người khai thác tàu bay được thực hiện chuyến bay với độ cao hành trình 700 hpa khi có nguồn cấp ô-xy tối thiểu trên tàu bay như sau:
1. Đối với tàu bay không tăng áp buồng kín:
 - i. Đảm bảo 10% số lượng hành khách có ô-xy trong 30 phút vào bất kỳ giai đoạn nào trong chuyến bay khi áp suất khoang khách trong khoảng 700 hPa và 620 hPa;
 - ii. Đảm bảo cho tất cả các giai đoạn chuyến bay khi áp suất khoang khách giảm dưới 620 hPa.
 2. Đối với tàu bay tăng áp buồng kín:
 - i. Đảm bảo cung cấp cho tất cả hành khách trong trường hợp mất áp suất, áp suất khoang khách giảm xuống dưới 700 hPa;
 - ii. Khi máy bay khai thác tại độ cao mà áp suất khí quyển giảm xuống dưới 376 hPa;
 - iii. Khi áp suất khí quyển lớn hơn 376 hPa nhưng không thể giảm xuống một cách an toàn tới 620 hPa trong vòng 04 phút, nguồn cấp phải đảm bảo cho tất cả hành khách trên 10 phút.
 3. Các yêu cầu về nguồn cấp ô-xy, hệ thống phân phối được quy định trong Phần 6 Bộ QCATHK.
- (c) Người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo tất cả hành khách sử dụng ô-xy liên tục tại độ cao áp suất ca-bin trên 15.000 feet.

10.207 RƯỢU VÀ MA TÚY

- (a) Không ai được cho phép lên tàu bay bất kỳ người nào có biểu hiện say rượu, hoặc người có biểu hiện đang bị ảnh hưởng của ma túy (ngoại trừ bệnh nhân đang được nhân viên y tế chăm sóc).

CHƯƠNG F: KẾ HOẠCH BAY

10.210 NỘP KẾ HOẠCH BAY

- (a) Các thông tin liên quan đến chuyến bay dự định hoặc 1 phần của chuyến bay, sẽ cung cấp cho cơ quan dịch vụ không lưu, phải được thể hiện dưới dạng kế hoạch bay.
- (b) Trước khi thực hiện khai thác bay, người lái phải lập kế hoạch bay theo VFR hoặc IFR, nếu áp dụng, đối với chuyến bay sau đây:
- (1) Bất kỳ chuyến bay nào (hoặc 1 phần của chuyến bay) được cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu;
 - (2) Bất kỳ chuyến bay nào theo FIR trong vùng trời có tư vấn không lưu;
 - (3) Bất kỳ chuyến bay nào trong khu vực hoặc vào khu vực xác định, hoặc dọc theo các khu vực chỉ định theo yêu cầu của nhà chức trách ATC phù hợp nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cung cấp thông tin cho chuyến bay, các dịch vụ báo động và tìm kiếm cứu nạn;
 - (4) Bất kỳ chuyến bay nào trong khu vực hoặc vào khu vực chỉ định, hoặc dọc

⁶⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

theo tuyến đường bay chỉ định theo yêu cầu của nhà chức trách ATC phù hợp nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc hiệp đồng với các đơn vị quân sự hoặc với các cơ sở cung cấp dịch vụ ATC của các quốc gia lân cận nhằm tránh xảy ra khả năng bay chận với mục đích nhận dạng; và

- (5) Tất cả các chuyến bay quốc tế.
- (c) Người chỉ huy tàu bay phải nộp kế hoạch bay trước khi khởi hành hoặc trong khi bay cho cơ quan ATC phù hợp, trừ khi đã có thỏa thuận về việc nộp kế hoạch bay lặp lại.
- (d) Trừ khi nhà chức trách ATC phù hợp có quy định khác, người lái phải nộp kế hoạch bay cho cơ quan ATC phù hợp:
 - (1) Tối thiểu 60 phút trước khi khởi hành; hoặc
 - (2) Nếu nộp trong khi bay, phải nộp vào thời điểm đảm bảo cơ quan không lưu phù hợp nhận được kế hoạch bay tối thiểu 10 phút trước khi tàu bay dự định đến:
 - (i) Điểm dự định bay vào khu vực vùng trời có kiểm soát hoặc khu vực vùng trời có tư vấn; hoặc
 - (ii) Điểm cắt ngang đường bay hoặc tuyến đường bay có tư vấn không lưu.

10.213 KẾ HOẠCH BAY SỬ DỤNG KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Không ai được thực hiện cất cánh tàu bay trong vận tải hàng không thương mại khi chưa hoàn thành kế hoạch sử dụng kiểm soát không lưu, ngoại trừ khi được Cục HKVN cho phép.

10.215 NỘI DUNG KẾ HOẠCH BAY

- (a) Phải đưa các nội dung sau đây vào kế hoạch bay theo IFR hoặc VFR:
 - (1) Nhận dạng tàu bay;
 - (2) Quy tắc bay và loại chuyến bay;
 - (3) Số và loại tàu bay, loại nhiên liệu;
 - (4) Thiết bị;
 - (5) Sân bay khởi hành và sân bay dự bị (nếu yêu cầu);
 - (6) Giờ dự định rời vị trí đỗ;
 - (7) Tốc độ bay bằng;
 - (8) Mục bay bằng;
 - (9) Tuyến đường bay dự kiến;
 - (10) Sân bay đến và sân bay dự bị, nếu yêu cầu;
 - (11) Thời gian sử dụng nhiên liệu tối đa;
 - (12) Tổng số người trên tàu bay;
 - (13) Thiết bị khẩn nguy và cứu sinh; và
 - (14) Các thông tin khác.

- (b) Dù có được nộp với mục đích gì thì kế hoạch bay vẫn phải chứa đựng các thông tin áp dụng về các khoản mục liên quan, kể cả “sân bay dự bị” trên toàn bộ hoặc một phần tuyến đường bay dự định trong kế hoạch bay.
- (c) Ngoài ra, kế hoạch bay còn phải có các thông tin áp dụng về tất cả các khoản mục khác theo yêu cầu của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu ATS hoặc các nội dung mà người nộp kế hoạch bay thấy cần thiết.

Ghi chú: (được bãi bỏ)⁶⁷

10.217 LẬP LẠI KẾ HOẠCH BAY⁶⁸

a. Điểm đến, đường bay chỉ được thay đổi khi kế hoạch bay không lưu đã nộp cho cơ sở không lưu phù hợp trước lúc khởi hành chứa đựng các thông tin liên quan đến việc thay đổi điểm đến, đường bay, kể cả nhiên liệu ước tính để thực hiện chuyến bay.

b. Điểm đến trong kế hoạch bay chỉ được thay đổi khi lượng nhiên liệu còn lại trên tàu bay tuân thủ yêu cầu về lượng nhiên liệu cần thiết cho sự thay đổi. Các kế hoạch bay thay đổi phải được thông báo cho các đài kiểm soát không lưu và chỉ được cho phép trong trường hợp bay bằng thiết bị.

10.220 THAY ĐỔI KẾ HOẠCH BAY

- (a) Khi thay đổi kế hoạch bay đã nộp của chuyến bay có kiểm soát theo IFR hoặc VFR, người lái phải báo cáo các thay đổi này càng sớm càng tốt cho cơ quan ATC phù hợp.
- (b) Đối với các chuyến bay không kiểm soát theo VFR, người chỉ huy tàu bay phải báo cáo các thay đổi lớn trong kế hoạch bay càng sớm càng tốt cho cơ quan ATC phù hợp.
- (c) Khi các thông tin được nộp trước khi khởi hành về thời gian sử dụng nhiên liệu tối đa và tổng số người trên tàu bay không chính xác tại thời điểm khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải báo cáo về sự thay đổi quan trọng này.

10.223 KẾT THÚC KẾ HOẠCH BAY

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo ngay cho cơ quan ATC phù hợp về việc tàu bay đã hạ cánh xuống sân bay đến bằng phương tiện vô tuyến, thông qua người khác hoặc qua đường truyền dữ liệu, trừ khi ATS tự động đóng kế hoạch bay.
- (b) Khi kế hoạch bay đã được nộp cho 1 phần của chuyến bay, nhưng không phải cho giai đoạn đến sân bay đến, người lái phải kết thúc kế hoạch bay đó trên đường bay với cơ quan dịch vụ ATS phù hợp.
- (c) Khi tại sân bay đến không có cơ quan dịch vụ ATS, người lái phải liên lạc với cơ quan dịch vụ ATS gần nhất để kết thúc kế hoạch bay càng sớm càng tốt ngay sau khi hạ cánh bằng biện pháp nhanh nhất sẵn có.
- (d) Khi biết trước các thiết bị liên lạc tại sân bay dự định đến không được cung cấp đầy đủ và không có các thỏa thuận thay thế về việc thực hiện các bản báo cáo đến trên mặt đất, cần phải thực hiện các biện pháp sau đây:
 - (1) Ngay trước khi hạ cánh người lái phải chuyển đến cơ sở cung cấp dịch vụ

⁶⁷ Ghi chú này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁶⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 43 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

không lưu phù hợp 1 bức điện báo giống như bản báo cáo cho sân bay đến nếu yêu cầu;

- (2) Thông thường bức điện văn này phải được chuyển đến trạm hàng không phục vụ cơ quan dịch vụ không lưu chịu trách nhiệm đối với vùng thông báo bay nơi tàu bay khai thác.
- (e) Người lái phải đưa vào báo cáo tại sân bay đến các thông tin sau đây:
- (1) Số đăng ký quốc tịch của tàu bay;
 - (2) Sân bay khởi hành;
 - (3) Sân bay dự định đến (chỉ trong trường hợp hạ cánh chuyển hướng);
 - (4) Sân bay đến; và
 - (5) Thời gian đến.

Ghi chú: Khi yêu cầu phải có báo cáo đến, việc không tuân thủ quy định này có thể gây ngất quãng trong dịch vụ không lưu và phải chịu phí tổn lớn cho việc thực hiện hoạt động tìm kiếm và cứu nạn không cần thiết.

CHƯƠNG G: LẬP KẾ HOẠCH VÀ CHUẨN BỊ BAY

10.230 TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY CỦA TÀU BAY VÀ NHỮNG LƯU Ý VỀ AN TOÀN

- (a) Người chỉ huy tàu bay không được thực hiện chuyến bay bằng tàu bay dân dụng trừ khi đáp ứng:
- (1) Tàu bay đủ điều kiện bay, được đăng ký đúng và các loại Giấy chứng nhận thích hợp được mang theo trên tàu bay;
 - (2) Các phương tiện và thiết bị được lắp đặt trên tàu bay phù hợp với tàu bay, có tính đến các điều kiện bay được dự báo trước; và
 - (3) Các công việc bảo dưỡng cần thiết đã được thực hiện và tàu bay đã được ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng, nếu áp dụng.
- (b) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, trước khi thực hiện chuyến bay, người chỉ huy tàu bay phải ký vào nhật ký kỹ thuật của tàu bay để xác nhận rằng chuyến bay đáp ứng các yêu cầu tại khoản (a) của Điều này.

10.233 TÍNH ĐẦY ĐỦ CỦA CÁC TRANG THIẾT BỊ KHAI THÁC

- (a) Không ai được thực hiện chuyến bay trừ khi bằng mọi phương pháp hợp lý đã xác định được rằng các khu vực trên đất liền hoặc trên mặt nước và các trang thiết bị phục vụ chuyến bay để đảm bảo an toàn cho chuyến bay đã được chuẩn bị đầy đủ, bao gồm cả các trang thiết bị liên lạc và dẫn đường.

Ghi chú: Phương pháp hợp lý nghĩa là việc sử dụng tại điểm khởi hành, các thông tin sẵn có đối với người chỉ huy tàu bay thông qua thông tin chính thức của dịch vụ thông tin hàng không hoặc từ các nguồn khác.

10.235 LỰA CHỌN ĐỊA TIÊU CHO CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT

- (a) Không ai được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng mắt (VFR) trừ khi đã xác định được rằng chuyến bay có thể thực hiện theo chỉ dẫn của các địa tiêu

nhìn thấy bằng mắt nằm cách nhau ở cự ly không lớn hơn 110 km (60 hải lý).

10.237 BÁO CÁO VÀ DỰ BÁO THỜI TIẾT

- (a) Trước khi thực hiện chuyến bay, người chỉ huy tàu bay phải nghiên cứu làm quen với tất cả các thông tin sẵn có, bao gồm cả thông tin về khí tượng, phù hợp với chuyến bay dự định.
- (b) Khi chuẩn bị cho chuyến bay ra khỏi vùng lân cận của nơi khởi hành, và chuẩn bị cho mỗi chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị, người chỉ huy tàu bay phải:
 - (1) Nghiên cứu kỹ các báo cáo/dự báo thời tiết hiện tại, có tính đến các yêu cầu về nhiên liệu; và
 - (2) Lập kế hoạch dự bị cho tình huống có thể xảy ra khi chuyến bay không thể hoàn thành theo kế hoạch.

10.240 CÁC GIỚI HẠN VỀ THỜI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT (VFR)

- (a) Không ai được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng mắt trừ khi đã có báo cáo về tình hình khí tượng hiện tại, hoặc kết hợp của các báo cáo và dự báo hiện tại, cho biết điều kiện khí tượng trong suốt tuyến đường bay, hoặc một phần của tuyến đường bay theo quy tắc bay bằng mắt, tại thời điểm thích hợp sẽ cho phép khai thác theo quy tắc bay bằng mắt.

10.243 SÂN BAY ĐẾN CHO CÁC CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ

- (a) Với mục đích lập kế hoạch cho các chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị, không ai được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị trừ khi đã có thông tin cho biết điều kiện thời tiết tại sân bay dự kiến hạ cánh và, nếu yêu cầu, tại ít nhất một sân bay dự bị thích hợp tại thời điểm đến dự kiến, bằng hoặc cao hơn:
 - (1) Các giá trị trần mây và tầm nhìn tối thiểu đối với phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn sẽ sử dụng; hoặc
 - (2) Độ cao khai thác tối thiểu, nếu không có phương thức tiếp cận bằng thiết bị, cho phép giảm thấp trong điều kiện VMC xuống sân bay.
- (b) ⁶⁹Đối với khai thác hàng không chung sử dụng tàu bay thân rộng, động cơ turbo-jet, không được phép:
 - 1. cất cánh từ sân bay khởi hành trừ khi các điều kiện khí tượng tại sân bay cất cánh thỏa mãn các điều kiện khai thác tối thiểu tại sân bay cất cánh do Người khai thác sân bay công bố;
 - 2. cất cánh hoặc tiếp tục bay đến thời điểm quyết định thay đổi kế hoạch bay trừ khi tại các sân bay dự định hạ cánh quy định từ Điều 10.145 đến Điều 10.253 báo cáo khí tượng hoặc tổng hợp các báo cáo thời tiết chỉ ra tại thời điểm hạ cánh thỏa mãn các điều kiện khai thác tối thiểu tại sân bay hạ cánh do Người khai thác sân bay công bố.
- (c) ⁷⁰Đối với khai thác hàng không thương mại: thời tiết tại nơi đến không cần phải

⁶⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 44 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 44 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tiếp cận tối thiểu cho phép thực hiện chuyến bay trừ khi sân bay dự bị được chỉ định đáp ứng các tiêu chí lựa chọn về thời tiết cho chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị.

10.245 YÊU CẦU ĐỐI VỚI SÂN BAY DỰ BỊ CHO SÂN BAY ĐẾN ĐỐI VỚI CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ (IFR)⁷¹

a. Ngoại trừ các quy định tại khoản b, Người khai thác tàu bay chỉ được thực hiện chuyến bay bằng thiết bị khi có ít nhất một sân bay dự bị cho sân bay đến và được ghi trong:

1. Kế hoạch bay ATS;
2. Kế hoạch bay đang khai thác đối với vận chuyển hàng không thương mại.

b. Không yêu cầu phải có sân bay dự bị cho sân bay đến trong các trường hợp sau:

1. Sân bay ở vị trí biệt lập;
2. Trong thời gian bay từ sân bay khởi hành hoặc từ thời điểm thay đổi kế hoạch bay cho đến sân bay hạ cánh có tính toán các điều kiện khí tượng, khai thác liên quan, Người khai thác phải đảm bảo chắc chắn:

i. Khả năng thực hiện tiếp cận, hạ cánh bằng mắt trong điều kiện khí tượng quy định trong khoản d, e Điều này;

ii. Có các đường cất hạ cánh riêng biệt khả dụng vào thời điểm sử dụng sân bay đến và có ít nhất một đường cất hạ cánh cho phép tiếp cận bằng thiết bị.

c. Yêu cầu phải chọn hai sân bay dự bị cho sân bay đến trong kế hoạch khai thác bay và kế hoạch bay không lưu (ATC) cho sân bay đến trong các trường hợp sau:

1. Điều kiện khí tượng vào thời điểm dự kiến hạ cánh thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu của người khai thác được phê chuẩn;
2. Không có thông tin khí tượng.

d. Tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn: chỉ được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị khi có tối thiểu một sân bay dự bị cho sân bay đến trong kế hoạch bay với thông tin về khí tượng hiện hành cho biết các điều kiện khí tượng sau đây sẽ diễn ra tại sân bay đến 01 giờ trước và 01 giờ sau thời gian đến dự kiến của chuyến bay thực hiện tiếp cận bằng thiết bị:

1. Đối với máy bay:
 - i. Đáy mây phải cao hơn tối thiểu 300 m (1.000 feet) so với độ cao tối thiểu áp dụng cho phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn đối với sân bay đó;
 - ii. Tầm nhìn tối thiểu cao hơn 4,5 km so với tầm nhìn tối thiểu áp dụng cho phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn.

2. Đối với trực thăng:
 - i. Đáy mây phải cao hơn tối thiểu 120 m (400 feet) so với độ cao tối thiểu áp dụng cho phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn đối với sân bay đó;
 - ii. Tầm nhìn tối thiểu cao hơn 1,5 km so với tầm nhìn tối thiểu áp dụng cho phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn.

e. Người khai thác tàu bay được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị khi có ít nhất 01 sân bay dự bị cho sân bay đến trong kế hoạch bay với thông tin về khí tượng hiện hành cho biết các điều kiện khí tượng sau đây sẽ diễn ra tại sân bay đến 02 giờ trước và 02 giờ sau thời gian đến dự kiến của chuyến bay thực hiện tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn:

⁷¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 45 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

1. Đáy mây phải cao hơn tối thiểu 300 m (1.000 feet) so với độ cao tối thiểu thấp nhất trên đường bay trong phạm vi cách sân bay 10 km;
2. Tầm nhìn tại sân bay là 8 km.

10.246 YÊU CẦU BỔ SUNG ĐỐI VỚI CÁC SÂN BAY Ở VỊ TRÍ BIỆT LẬP⁷²

a. Người khai thác, Người chỉ huy tàu bay chỉ được thực hiện chuyến bay tới các sân bay ở vị trí biệt lập khi xác định các điểm không quay lại và các điểm này được ghi trong kế hoạch bay.

b. Người khai thác, Người chỉ huy tàu bay chỉ được tiếp tục thực hiện chuyến bay qua các điểm không quay lại đến các sân bay ở vị trí biệt lập khi các điều kiện khí tượng, giao thông và khai thác đảm bảo việc hạ cánh an toàn vào thời điểm chuyến bay hạ cánh.

10.247 TIÊU CHÍ LỰA CHỌN SÂN BAY DỰ BỊ CHO CHUYẾN BAY THEO IFR

- (a) Nếu tiêu chuẩn tối thiểu đối với sân bay dự bị được công bố, người chỉ huy tàu bay không được chỉ định sân bay dự bị khi lập kế hoạch bay theo quy tắc bay bằng thiết bị trừ khi dự báo thời tiết hiện hành cho biết điều kiện khí tượng tại sân bay dự bị vào thời điểm đến dự tính sẽ bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu công bố đối với sân bay dự bị.
- (b) Nếu tiêu chuẩn tối thiểu đối với sân bay dự bị không được công bố, và nếu không có các quy định cấm sử dụng sân bay như là sân bay dự bị cho việc lập kế hoạch chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị, người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo điều kiện khí tượng tại sân bay dự bị vào thời điểm đến dự tính là bằng hoặc cao hơn:
 - (1) Đối với phương thức tiếp cận chính xác, trần mây ít nhất phải là 180 m (600 feet) và tầm nhìn không ít hơn 3 km (2 dặm anh); hoặc
 - (2) Đối với phương thức tiếp cận không chính xác, trần mây ít nhất phải là 240 m (800 feet) và tầm nhìn không ít hơn 3 km (2 dặm bộ).
- (c) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại – máy bay, người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo điều kiện khí tượng tại sân bay dự bị một giờ trước và một giờ sau thời gian đến dự kiến của chuyến bay dự báo thời tiết bằng hoặc cao hơn:
 - (1) Đối với tiếp cận CAT II và CAT III, ít nhất là tiêu chuẩn tối thiểu công bố cho CAT I;
 - (2) Đối với tiếp cận CAT I, ít nhất là tiêu chuẩn tối thiểu công bố cho tiếp cận không chính xác;
 - (3) Đối với tiếp cận không chính xác, ít nhất là 1000 m cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu công bố cho tiếp cận không chính xác;
 - (4) Đối với tiếp cận vòng lượn, ít nhất là tiêu chuẩn tối thiểu cho tiếp cận vòng lượn.
- (d) ⁷³Yêu cầu phải chọn 02 sân bay dự bị cho sân bay đến khi điều kiện khí tượng cho

⁷² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 46 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 47 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-

các sân bay này phải đáp ứng:

1. Tiêu chuẩn tối thiểu tại sân bay dự bị thứ nhất phải bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu tại sân bay đến;
2. Tiêu chuẩn tối thiểu tại sân bay dự bị thứ hai phải bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu sân bay dự bị thứ nhất.

10.250 SÂN BAY DỰ BỊ NGOÀI KHƠI CHO TRỰC THĂNG

- (a) Không ai được chỉ định địa điểm hạ cánh dự bị ngoài khơi khi trực thăng có thể mang theo đủ nhiên liệu để bay về bãi hạ cánh dự bị trên đất liền. Việc lựa chọn các địa điểm hạ cánh dự bị ngoài khơi sẽ là các trường hợp ngoại lệ, nội dung lựa chọn phải được Cục HKVN phê chuẩn, và không được tăng tải thương mại trong điều kiện IMC.
- (b) Người lựa chọn địa điểm hạ cánh dự bị ngoài khơi phải tính đến các nội dung sau:
 - (1) Chỉ được sử dụng địa điểm hạ cánh dự bị ngoài khơi sau khi qua điểm không được quay lại;
 - (2) Độ tin cậy về mặt cơ khí của hệ thống điều khiển trọng yếu và các thiết bị trọng yếu;
 - (3) Khả năng hạ cánh với một động cơ hỏng có thể thực hiện tại sân bay dự bị;
 - (4) Phải đảm bảo có sàn cất hạ cánh;
 - (5) Thông tin thời tiết tại sân hạ cánh được lấy từ nguồn được Cục HKVN phê chuẩn hoặc chấp thuận;
 - (6) Đối với khai thác theo quy tắc bay IFR, phải có phương thức tiếp cận bằng thiết bị theo quy định.

Ghi chú: Kỹ thuật hạ cánh quy định trong tài liệu hướng dẫn bay sau khi hỏng hệ thống kiểm soát có thể cản trở việc lựa chọn sân hạ cánh làm sân bay dự bị.

10.253 SÂN BAY DỰ BỊ CHO SÂN BAY CÁT CÁNH ĐỐI VỚI KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI⁷⁴

a. Người khai thác, Người chỉ huy tàu bay chỉ được thực hiện chuyến bay khi có sân bay dự bị thích hợp cho sân bay khởi hành ghi trong trong phép bay nếu điều kiện khí tượng tại sân bay, bãi đỗ trực thăng khởi hành thấp hơn giới hạn hạ cánh tối thiểu do Người khai thác tàu bay quy định hoặc tàu bay đó không thể trở về sân bay, bãi đỗ trực thăng khởi hành.

b. Người khai thác phải đảm bảo sân bay dự bị khởi hành phải nằm trong phạm vi tàu bay có thể bay tới từ sân bay, bãi đỗ trực thăng khởi hành trong khoảng thời gian bay tính từ khi tàu bay cất cánh như sau:

1. 01 giờ bay với tốc độ bay bằng ở chế độ một động cơ không làm việc đối với tàu bay hai động cơ và được xác định dựa trên tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay,

BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 48 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

tính toán với ISA, điều kiện không có gió với khối lượng cất cánh thực tế;

2. 02 giờ bay với tốc độ bay bằng ở chế độ tắt cả các động cơ làm việc đối với tàu bay ba hoặc bốn động cơ và được xác định dựa trên tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay, tính toán với ISA, điều kiện không có gió với khối lượng cất cánh thực tế;

3. ⁷⁵Với tàu bay được phê chuẩn khai thác kéo dài thời gian bay chuyển hướng (EDTO) nếu các điều kiện về khoảng cách tới sân bay dự bị theo Khoản a và b của điều này không thỏa mãn, sân bay dự bị sẽ phải ở vị trí có khoảng cách nhỏ hơn thời gian bay chuyển hướng tối đa đã được phê chuẩn được tính toán với trọng lượng cất cánh thực tế.

10.255 CỤ LY TỐI ĐA TÍNH TỪ SÂN BAY PHÙ HỢP KHÔNG CÓ PHÊ CHUẨN ETOPS

(a) Trừ khi được Cục HKVN phê chuẩn (phê chuẩn ETOPS), người có AOC không được khai thác máy bay hai động cơ trên tuyến đường bay có điểm cách sân bay phù hợp xa hơn:

(1) Đối với máy bay lớn động cơ tuốc-bin: Khoảng cách bay trong 60 phút với tốc độ bay bằng với một động cơ không hoạt động theo quy định phù hợp với Phụ lục 1 của Điều 10.257, với:

(i) Cấu hình chỗ ngồi hành khách tối đa được phê chuẩn là 20 ghế hoặc hơn; hoặc

(ii) Trọng lượng cất cánh tối đa là 45.360 kg hoặc hơn;

(2) Đối với máy bay động cơ pit-tông:

(i) Khoảng cách bay trong 60 phút với tốc độ bay bằng một động cơ không hoạt động theo quy định phù hợp với Phụ lục 1 của Điều 10.257; hoặc

(ii) 480 km (300 hải lý), chọn giá trị thấp hơn.

10.256 KHOẢNG THỜI GIAN NGĂN NGỪA, CÔ LẬP, DẬP CHÁY TRONG BUỒNG HÀNG⁷⁶

Tổ chức, cá nhân không được phép lập kế hoạch bay với khoảng thời gian chuyển hướng tới sân bay có thể hạ cánh an toàn trên đường bay lớn hơn khoảng thời gian ngăn ngừa, cô lập, dập cháy trong buồng hàng của tàu bay được công bố (trong tài liệu của nhà sản xuất tàu bay) trừ đi biên độ khai thác an toàn 15 phút.

⁷⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 8 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁷⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 9 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

10.257 THỜI GIAN BAY CHUYỂN HƯỚNG TỐI ĐA TỚI SÂN BAY DỰ BỊ TRÊN ĐƯỜNG BAY⁷⁷

a. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác tàu bay bay qua điểm trên đường bay mà từ đó thời gian để tàu bay chuyển hướng tới một sân bay dự bị được chỉ định không vượt quá 60 phút bay bằng hoặc ngưỡng thời gian được Cục HKVN phê chuẩn.

b. Người khai thác thực hiện chuyến bay với thời gian bay lớn hơn 60 phút tính từ một điểm trên đường bay tới sân bay dự bị trên đường bay phải đảm bảo:

1. Đã xác định các sân bay dự bị trên đường bay và cập nhật thông tin xác định sân bay dự bị trên đường bay cho tổ bay bao gồm tình trạng khai thác và điều kiện khí tượng đối với tất cả các loại máy bay.

2. Đối với máy bay hai động cơ tuốc-bin, thông tin cập nhật mới nhất cho tổ bay phải cho thấy điều kiện tại sân bay dự bị trên đường bay đạt hoặc cao hơn điều kiện khai thác tối thiểu tại sân bay do Người khai thác tàu bay thiết lập tại thời điểm dự kiến sử dụng sân bay dự bị đó.

3. Xây dựng các tài liệu sau để khai thác bay chuyển hướng:

(i) Các quy trình kiểm soát khai thác và điều phái bay;

(ii) Các quy trình khai thác;

(iii) Các chương trình huấn luyện.

10.260 KHAI THÁC MỞ RỘNG THỜI GIAN BAY CHUYỂN HƯỚNG⁷⁸

a. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác tàu bay từ 02 động cơ tuốc-bin trở lên trên đường bay khi thời gian bay chuyển hướng từ bất kỳ điểm nào trên đường bay này (được tính toán trong điều kiện khí áp tiêu chuẩn (ISA), trong điều kiện lặng gió tại tốc độ bay bằng với 01 động cơ không hoạt động đối với tàu bay 02 động cơ tuốc-bin hoặc tại tốc độ bay bằng với tất cả các động cơ đều hoạt động đối với tàu bay nhiều hơn 02 động cơ tuốc-bin) tới bất kỳ sân bay dự bị nào trên đường bay không vượt quá ngưỡng thời gian cho phép theo quy định và phê chuẩn của Cục HKVN.

b. Người khai thác tàu bay chỉ được phép khai thác loại hình khai thác mở rộng thời gian bay chuyển hướng với thời gian chuyển hướng tối đa khi được Cục HKVN phê chuẩn trước khi bắt đầu khai thác.

c. Tổ chức, cá nhân được phép thực hiện chuyến bay vượt quá ngưỡng thời gian cho phép khi đã tính toán khả năng sử dụng sân bay dự bị trên đường bay và những thông tin cập nhật cho thấy vào thời điểm sử dụng sân bay dự bị:

1. Có các điều kiện đạt hoặc cao hơn các điều kiện khai thác tối thiểu tại sân bay do Người khai thác tàu bay thiết lập;

2. Nếu có bất cứ yếu tố nào ảnh hưởng tới việc tiếp cận và hạ cánh an toàn trong thời gian khai thác sân bay, Người chỉ huy tàu bay phải xác định và thực hiện theo phương án thay thế.

⁷⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 10 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁷⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 11 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

10.263 QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NHIÊN LIỆU TỐI THIỂU⁷⁹

a. Tổ chức, cá nhân được thực hiện chuyến bay khi đã tính toán lượng nhiên liệu, dầu nhớt và lượng ôxy cần thiết để đảm bảo thực hiện chuyến bay một cách an toàn, bao gồm cả lượng dự trữ được mang theo sử dụng trong những trường hợp xảy ra ngoài kế hoạch.

b. Lượng nhiên liệu tính toán sử dụng tối thiểu phải dựa trên các yếu tố:

1. Các dữ kiện sau: dữ liệu tàu bay hiện thời dựa theo hệ thống tính toán lượng nhiên liệu tiêu thụ hoặc dữ liệu từ nhà sản xuất tàu bay (nếu dữ liệu tàu bay hiện hành không có);

2. Các điều kiện khai thác cho chuyến bay theo kế hoạch bao gồm:

i. Trọng lượng tàu bay;

ii. Thông tin cho người lái;

iii. Báo cáo khí tượng hiện hành hoặc kết hợp với dự báo khí tượng;

iv. Quy trình cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu, những điểm hạn chế và những trì hoãn được báo trước;

v. Các quy trình trong tài liệu hướng dẫn khai thác cho trường hợp mất áp suất trên hành trình;

vi. Khi một động cơ không hoạt động trên hành trình;

vii. Ảnh hưởng của những vấn đề bảo dưỡng chưa xử lý hoặc những sai lệch về cấu hình tàu bay;

viii. Các yếu tố gây trì hoãn hạ cánh hoặc làm tăng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của tàu bay.

10.265 NHIÊN LIỆU TỐI THIỂU CHO CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG MẮT⁸⁰

a. Tàu bay được thực hiện chuyến bay theo VFR khi có đủ nhiên liệu để bay (có tính đến tốc độ gió, các điều kiện thời tiết dự báo và các trường hợp xảy ra ngoài kế hoạch):

1. Đến điểm dự định hạ cánh đầu tiên;

2. Duy trì độ cao hành trình để đạt mức dự trữ nhiên liệu cho hành trình bay tiếp theo trong:

i. Tối thiểu 30 phút bay ban ngày;

ii. Tối thiểu 45 phút bay ban đêm.

b. Trực thăng được thực hiện chuyến bay theo VFR khi có đủ nhiên liệu để (có tính đến tốc độ gió, các điều kiện thời tiết dự báo và các trường hợp xảy ra ngoài kế hoạch):

1. Bay đến điểm dự định hạ cánh đầu tiên;

2. Có nhiên liệu dự trữ cho hành trình bay tiếp theo trong 20 phút bay tiếp theo với tốc độ tối đa và đủ nhiên liệu dự phòng cho thời gian bay cộng thêm 10% tổng thời gian bay dự kiến cho các trường hợp có thể phát sinh.

⁷⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 51 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 52 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.266 YÊU CẦU NHIÊN LIỆU CHO CHUYẾN BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI TRỰC THĂNG⁸¹

a. Trực thăng được thực hiện chuyến bay bằng thiết bị khi lượng nhiên liệu cho phép thực hiện chuyến bay (có tính các yếu tố gió, thông tin dự báo thời tiết và các tình huống xảy ra):

1. Không có sân bay dự bị để tiếp cận, hạ cánh theo kế hoạch lượng nhiên liệu phải đảm bảo:

i. Dự trữ đủ cho 30 phút bay với vận tốc không đổi ở độ cao 450 m (1.500 ft) so với sân bay trực thăng hoặc khu vực hạ cánh trong điều kiện khí hậu tiêu chuẩn, sau đó tiếp cận và hạ cánh;

ii. Dự trữ thêm cho các tình huống phát sinh.

2. Khi có sân bay dự bị, tiếp cận, tiếp cận hụt tại sân bay hoặc khu vực hạ cánh theo kế hoạch, lượng nhiên liệu phải đảm bảo:

i. Thực hiện chuyến bay và tiếp cận đến sân bay dự bị theo kế hoạch;

ii. Đủ dự trữ nhiên liệu cho 30 phút bay ở vận tốc bay chờ tại độ cao 450 m (1.500 ft) so với sân bay dự bị trong điều kiện thời tiết tiêu chuẩn và sau đó tiếp cận, hạ cánh.

3. Đủ nhiên liệu dự phòng cho các tình huống phát sinh.

4. Khi sân bay trực thăng dự kiến hạ cánh ở vị trí biệt lập hoặc ở khu vực biệt lập, nhiên liệu phải đủ cho việc bay tới sân bay và sau đó hạ cánh an toàn trên cơ sở tính toán các yếu tố trắc địa, môi trường.

10.267 QUY ĐỊNH VỀ NHIÊN LIỆU ĐỐI VỚI CHUYẾN BAY IFR ĐỐI VỚI TÀU BAY ĐỘNG CƠ PISTON TRONG KHAI THÁC HÀNG KHÔNG CHUNG⁸²

a. Tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện chuyến bay theo IFR trong khai thác hàng không chung với máy bay động cơ piston khi tàu bay được cung cấp đủ nhiên liệu (có tính đến các báo cáo và dự báo thời tiết và các trường hợp xảy ra ngoài kế hoạch) để:

1. Bay tới sân bay dự định hạ cánh;

2. Thực hiện tiếp cận bằng thiết bị;

3. Sau đó, có đủ nhiên liệu dự phòng cuối cùng cho ít nhất 45 phút bay bằng.

b. Tổ chức, cá nhân được phép thực hiện chuyến bay IFR bằng tàu bay động cơ Piston trong khai thác hàng không chung khi có đủ nhiên liệu (có tính đến các dự báo thời tiết và các trường hợp bất thường) để:

1. Bay tới sân bay dự định hạ cánh và thực hiện tiếp cận bằng thiết bị;

2. Sau đó bay tới sân bay dự bị;

3. Sau đó, có đủ nhiên liệu dự phòng cuối cùng cho ít nhất 45 phút bay bằng.

⁸¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 53 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 12 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

10.268 YÊU CẦU VỀ NHIÊN LIỆU CHO CHUYẾN BAY THEO QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI MÁY BAY LOẠI LỚN VÀ ĐỘNG CƠ TUỐC-BIN⁸³

a. Tổ chức, cá nhân được thực hiện chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị với máy bay thân rộng, máy bay động cơ tuốc-bin hoặc khai thác các chuyến bay quốc tế khi việc dự tính nhiên liệu cần thiết cho chuyến bay và quá trình cất cánh, bao gồm:

1. Nhiên liệu để lăn (lượng nhiên liệu dự định tiêu thụ trước khi cất cánh, có tính toán các điều kiện tại sân bay khởi hành và lượng nhiên liệu tiêu thụ cho động cơ phụ (APU));

2. Nhiên liệu cho chặng bay (lượng nhiên liệu tiêu thụ để tàu bay bay từ điểm cất cánh hoặc thời điểm thay đổi kế hoạch bay trên hành trình đến sân bay hạ cánh, sân bay trực thăng có tính toán các điều kiện khai thác quy định tại Điều 10.410);

3. Nhiên liệu dự phòng (lượng nhiên liệu dự phòng cho các yếu tố phát sinh không được dự báo được tính bằng 5% lượng nhiên liệu tiêu thụ trên hành trình hoặc 5% lượng nhiên liệu tiêu thụ cần thiết từ điểm thay đổi kế hoạch bay đến khi hạ cánh, tính toán trên cơ sở mức nhiên liệu tiêu thụ thông thường trên hành trình. Tuy nhiên trong mọi trường hợp không nhỏ hơn lượng tiêu thụ để bay 5 phút với vận tốc bay chờ tại độ cao 450 m (1.500 ft) so với sân bay hạ cánh, sân bay trực thăng trong điều kiện chuẩn).

4. Nhiên liệu cho sân bay dự bị cho sân bay hạ cánh phải đảm bảo một trong yêu cầu sau:

i. Trong trường hợp đòi hỏi có sân bay dự bị cho sân bay hạ cánh, lượng nhiên liệu cần thiết phải đảm bảo cho tàu bay:

- A. Thực hiện tiếp cận hệt tại sân bay hạ cánh;
- B. Lấy lại độ cao hành trình;
- C. Thực hiện đường bay yêu cầu;
- D. Giảm độ cao tới điểm thực hiện tiếp cận hạ cánh;
- E. Thực hiện tiếp cận, hạ cánh tại sân bay dự bị.

ii. Trong trường hợp yêu cầu 02 sân bay dự bị cho sân bay hạ cánh, lượng nhiên liệu phải đủ để thực hiện chuyến bay tới sân bay dự bị cho sân bay hạ cánh yêu cầu mức tiêu thụ nhiên liệu nhiều hơn;

iii. Trong trường hợp không yêu cầu sân bay dự bị cho sân bay hạ cánh, lượng nhiên liệu yêu cầu phải đảm bảo tàu bay bay 15 phút với vận tốc không đổi tại độ cao 450 m (1500 ft) so với sân bay hạ cánh, sân bay trực thăng trong điều kiện tiêu chuẩn;

iv. Trường hợp sân bay dự định hạ cánh ở vị trí biệt lập, lượng nhiên liệu yêu cầu phải đủ thực hiện bay trong 02 giờ với vận tốc hành trình phía trên sân bay hạ cánh có bao gồm dự trữ nhiên liệu quyết định.

5. Nhiên liệu dự phòng bay chờ là lượng nhiên liệu được tính với trọng lượng hạ cánh dự kiến tại sân bay dự bị cho sân bay đến, sân bay trực thăng hoặc hạ cánh tại sân bay đến (nếu không yêu cầu sân bay dự bị) đảm bảo thực hiện bay trong 30 phút với vận tốc bay chờ tại độ cao 450 m (1.500 ft) trên bề mặt sân bay đến trong điều kiện tiêu chuẩn.

6. Nhiên liệu bổ sung là lượng bổ sung cho lượng nhiên liệu yêu cầu nếu lượng nhiên liệu tối thiểu không đủ:

i. Cho phép tàu bay giảm độ cao và hạ cánh xuống sân bay dự bị trong trường hợp hỏng động cơ hoặc mất áp suất (lấy trường hợp đòi hỏi lượng nhiên liệu tiêu

⁸³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 55 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

thụ nhiều hơn có tính đến việc sự cố xảy ra ở thời điểm trọng yếu nhất trên đường bay):

- A. Bay trong 15 phút với vận tốc bay chờ tại độ cao 450 m (1.500 ft) trên sân bay, sân bay trực thăng trong điều kiện tiêu chuẩn;
 - B. Thực hiện tiếp cận và hạ cánh;
 - C. Cho phép máy bay được phê chuẩn EDTO khi tuân thủ theo phương thức tính toán lượng nhiên liệu đối với chuyến bay EDTO;
 - D. Đáp ứng các yêu cầu bổ sung không được đề cập của các mục nêu trên;
7. Nhiên liệu tăng cường theo yêu cầu là lượng nhiên liệu bổ sung theo yêu cầu của người chỉ huy tàu bay.

10.269 NHỮNG THAY ĐỔI, LẬP LẠI KẾ HOẠCH BAY TRONG KHI BAY⁸⁴

a. Người khai thác chỉ được sử dụng nhiên liệu cho các mục đích khác sau khi tàu bay cất cánh với kế hoạch đã lập trước chuyến bay khi có khả năng tái phân tích hoặc điều chỉnh lại kế hoạch khai thác.

b. Tàu bay được phép tiếp tục chuyến bay từ thời điểm thay đổi kế hoạch bay khi việc tái phân tích như đề cập tại khoản a chỉ ra việc tuân thủ của lượng nhiên liệu sử dụng theo yêu cầu tại các Điều 10.263, 10.265, 10.266, 10.267 hoặc Điều 10.268 tương ứng với kiểu, loại tàu bay khai thác.

10.270 QUẢN LÝ NHIÊN LIỆU TRONG KHI BAY⁸⁵

a. Người chỉ huy tàu bay phải duy trì kiểm tra đảm bảo lượng nhiên liệu còn lại trên tàu bay không nhỏ hơn lượng nhiên liệu yêu cầu để bay đến sân bay, sân bay trực thăng đã được lên kế hoạch hạ cánh an toàn có tính toán lượng nhiên liệu dự phòng.

b. Người chỉ huy tàu bay phải thông báo cho ATC khi có tình huống bất thường ảnh hưởng đến việc hạ cánh tại sân bay, sân bay trực thăng nếu lượng nhiên liệu còn lại ít hơn lượng nhiên liệu dự trữ cộng thêm lượng nhiên liệu yêu cầu để bay đến sân bay dự bị hoặc sân bay biệt lập.

c. Người chỉ huy tàu bay phải thông báo ATC thông qua việc tuyên bố tình trạng nhiên liệu tối thiểu khi có yêu cầu hạ cánh xuống một sân bay cụ thể. Người chỉ huy tàu bay phải tính toán sự ảnh hưởng của những thay đổi đối với khu vực hạ cánh tại sân bay, sân bay trực thăng tới quá trình hạ cánh với lượng nhiên liệu dự trữ ít hơn.

d. Người chỉ huy tàu bay phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp về nhiên liệu bằng việc phát tín hiệu “MAYDAY MAYDAY MAYDAY FUEL” khi tính toán lượng nhiên liệu cần thiết cho việc hạ cánh an toàn tại sân bay, sân bay trực thăng gần nhất ít hơn lượng nhiên liệu dự trữ.

10.273 CHẤT TẢI, TRỌNG LƯỢNG VÀ CÂN BẰNG

- (a) Không ai được thực hiện chuyến bay trừ khi tất cả hành lý và hàng hóa xếp lên tàu bay được phân bố đúng quy định và được cố định an toàn, có tính đến ảnh hưởng của trọng tải đến trọng tâm và các giới hạn tải của sàn tàu bay.
- (b) Không ai được thực hiện chuyến bay trừ khi việc tính toán trọng tải tàu bay và vị trí trọng tâm cho thấy rằng chuyến bay có thể thực hiện một cách an toàn và tuân

⁸⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 56 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 57 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

thủ theo các giới hạn của tàu bay, có tính đến các điều kiện bay dự kiến.

Ghi chú: Khi người có AOC có người kiểm soát chất tải, người lập kế hoạch chất tải hoặc những người được huấn luyện khác, người chỉ huy tàu bay có thể giao trách nhiệm này cho họ, song vẫn phải đảm bảo các quy trình chất tải được tuân thủ.

- (c) Trừ khi được Cục HKVN cho phép khác, việc tính toán trọng lượng và cân bằng phải dựa vào các tài liệu AFM hoặc RFM để xác định trọng tâm, và các giá trị trọng lượng sử dụng cho việc dự tính này phải dựa vào:
 - (1) Trọng lượng rỗng của tàu bay có được nhờ cân định kỳ tàu bay;
 - (2) Trọng lượng thực của tổ bay yêu cầu, dụng cụ và hành lý của họ;
 - (3) Trọng lượng thực của hành khách, hành lý và hàng hóa của họ; và
 - (4) Trọng lượng thực của nhiên liệu có thể sử dụng mang theo trên tàu bay.
- (d) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, không ai được thực hiện chuyến bay trừ khi việc tính toán trọng lượng và cân bằng đã được người được huấn luyện phù hợp thực hiện tuân thủ các yêu cầu bổ sung về trọng lượng và cân bằng trong Phần 17 đối với người có AOC.

10.275 CÁC GIỚI HẠN VỀ TÍNH NĂNG TÀU BAY

- (a) Các yêu cầu chi tiết và toàn diện về tính năng tàu bay của quốc gia đăng ký phải là cơ sở cho việc xác định tính năng của tàu bay.
- (b) ⁸⁶Được phép thực hiện chuyến bay khi việc tính toán tính năng tàu bay trong các giai đoạn chuyến bay cho thấy chuyến bay được thực hiện một cách an toàn, có tính đến các điều kiện chuyến bay và không vượt quá các giới hạn thiết kế khai thác của tàu bay trong tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu tương đương. Những thông tin này phải dựa trên dữ liệu của Nhà sản xuất hoặc các dữ liệu được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận và được quy định trong tài liệu hướng dẫn khai thác.
- (c) ⁸⁷Được phép thực hiện chuyến bay khi dữ liệu về tính năng tàu bay được sử dụng trong khi bay. Khi sử dụng dữ liệu này phải tính đến cấu hình của tàu bay, các điều kiện môi trường và hoạt động của một hay nhiều hệ thống có thể gây ảnh hưởng bất lợi đối với tính năng tàu bay.
- (d) Không ai được thực hiện chuyến bay khi chưa đảm bảo rằng trọng lượng tối đa cho phép đối với chuyến bay không vượt quá trọng lượng cất hoặc hạ cánh tối đa cho phép, không vượt quá các giới hạn tính năng trên đường bay áp dụng hoặc các giới hạn về cự ly hạ cánh, có tính đến:
 - (1) Điều kiện khu vực cất và hạ cánh sử dụng;
 - (2) Độ dốc của đường cất hạ cánh sử dụng (chỉ trên đất liền);

⁸⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 58 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 58 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) Độ cao áp suất;
 - (4) Nhiệt độ bên ngoài;
 - (5) Tốc độ gió hiện hành và dự báo; và
 - (6) Các điều kiện khác (ví dụ khí quyển và cấu hình tàu bay), như độ cao theo mật độ không khí có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tính năng.
- (e) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, không ai được thực hiện chuyến bay trừ khi việc tính toán tính năng được các cá nhân đã qua huấn luyện phù hợp thực hiện tuân thủ các yêu cầu bổ sung về tính năng trong Phần 17 đối với người có AOC.
- (g) ⁸⁸Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại và hoạt động hàng không chung quy theo quy định tại Phần 23 Bộ QCATHK, được phép thực hiện chuyến bay khi việc tính toán tính năng được các cá nhân đã qua huấn luyện phù hợp thực hiện tuân thủ các yêu cầu bổ sung về tính năng trong Phần 17 Bộ QCATHK đối với người có AOC.

10.277 LỆNH ĐIỀU PHẢI ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI⁸⁹

- a. Được phép thực hiện một hoặc một loạt chuyến bay theo hệ thống theo dõi bay khi được phép của người được Người khai thác có AOC ủy quyền thực hiện việc kiểm soát hoạt động chuyến bay.
- b. Được phép thực hiện một hoặc một loạt chuyến bay chở khách trong vận tải hàng không thương mại thường lệ khi đã được người thực hiện chức năng kiểm soát khai thác của người có AOC cấp phép bay đối với một hoặc nhiều chuyến bay cụ thể.
- c. Được phép thực hiện chuyến bay hoặc một loạt chuyến bay vận chuyển thương mại khi xác định việc tuân thủ các quy định bổ sung trong Phần 16 Bộ QCATHK.

10.280 KẾ HOẠCH BAY KHAI THÁC: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) ⁹⁰Được thực hiện chuyến bay khi kế hoạch bay khai thác được người chỉ huy tàu bay hoàn thành và ký.
- (b) Người chỉ huy tàu bay chỉ có thể ký kế hoạch bay khai thác khi người chỉ huy tàu bay và người được nhà khai thác ủy quyền thực hiện chức năng kiểm soát khai thác xác định được rằng chuyến bay có thể hoàn thành một cách an toàn.

Ghi chú: Kế hoạch bay khai thác phải bao gồm cả đường bay và tính toán nhiên liệu, có tính đến các yếu tố về khí tượng và các yếu tố dự đoán khác, để đưa tàu bay đến sân bay đến và các sân bay dự bị yêu cầu.

- (c) Khi ký kế hoạch bay khai thác, người chỉ huy tàu bay phải tiếp cận với các thông

⁸⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 58 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 59 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 60 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

tin áp dụng trong kế hoạch bay về cung cấp nhiên liệu, sân bay dự bị, báo cáo và dự báo thời tiết và NOTAM cho đường bay và sân bay.

- (d) Không ai được tiếp tục chuyến bay từ một sân bay trung gian mà không có kế hoạch bay khai thác mới nếu tàu bay đã ở dưới mặt đất hơn 4 tiếng.

10.283 PHÂN PHÁT VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU LẬP KẾ HOẠCH BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) ⁹¹Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, người chỉ huy tàu bay phải hoàn thành và ký các tài liệu chuẩn bị cho chuyến bay sau đây trước khi thực hiện một hoặc một loạt chuyến bay:
- (1) Kế hoạch bay khai thác, bao gồm NOTAM, thông tin thời tiết phù hợp, các nội dung lập kế hoạch bay liên quan đến nhiên liệu tối thiểu, tính năng trên đường bay, sân bay đến và sân bay dự bị.
 - (2) Bảng kê hàng hóa, việc phân bố tải, trọng tâm, trọng lượng cất cánh và hạ cánh, việc tuân thủ các giới hạn về trọng lượng khai thác tối đa, và phân tích tính năng.
 - (3) Một trang trong nhật ký kỹ thuật áp dụng nếu có hỏng hóc được ghi trong nhật ký sau chuyến bay trước đó, và việc bảo dưỡng hoặc kiểm tra đã được thực hiện hoặc việc xác nhận bảo dưỡng được ký tại sân bay khởi hành.
- (b) Không ai được thực hiện cất cánh tàu bay trừ khi bản sao tất cả các tài liệu chuẩn bị cho chuyến bay do người chỉ huy tàu bay ký, được lưu giữ và cung cấp cho đại diện của công ty tại điểm khởi hành, trừ được Cục HKVN phê chuẩn phương pháp lưu giữ khác.
- (c) Người chỉ huy tàu bay phải mang theo trên tàu bay bản sao tài liệu quy định tại khoản (a) đến sân bay đến.
- (d) ⁹²Các tài liệu này phải được người có AOC lưu giữ tối thiểu 03 tháng tại địa điểm và bằng phương pháp lưu giữ được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

CHƯƠNG H: CÁC QUY TẮC BAY ĐỐI VỚI TẤT CẢ LOẠI HÌNH KHAI THÁC

10.290 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Các quy tắc bay trong Chương này áp dụng đối với tất cả các loại hình khai thác tàu bay trong không phận Việt Nam.
- (b) ⁹³Cá nhân liên quan đến việc khai thác tàu bay, thực hiện chuyến bay hoặc làm việc trong khu vực tàu bay di chuyển tại sân bay phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Trong trường hợp thực hiện chuyến bay phải tuân thủ các quy định về quy tắc bay bằng mắt hoặc quy tắc bay bằng thiết bị.
- (c) ⁹⁴Người có giấy phép nhân viên hàng không do Việt Nam cấp phải tuân thủ các

⁹¹ Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 61 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 61 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 62 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 62 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy

quy tắc này khi bay ngoài Việt Nam, trừ khi các quy tắc này khác so với quy tắc của các quốc gia khác, trong trường hợp đó phải tuân thủ quy tắc của quốc gia mà tàu bay bay qua.

10.293 SAO NHÃNG HOẶC THIẾU THẬN TRỌNG KHI KHAI THÁC TÀU BAY

- (a) Không ai được khai thác tàu bay một cách lơ đãng hay thiếu thận trọng gây đe dọa tính mạng và tài sản của những người khác.

10.295 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

- (a) Tất cả mọi người lái phải làm quen với luật, quy chế và các phương thức có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của mình, về:
- (1) Các khu vực sẽ bay ngang qua;
 - (2) Các sân bay sẽ sử dụng; và
 - (3) Các trang thiết bị dẫn đường liên quan.
- (b) ⁹⁵Thành viên khác của tổ bay, người quản lý và các nhân viên khác phải làm quen với luật, quy chế và các phương thức có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của mình khi khai thác tàu bay.

10.297 KHAI THÁC TÀU BAY TRÊN MẶT ĐẤT⁹⁶

- (a) Tàu bay được phép lăn trên khu vực hoạt động của sân bay khi:
- (1) Được chủ sở hữu, người thuê hoặc đại lý được chỉ định cho phép;
 - (2) Hoàn toàn thành thạo việc cho tàu bay lăn;
 - (3) Được đào tạo để sử dụng vô tuyến khi phải thực hiện liên lạc bằng vô tuyến;
 - (4) Nhận được sự chỉ dẫn về các thông tin tuyến đường bay, bề mặt sân bay, các ký hiệu, dấu hiệu, đèn, các tín hiệu và hướng dẫn của ATS với các thuật ngữ và phương thức phù hợp. Người chỉ huy tàu bay phải tuân thủ các tiêu chuẩn khai thác đối với việc di chuyển an toàn của tàu bay tại sân bay;
 - (5) Bật hệ thống chiếu sáng bên ngoài tàu bay khi có yêu cầu.
- (b) Tàu bay được phép lăn ở khu vực hoạt động của sân bay có kiểm soát khi có huấn lệnh của đài chỉ huy và phải tuân thủ các chỉ dẫn của ATS.
- (c) Chỉ được phép khởi động trực thăng khi người lái đã được huấn luyện có mặt tại vị trí điều khiển trực thăng.
- (d) Nhân viên không phải là thành viên tổ lái chỉ được phép nổ máy động cơ trực thăng ngoài mục đích thực hiện chuyến bay khi đã được huấn luyện và cung cấp quy trình phù hợp.
- (e) Nhân viên dẫn đường được phép chỉ dẫn tàu bay khi được huấn luyện, có đủ năng lực và được phê chuẩn bởi nhà chức trách để thực hiện công việc dẫn đường.
- (f) Được phép điều khiển tàu bay lăn dưới sự hướng dẫn của nhân viên đánh tín hiệu khi:
- (1) Những tín hiệu chỉ dẫn tiêu chuẩn cho tàu bay được cung cấp bằng phương

chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 63 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 64 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

pháp rõ ràng và chính xác.

(2) Nhân viên đánh tín hiệu phải mặc quần áo phản quang chuyên dụng để thành viên tổ lái dễ dàng nhận biết.

(3) Nhân viên đánh tín hiệu và các nhân viên mặt đất khi làm nhiệm vụ phải sử dụng gậy phản quang, dụng cụ hoặc găng tay khi làm nhiệm vụ ra tín hiệu vào ban ngày, gậy phát sáng khi làm nhiệm vụ vào ban đêm hoặc trong điều kiện tầm nhìn hạn chế.

10.300 QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG TRÊN BỀ MẶT SÂN BAY

- (a) Trong trường hợp có nguy cơ hai tàu bay va chạm nhau khi lặn trên khu vực cơ động của sân bay, phải áp dụng các quy định sau đây:
- (1) Khi đầu của hai tàu bay đang tiến đến gần nhau hoặc đã gần nhau, mỗi người lái phải dừng hoặc thay đổi hướng của tàu bay sang bên phải nếu có thể;
 - (2) Khi hai tàu bay đang chuyển động cùng hướng, người lái phải nhường đường cho tàu bay bên phải của mình;
 - (3) Một tàu bay bị tàu bay khác vượt phải được nhường đường và người lái của tàu bay vượt đường phải tránh khỏi tàu bay bị vượt.
- (b) Người lái của tàu bay đang lặn trên vùng cơ động phải dừng lại và chờ ở vị trí chờ trên đường cất hạ cánh trừ khi được đài kiểm soát sân bay cho phép khác.
- (c) Người lái của tàu bay đang lặn trong khu vực cơ động phải dừng lại và chờ ở nơi có dấu hiệu dừng được chiếu sáng và có thể tiếp tục lặn khi các đèn chiếu sáng này tắt.
- (d) Người lái của tàu bay đang lặn trong khu vực cơ động của sân bay phải nhường đường cho tàu bay:
- (1) Cất cánh hoặc sắp cất cánh;
 - (2) Đang hạ cánh hoặc đang trong giai đoạn tiếp cận chót để hạ cánh.

10.303 QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG KHI KHAI THÁC TRÊN MẶT NƯỚC

- (a) Tổng quan: Người khai thác tàu bay thủy phi cơ trên mặt nước phải, nếu có thể, tránh xa khỏi các tàu thuyền và không làm cản trở việc dẫn đường của họ, và phải nhường cho bất kỳ tàu thuyền nào hay tàu bay nào có quyền được nhường đường theo quy tắc của Điều này.
- (b) Hội tụ theo hướng cắt nhau: Khi các tàu bay, hoặc một tàu bay và một tàu thủy đang chuyển động theo hướng cắt ngang nhau, tàu bay hoặc tàu thủy ở bên phải có quyền được nhường đường.
- (c) Chuyển động đối đầu: Khi các tàu bay, hoặc một tàu bay và tàu thủy đang chuyển động đối đầu nhau, hoặc gần đối đầu nhau, tàu bay và tàu thủy phải thay đổi hướng về phía bên phải.
- (d) Vượt đường: Tàu bay hoặc tàu thủy bị vượt có quyền được nhường đường, và tàu bay hoặc tàu thủy vượt đường phải nhường đường.
- (e) Hạ cánh và cất cánh: Tàu bay đang hạ cánh hoặc cất cánh từ mặt nước phải tránh khỏi các tàu thuyền, nếu có thể, và không được làm cản trở việc dẫn đường của tàu thuyền.
- (f) Các trường hợp đặc biệt: Khi các tàu bay, hoặc một tàu bay và một tàu thủy,

đang có nguy cơ va chạm, tàu bay hoặc tàu thủy phải tiến lên một cách cẩn trọng, có tính đến môi trường hiện tại, và những hạn chế của tàu bay hoặc tàu thủy tương ứng.

10.305 KHAI THÁC BAN ĐÊM

- (a) Không ai được khai thác các loại tàu bay sau đây vào ban đêm trong phạm vi không phận Việt Nam:
 - (1) Tàu lượn; hoặc
 - (2) Khinh khí cầu.
- (b) Không ai được thực hiện chuyến bay đường dài bằng tàu bay một động cơ vào ban đêm trong không phận Việt Nam.

10.307 SỬ DỤNG ĐÈN TÀU BAY

- (a) Nếu tàu bay được trang bị đèn hiệu quay màu đỏ, người lái phải bật tắt cả các đèn đó trước khi khởi động động cơ và để đèn sáng trong suốt thời gian động cơ hoạt động.
- (b) Không ai được khai thác tàu bay trong khu vực hoạt động của sân bay, trên nước hoặc trong khi bay trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc, hoặc bất kỳ giai đoạn nào theo quy định của nhà chức trách có thẩm quyền, trừ khi trên tàu bay hiển thị:
 - (1) Đèn chống va chạm để thu hút sự chú ý của tàu bay khác; và
 - (2) Đèn dẫn đường để dễ nhận biết hướng chuyển động của tàu bay.

Ghi chú: Một tàu bay được hiểu là đang khai thác khi nó đang lăn hoặc đang được kéo hoặc đang tạm thời dừng trong khi lăn hoặc đang được kéo.
- (c) Người lái của tất cả các tàu bay đang bay và được trang bị đèn chống va chạm phải bật đèn sáng trong suốt thời gian bay kể từ lúc cất cánh đến lúc hạ cánh.
- (d) Người lái được phép tắt hoặc giảm cường độ ánh sáng của bất kỳ loại đèn chiếu sáng nào nếu chúng đang hoặc có khả năng sẽ:
 - (1) Ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ; hoặc
 - (2) Làm cho người quan sát bên ngoài bị chói mắt.
- (e) Các loại đèn được lắp đặt với mục đích khác, ví dụ như đèn hạ cánh, đèn lăn, đèn pha, và đèn biểu tượng có thể cũng sẽ được sử dụng để tăng khả năng nhìn rõ tàu bay và thu hút sự chú ý đối với tàu bay, nhưng không ai được hiển thị bất kỳ loại đèn nào có khả năng bị nhầm lẫn với đèn dẫn đường hoặc đèn chống va chạm.
- (f) Không ai được đỗ tàu bay ban đêm trong hoặc gần vùng gây nguy hiểm cho hoạt động của sân bay, trừ khi tàu bay hiển thị:
 - (1) Đèn dẫn đường và đèn chống va chạm;
 - (2) Đèn chiếu sáng đèn điem các điem cuối của cấu trúc tàu bay; hoặc
 - (3) Đang ở trong khu vực được đánh dấu bằng đèn báo có chướng ngại vật.
- (g) Không ai được neo giữ tàu bay vào ban đêm trừ khi:
 - (1) Có đèn báo hiệu neo giữ; hoặc
 - (2) Tàu bay đang ở trong khu vực không yêu cầu phải có đèn neo giữ trên tàu

thủy.

10.310 KIỂM TRA TRƯỚC KHI CẤT CÁNH

- (a) Không ai được cất cánh tàu bay trừ khi:
- (1) Đã hoàn thành việc kiểm tra tàu bay, phù hợp với danh mục kiểm tra được công bố, ở bên ngoài tàu bay về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; bao gồm cả số lượng và chất lượng của nhiên liệu mang lên tàu bay;
 - (2) Sự sẵn sàng của khoang hành khách và các thiết bị yêu cầu;
 - (3) Các dụng cụ, thiết bị và tài liệu trong buồng lái; và
 - (4) Cài đặt thiết bị và hệ thống điều khiển trong buồng lái trước khi cất cánh.

10.313 CẤT CÁNH VÀ HẠ CÁNH

- (a) Không ai được cho tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh tại sân bay của Việt Nam chưa được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, trừ khi đã nhận được giấy cho phép sử dụng sân bay chưa được cấp chứng nhận, nếu mục đích khai thác chuyến bay là:
- (1) Vận tải hàng không thương mại chuyên chở hành khách;
 - (2) Hướng dẫn bay; hoặc
 - (3) Bay đơn do học viên bay thực hiện.
- (b) Không ai được cho tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh xuống sân bay của Việt Nam vào ban đêm với mục đích vận tải hàng không thương mại chuyên chở hành khách, trừ khi sân bay có đầy đủ hệ thống chiếu sáng để:
- (1) Xác định hướng hạ cánh; và
 - (2) Thực hiện tiếp cận và hạ cánh an toàn.
- (c) Không ai được cho tàu bay có số ghế hành khách được cấp chứng nhận nhiều hơn 20 cất cánh hoặc hạ cánh tại sân bay của Việt Nam với mục đích vận tải hàng không thương mại chuyên chở hành khách, trừ khi sân bay có:
- (1) Phân tích về độ cao vượt chướng ngại vật và cự ly dừng của đường cất hạ cánh hiện hành;
 - (2) Đã thiết lập việc liên lạc với người được huấn luyện về bề mặt để xác định:
 - (i) Các điều kiện tiếp cận và hạ cánh hiện hành; và
 - (ii) Tình trạng bề mặt đường cất hạ cánh.
- (d) ⁹⁷Trực thăng được phép cất cánh hoặc hạ cánh ở:
- (1) Sân bay trực thăng mức cao trong khu vực đông dân cư trừ khi được khai thác tính năng loại 1;
 - (2) Sân cất hạ cánh trừ khi được khai thác tính năng loại 1.

10.315 CÁC ĐIỀU KIỆN CẤT CÁNH

- (a) Không ai được cho tàu bay cất cánh, trừ khi:

⁹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 65 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Theo thông tin sẵn có, thời tiết tại sân bay và điều kiện của đường cất hạ cánh dự định sử dụng cho phép việc cất cánh và khởi hành an toàn; và
 - (2) Tầm nhìn đường cất hạ cánh hay tầm nhìn theo hướng tàu bay cất cánh bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu áp dụng.
- (b) Không ai được cho tàu bay cất cánh trừ khi, trong khi xác định chiều dài của đường cất hạ cánh yêu cầu, việc mất một đoạn chiều dài đường cất hạ cánh do vị trí của tàu bay trước khi cất cánh, được xác định.

10.317 TIÊU CHUẨN KHAI THÁC TỐI THIỂU CỦA SÂN BAY

- (a) ⁹⁸Tổ chức, cá nhân được khai thác tàu bay đến hoặc đi tại sân bay (hoặc sân bay trực thăng) sử dụng tiêu chuẩn khai thác tối thiểu thấp hơn tiêu chuẩn do quốc gia nơi có sân bay quy định khi được phê chuẩn bởi quốc gia đó.
- (b) Không ai được tiếp tục chuyến bay về sân bay dự định hạ cánh, trừ khi thông tin mới nhất cho biết tại thời gian đến dự kiến, có thể thực hiện hạ cánh tại sân bay đó, hoặc ít nhất tại một sân bay dự bị, theo tiêu chuẩn khai thác tối thiểu áp dụng đối với chuyến bay đó.
- (c) Trừ trường hợp khẩn cấp, không ai được tiếp tục tiếp cận để hạ cánh tại bất kỳ sân bay nào vượt quá giới hạn tiêu chuẩn khai thác tối thiểu quy định đối với sân bay đó.
- (d) ⁹⁹Người khai thác tàu bay trực thăng phải đảm bảo quy trình cất, hạ cánh có tính toán yêu cầu giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn.

10.320 GIẢM TIẾNG ÒN

- (a) Không ai được sử dụng phương thức khởi hành khác tại sân bay nơi phương thức khởi hành giảm tiếng ồn được áp dụng đối với tàu bay, trừ khi việc giảm tiếng ồn không được coi là an toàn, hoặc thực tế các điều kiện hiện tại hay các hạn chế về tính năng tàu bay không cho phép tàu bay thực hiện phương thức giảm tiếng ồn.
- (b) Trừ khi điều kiện đặc biệt tại sân bay không cho phép, tất cả các loại tàu bay phải sử dụng cùng một phương thức giảm tiếng ồn tại tất cả các sân bay.
- (c) Không ai được cất cánh hoặc hạ cánh với trọng lượng tàu bay vượt quá trọng lượng tối đa đã sử dụng để chứng minh việc tuân thủ việc các điều kiện phê chuẩn tiếng ồn của tàu bay, trừ khi được phép của nhà chức trách có thẩm quyền của quốc gia có sân bay hoặc tại đường cất hạ cánh không có bị ảnh hưởng hoặc hạn chế về tiếng ồn.
- (d) ¹⁰⁰Người khai thác tàu bay trực thăng phải đảm bảo quy trình cất, hạ cánh có tính toán yêu cầu giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn.

⁹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 66 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 66 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 67 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.323 BAY VÀO KHU VỰC CÓ BĂNG HOẶC DỰ KIẾN CÓ BĂNG¹⁰¹

a. Tàu bay được phép cất cánh hoặc tiếp tục khai thác trên đường bay trong trường hợp dự kiến có băng hoặc gặp điều kiện có băng khi tàu bay đó được chứng nhận có thể khai thác ở khu vực đóng băng và có đầy đủ thiết bị làm tan băng hoặc chống đóng băng.

b. Tàu bay được phép cất cánh trong khu vực có băng hoặc nghi ngờ có băng khi đã được kiểm tra và triển khai các phương án chống, phá băng thích hợp.

c. Tàu bay được phép cất cánh khi không có sương giá, băng hoặc tuyết trên cánh, bề mặt điều khiển, cánh quạt, động cơ hay các bề mặt xung yếu khác của tàu bay có thể gây ảnh hưởng xấu tới tính năng, khả năng điều khiển hoặc tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của tàu bay. Băng hoặc các chất gây bẩn phải được làm sạch để tàu bay đủ điều kiện bay trước khi cất cánh.

d. Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, Người có AOC được phép cho tàu bay cất cánh khi có sương giá, băng hoặc tuyết dự kiến có thể bám vào tàu bay khi đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn các phương thức đảm bảo thực hiện việc làm tan băng và chống đóng băng trên mặt đất.

10.325 CÁC GIỚI HẠN KHAI THÁC TÀU BAY

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng trong phạm vi hoặc qua lãnh thổ Việt Nam nếu không tuân thủ các giới hạn khai thác quy định trong AFM hoặc RFM đã được phê chuẩn, các quy định về đánh dấu và nhãn hiệu, hoặc không tuân thủ các quy định khác của nhà chức trách hàng không của quốc gia đăng ký tàu bay.

10.327 KHAI THÁC GẦN TÀU BAY KHÁC¹⁰²

a. Tổ chức, cá nhân không được khai thác tàu bay gần tàu bay khác ở mức có thể gây nguy cơ va chạm.

b. Tổ chức, cá nhân được khai thác tàu bay bay theo đội hình khi đã có thỏa thuận với người chỉ huy của từng tàu bay trong đội hình đó và trong vùng trời có kiểm soát phải tuân thủ quy định tại Điều 10.410 về quản lý hoạt động bay.”

c. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng tàu bay đang chở khách để bay đội hình.

10.328 CẢNH BÁO TĂNG VÀ GIẢM ĐỘ CAO¹⁰³

Ngoại trừ quy định khác trong tài liệu hướng dẫn kiểm soát không lưu, tổ bay chỉ được phép sử dụng ở mức nhỏ hơn 8m/giây hoặc 1.500 ft/phút (phụ thuộc vào thiết bị đo) trong khoảng 300 m (1.000 ft) cuối của quá trình lấy độ cao, giảm độ cao để tránh kích hoạt không cần thiết hệ thống tránh va chạm trên không (ACAS II) trên tàu bay ở độ cao hoặc mực bay tiếp cận.

10.330 QUY TẮC NHƯỜNG ĐƯỜNG KHI TÀU BAY ĐANG BAY

- (a) Tổng quan:

¹⁰¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 68 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 69 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 70 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Người lái phải thận trọng để nhìn thấy và tránh các tàu bay khác;
 - (2) Khi quy tắc của Điều này chỉ ra rằng tàu bay khác được nhường đường, người lái phải nhường đường cho tàu bay đó và không được vượt qua phía trên, phía dưới, hoặc về phía trước trừ khi điều kiện cho phép, có tính đến ảnh hưởng của nhiễu động;
 - (3) Người lái của tàu bay được nhường đường phải duy trì hướng mũi và tốc độ trừ khi cần thiết để tránh va chạm;
 - (4) Không nội dung nào trong các quy tắc này làm giảm trách nhiệm của người chỉ huy tàu bay trong việc thực hiện các hành động như cơ động để tránh va chạm dựa trên những tư vấn về cách giải quyết do thiết bị ACAS cung cấp.
- (b) Trong tình trạng nguy kịch: Một tàu bay trong tình trạng nguy kịch sẽ có quyền được tất cả các tàu bay khác nhường đường.
- (c) Bay giao nhau:
- (1) Khi các tàu bay cùng chủng loại, loại đang cùng bay tại một độ cao gần nhau (trừ trường hợp bay đối đầu, hoặc gần đối đầu), tàu bay ở bên phải tàu bay khác có quyền được nhường đường.
 - (2) Nếu tàu bay bay giao nhau là loại khác:
 - (i) Khí cầu có quyền được tàu bay loại khác nhường đường;
 - (ii) Tàu lượn có quyền được khí cầu có điều khiển, máy bay, hoặc trực thăng nhường đường; và
 - (iii) Khí cầu có điều khiển có quyền được máy bay hay hoặc trực thăng nhường đường.
- (d) Kéo hay nạp nhiên liệu: Một tàu bay đang kéo hay đang nạp nhiên liệu cho tàu bay khác có quyền được tất cả các loại tàu bay lái bằng động cơ nhường đường trừ tàu bay đang trong tình trạng lâm nguy.
- (e) Phương thức tiếp cận trực diện: Khi các tàu bay đang tiếp cận trực diện hoặc xu hướng tiếp cận trực diện làm phát sinh nguy cơ va chạm, người lái của mỗi tàu bay phải thay đổi hướng bay sang bên phải.
- (f) Bay vượt tàu bay khác:
- (1) Tàu bay đang bị tàu bay khác vượt có quyền được nhường đường và người lái của tàu bay bay vượt phải thay đổi hướng mũi sang bên phải, bất kể tàu bay đó đang lấy độ cao, đang giảm thấp hay đang bay theo phương nằm ngang.
 - (2) Không có sự thay đổi tiếp theo nào đối với vị trí của hai tàu bay sẽ miễn trừ nghĩa vụ của người lái của tàu bay bay vượt cho đến khi tàu bay vượt đã vượt qua hẳn tàu bay bị vượt.
 - (3) Tàu bay đang bay vượt là tàu bay tiếp cận tàu bay khác từ phía sau và trên đường thẳng tạo với mặt phẳng đối xứng của tàu bay kia một góc nhỏ hơn 70 độ.

Ví dụ, ở vị trí mà vào ban đêm tàu bay này không thể nhìn thấy đèn dẫn đường bên phải hoặc bên trái của tàu bay kia.

(g) Hạ cánh:

- (1) Một tàu bay trong khi đang thực hiện việc tiếp cận chót để hạ cánh hoặc khi đang hạ cánh, có quyền được tàu bay khác đang bay hoặc đang khai thác trên mặt đất nhường đường;
Ghi chú: Người chỉ huy tàu bay không được tận dụng lợi thế của quy tắc này để bắt lẩn ra khỏi bề mặt đường cất hạ cánh tàu bay đã hạ cánh trước đó và đang cố nhường đường cho tàu bay của mình.
- (2) Người lái của tàu bay đang bay phải nhường đường cho tàu bay đang hạ cánh hoặc đang trong giai đoạn cuối cùng của việc tiếp cận hạ cánh;
- (3) Người lái của một tàu bay khi biết được rằng tàu bay khác đang phải hạ cánh khẩn cấp, sẽ phải nhường đường cho tàu bay đó;
- (4) Khi hai tàu bay nặng hơn không khí hoặc nhiều hơn đang tiếp cận sân bay với mục đích hạ cánh:
 - (i) Người lái của tàu bay tại mực bay cao hơn phải nhường đường cho tàu thấp hơn;
 - (ii) Người lái của tàu bay thấp hơn không được tận dụng lợi thế của quy tắc này để bay cắt ngang đằng trước hoặc bay vượt tàu bay cao hơn khi tàu bay này đang trong giai đoạn tiếp cận chót để hạ cánh;
 - (iii) Tuy nhiên, người lái của tàu bay nặng hơn không khí có động cơ điều khiển phải nhường đường cho tàu lượn.

10.332 MỤC BAY BẰNG¹⁰⁴

a. Khi chuyển bay hoặc các giai đoạn chuyển bay được thực hiện tại mực bay bằng, người điều khiển tàu bay phải thực hiện theo các quy tắc sau:

1. Mực bay: đối với những chuyển bay bằng hoặc cao hơn mực bay thấp nhất có thể sử dụng hoặc cao hơn độ cao chuyên tiếp khi được áp dụng.

2. Độ cao: đối với những chuyển bay thấp hơn mực bay thấp nhất có thể sử dụng bằng hoặc thấp hơn độ cao chuyên tiếp khi được áp dụng.

b. Trừ khi có quy định khác từ đơn vị ATS, mực bay hành trình theo Phụ lục 1 Điều 10.332 được sử dụng cho việc xác định vị trí tàu bay cho các chuyển bay áp dụng VFR hoặc IFR.

10.333 ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO ĐỘ CAO

(a) Người khai thác tàu bay phải duy trì độ cao bay bằng hoặc mực bay bằng cách đặt đồng hồ đo độ cao:

- (1) Dưới độ cao chuyên tiếp đến:
 - (i) Đặt đồng hồ đo độ cao theo trạm dọc tuyến đường bay và trong phạm vi 160 km (100 nm) so với tàu bay theo QNH được báo cáo hiện hành;
 - (ii) Đặt đồng hồ đo độ cao theo trạm gần đó theo QNH được báo cáo hiện hành, nếu không có trạm dọc tuyến đường bay; hoặc

¹⁰⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 71 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(iii) Trong trường hợp tàu bay không được trang bị vô tuyến, theo độ cao của sân bay khởi hành hoặc đặt thiết bị đo độ cao thích hợp sẵn có trước khi khởi hành; hoặc

(2) Bằng hoặc trên độ cao chuyển tiếp quy định đến đặt đồng hồ độ cao theo QFE 1013.2hPa (29.92”Hg).

10.335 ĐỘ CAO AN TOÀN TỐI THIỂU: TỔNG QUÁT

(a) Trừ khi cần thiết để cất cánh hoặc hạ cánh, không ai được khai thác tàu bay dưới độ cao sau:

(1) Bất kỳ nơi nào: Độ cao cho phép, nếu một động cơ bị hỏng, tiếp tục bay hay hạ cánh khẩn cấp mà không có rủi ro cao về người và tài sản dưới mặt đất.

(2) Tại khu vực đông dân cư: Bất kỳ khu vực đông dân cư nào của một thành phố, thị trấn hoặc làng mạc nào, hay khu vực ngoài trời tập trung đông người, tại độ cao 600 m (2.000 feet) so với chướng ngại vật cao nhất trong phạm vi bán kính 900 m (3.000 feet) theo phương nằm ngang của tàu bay.

(3) Ở các khu vực khác ngoài khu vực đông dân cư: Tại độ cao 150 m (500 feet) so với bề mặt.

(4) Trực thăng: Người lái trực thăng không phải áp dụng các giới hạn này với điều kiện việc khai thác của họ không gây nguy hiểm đến người và tài sản trên mặt đất. Người chỉ huy trực thăng phải tuân thủ bất kỳ đường bay hay độ cao nào của khu vực mà Cục HKVN quy định đối với trực thăng.

10.337 ĐỘ CAO AN TOÀN TỐI THIỂU ĐỐI VỚI QUY TẮC BAY VFR: KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

(a) Không ai được khai thác máy bay trong vận tải hàng không thương mại ban ngày, theo VFR, tại độ cao thấp hơn 300 m (1.000 feet) so với bề mặt hoặc trong phạm vi 300 m (1.000 feet) trong khu vực đồi núi, hoặc khu vực có chướng ngại vật cản trở chuyển bay.

(b) Không ai được khai thác máy bay trong vận tải hàng không thương mại vào ban đêm, theo VFR, tại độ cao dưới:

(1) 600 m (2.000 feet) so với chướng ngại vật cao nhất trong phạm vi theo phương nằm ngang là 8 km (5 dặm bộ) tính từ trung tâm hành trình dự định; hoặc

(2) Đối với khu vực rừng núi xác định, dưới 900 m (3.000 feet) so với chướng ngại vật cao nhất trong phạm vi theo phương nằm ngang là 8 km (5 dặm bộ) tính từ trung tâm hành trình dự định.

10.340 TỐC ĐỘ BAY TỐI ĐA

(a) Trừ khi được cơ quan ATC cho phép, không ai được khai thác tàu bay với tốc độ bay lớn hơn:

(1) 340 kph (180 kts) trong khu vực hoạt động bay (traffic area) của sân bay.

(2) 400 kph (210 kts) trong khi đang trong vòng lượn cơ bản chỉ định, trừ khi được cơ quan ATS cho phép bay với tốc độ cao hơn.

(3) 475 kph (250 kts) giữa mặt đất và 3000 m (10.000 ft) MSL.

10.343 TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU KHAI THÁC SÂN BAY¹⁰⁵

a. Người khai thác tàu bay phải thiết lập tiêu chuẩn tối thiểu khai thác sân bay phù hợp với các tiêu chuẩn được quy định bởi Quốc gia đăng ký tàu bay đối với từng sân bay khai thác.

b. Tổ chức, cá nhân không được phép khai thác tàu bay (hoặc Trực thăng) đến và đi từ một sân bay sử dụng tiêu chuẩn khai thác tối thiểu thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu được Quốc gia nơi có sân bay công bố, trừ khi nhà chức trách hàng không của Quốc gia đó có phê chuẩn riêng biệt.

c. Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu đối với sân bay có quy trình tiếp cận bằng thiết bị 2D phải được xác định trên cơ sở thiết lập độ cao giảm thấp tối thiểu (MDA) hoặc tiêu chuẩn chiều cao giảm thấp tối thiểu (MDH), tiêu chuẩn tầm nhìn tối thiểu và các điều kiện về mây (nếu cần thiết).

d. Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu đối với sân bay sử dụng phương thức tiếp cận bằng thiết bị 3D phải được xác định dựa trên việc thiết lập độ cao quyết định (DA) hoặc chiều cao quyết định (DH) và tầm nhìn tối thiểu hoặc tầm nhìn đường cất hạ cánh (RVR).

10.344 SÂN BAY TRỰC THĂNG TRONG KHU VỰC ĐÔNG DÂN MÔI TRƯỜNG BẤT LỢI¹⁰⁶

Tổ chức, cá nhân được khai thác trực thăng cất, hạ cánh từ sân bay trực thăng trong khu vực đông dân cư hoặc môi trường bất lợi khi việc khai thác được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc được thực hiện theo tiêu chuẩn tính năng loại 1.

10.345 QUYẾT ĐỊNH BAY CHUYÊN HƯỚNG

- (a) Trừ trường hợp nêu tại khoản (b) dưới đây, người chỉ huy tàu bay phải cho tàu bay hạ cánh tại sân bay thích hợp gần nhất nơi có thể đảm bảo việc hạ cánh an toàn khi một động cơ bị hỏng hoặc bị tắt để ngăn ngừa thiệt hại có thể xảy ra.
- (b) Nếu chỉ có một động cơ của máy bay có ba động cơ trở lên bị hỏng, hoặc bị ngừng hoạt động, người chỉ huy tàu bay có thể tiếp tục bay đến sân bay nếu đảm bảo chắc chắn rằng việc bay đến sân bay đó cũng an toàn như hạ cánh tại sân bay thích hợp gần nhất sau khi đã cân nhắc những vấn đề sau:
 - (1) Bản chất của hỏng hóc và những khó khăn về mặt cơ khí có thể xảy ra nếu chuyển bay được tiếp tục;
 - (2) Độ cao, trọng lượng, và nhiên liệu có thể sử dụng tại thời điểm động cơ dừng;
 - (3) Điều kiện thời tiết trên đường bay và tại các điểm có thể hạ cánh;
 - (4) Tắc nghẽn giao thông;
 - (5) Loại địa hình; và

¹⁰⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 13 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹⁰⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 72 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(6) Mức độ quen với sân bay sẽ sử dụng.

10.347 BAY BẰNG THIẾT BỊ TƯƠNG ĐỒNG

- (a) Không ai được khai thác tàu bay trong chuyến bay bằng thiết bị giả định, trừ khi:
- (1) Tàu bay đó có hai hệ thống điều khiển với đầy đủ các chức năng;
 - (2) ¹⁰⁷Vị trí điều khiển thứ hai được dành cho người lái hỗ trợ với điều kiện người này phải được phê chuẩn năng định loại và năng định hạng phù hợp với tàu bay đang bay và loại hình khai thác đang thực hiện;
 - (3) Người lái hỗ trợ phải quan sát một cách đầy đủ về phía trước và sang hai bên tàu bay, hoặc phải có người có khả năng quan sát tốt giữ liên lạc với người lái hỗ trợ ngồi trên tàu bay ở vị trí có thể quan sát bổ sung cho người lái hỗ trợ.

10.350 GIẢ ĐỊNH TRONG KHI BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Không ai được tham gia vào các điều kiện bay thiết bị giả định bằng các phương tiện nhân tạo trong khi khai thác vận tải hàng không thương mại.
- (b) Không ai được cho phép thực hiện hoặc thực hiện giả định điều kiện bất thường hoặc khẩn nguy trong khi khai thác vận tải hàng không thương mại.

10.353 THẢ, PHUN, KÉO BẰNG TÀU BAY

- (a) Trừ khi thực hiện theo các điều kiện quy định của Cục HKVN trong Phần 11, không người lái nào được thực hiện những hoạt động sau:
- (1) Thả, phun bụi hay phun mưa từ tàu bay;
 - (2) Kéo tàu bay hoặc những vật khác; hoặc
 - (3) Giảm độ cao bằng dù, trừ trường hợp giảm độ cao khẩn cấp.
- (b) Trong trường hợp được Cục HKVN phê chuẩn, phải phối hợp với cơ quan ATS và, nếu cần thiết, phải nhận được huấn lệnh của ATS.

10.355 BAY NHÀO LỘN

- (a) Không ai được thực hiện bay nhào lộn:
- (1) Qua bất kỳ thành phố, thị trấn hay khu dân cư nào;
 - (2) Qua khu vực đông người ngoài trời;
 - (3) Trong phạm vi biên giới xung quanh khu vực vùng trời loại B, C, D hoặc E quy định đối với sân bay;
 - (4) Dưới độ cao 450 m (1.500 feet) so với bề mặt; hoặc
 - (5) Khi tầm nhìn trong khi bay nhỏ hơn 5 km (3 dặm bộ).
- (b) Không ai được khai thác tàu bay với độ nghiêng lớn hơn 60 độ hoặc với góc lên xuống 30 độ so với trạng thái bay bằng, trừ khi tất cả mọi người trên tàu bay đã được trang bị bộ đồ nhảy dù do người gấp dù được phê chuẩn trong vòng 12 tháng trước đó, thực hiện gấp.

¹⁰⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 73 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.357 KHU VỰC BAY THỬ NGHIỆM

- (a) Không ai được thực hiện bay thử nghiệm tàu bay trừ khi:
 - (1) Được cơ quan có thẩm quyền cho phép; và
 - (2) Chuyến bay được thực hiện trên mặt nước rộng hoặc tại các khu vực có mật độ dân cư và giao thông thưa thớt.

10.360 KHU VỰC CẤM VÀ KHU VỰC HẠN CHẾ

- (a) Không ai được khai thác tàu bay trong khu vực nguy hiểm, khu vực hạn chế hoặc khu vực cấm đã được công bố đầy đủ, trừ khi khai thác phù hợp với các điều kiện hạn chế hoặc khi quốc gia có các vùng lãnh thổ nói trên công bố cho phép.

10.363 KHAI THÁC TRONG VÙNG TRỜI CÓ QUY ĐỊNH VỀ RNP, MNPS HOẶC RVSM¹⁰⁸

- a. ¹⁰⁹Tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác trong vùng trời hoặc trên đường bay có quy định về PBN (RNP), MNPS, RVSM hoặc PBC (RCP) khi được Cục HKVN phê chuẩn bằng văn bản, bao gồm:
 - 1. Khả năng dẫn đường, thông tin liên lạc của tàu bay đáp ứng yêu cầu cho từng loại hình khai thác;
 - 2. Người khai thác tàu bay phải thiết lập các quy trình phù hợp đảm bảo duy trì đủ điều kiện bay (theo chương trình bảo dưỡng, sửa chữa);
 - 3. Người khai thác tàu bay phải thiết lập phương thức phù hợp cho tổ lái khai thác trong vùng trời được cấp phép;
 - 4. Phê chuẩn chỉ có hiệu lực khi các phương thức khai thác cụ thể cho từng khu vực khai thác được nêu rõ trong tài liệu hướng dẫn khai thác hoặc tài liệu hướng dẫn tổ bay;
 - 5. Các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ các quy định phê chuẩn khai thác PBN được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 của Điều 10.363;
 - 6. Các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ các quy định phê chuẩn khai thác PBC được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 của Điều 10.363;
 - 7. Các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ các quy định phê chuẩn khai thác RVSM được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Điều 10.363.
- b. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tàu bay trong vùng trời hoặc trên tuyến đường bay đòi hỏi phê chuẩn đặc biệt của Cục Hàng không Việt Nam khi tuân thủ các điều kiện, phương thức và các giới hạn theo yêu cầu của vùng trời đó.
- c. Người khai thác tàu bay và người lái tàu bay phải cung cấp báo cáo sự cố theo mẫu và cách thức theo quy định trong 10 ngày đối với các sai lệch so với đặc tính quy định cho các tuyến đường bay, vùng trời khai thác.
- d. ¹¹⁰Người khai thác tàu bay phải nộp Đơn đề nghị phê chuẩn đối với một hay

¹⁰⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 74 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 14 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 14 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo

nhiều loại hình khai thác nêu trên theo Mẫu và cách thức được quy định bởi Cục HKVN và phải hoàn thành hồ sơ phê chuẩn trước ngày dự định khai thác 30 ngày.

10.364 QUY ĐỊNH VỀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC BỔ SUNG¹¹¹

a. Người khai thác tàu bay phải nộp đơn đề nghị phê chuẩn về Cục HKVN và phải hoàn thành các quá trình phê chuẩn sau đây trước khi thực hiện khai thác tàu bay:

1. Các hệ thống hạ cánh tự động;
2. HUD (hoặc hệ thống tương đương), EVS, SVS, CVS hoặc bất kì hệ thống nào được thiết lập tích hợp bởi các hệ thống này;
3. Các biến thể của khai thác PBN bao gồm cả RNP-APCH;
4. ADS-C bao gồm CPDLC;
5. ADS-B-IN và OUT;
6. Giám sát dựa trên tính năng (PBS);
7. Tài liệu điện tử trên tàu bay (EFB);
8. Các phê chuẩn khai thác trọng yếu khác quy định bởi Cục HKVN hoặc bởi các tiêu chuẩn của ICAO;
9. Các yêu cầu phê chuẩn PBS được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 của Điều 10.364;
10. Các yêu cầu phê chuẩn EFB được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 của Điều 10.364.

b. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác tàu bay sử dụng Hệ thống hạ cánh tự động, HUD hoặc các Hệ thống tương tự HUD, EVS, SVS, CVS hoặc NVIS để thực hiện các công việc sau đây khi được Cục HKVN phê chuẩn lắp đặt thiết bị và quy trình sử dụng:

1. Thực hiện giảm độ cao hoặc cất cánh trong điều kiện thời tiết dưới tiêu chuẩn tối thiểu VFR;
2. Thực hiện việc tiếp cận bằng thiết bị dưới tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận bằng thiết bị CAT I;
3. Giảm hoặc đáp ứng các quy định về tầm nhìn;
4. Bổ trợ cho các trang thiết bị mặt đất;
5. Thực hiện khai thác ban đêm tới các địa điểm không phải là sân bay hoặc bãi đỗ trực thăng;
6. Để đạt được các lợi ích khai thác khác quy định trong Bộ quy chế an toàn hàng không.

c. Các quy định để phê chuẩn khai thác các loại hình trong khoản b điều này được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Điều 10.364.

d. Trong quá trình xem xét phê chuẩn khai thác tin cậy (khai thác với tiêu chuẩn thấp hơn tiêu chuẩn quy định) các loại hình khai thác đối với tàu bay có lắp đặt HUD hoặc các Hệ thống tương đương, EVS, SVS hoặc CVS. Các phê chuẩn này không được ảnh hưởng tới việc phân loại phương thức tiếp cận bằng thiết bị.

Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 15 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

đ. Người khai thác tàu bay phải làm đơn đề nghị phê chuẩn đối với một hoặc nhiều loại hình khai thác nêu trong Điều này theo mẫu và cách thức quy định bởi Cục HKVN, trình Cục HKVN 30 ngày trước ngày dự định khai thác và hoàn thành quá trình phê chuẩn trước khi áp dụng.

10.365 KHAI THÁC TRÊN SÂN BAY HOẶC TRONG KHU VỰC LÂN CẬN SÂN BAY

- (a) Người lái khai thác tàu bay trên sân bay hoặc ở khu vực lân cận của sân bay, dù có ở khu vực hoạt động bay của sân bay hay không, phải:
- (1) Quan sát hoạt động giao thông trên sân bay để tránh va chạm;
 - (2) Tuân thủ hoặc tránh vòng lượn của tàu bay khác đang khai thác;
 - (3) Thực hiện vòng sang trái khi tiếp cận hạ cánh hoặc sau khi cất cánh, trừ khi được hướng dẫn khác;
 - (4) Tuân thủ các vòng lượn cơ bản do nhà chức trách có chủ quyền đối với sân bay thiết lập;
 - (5) Hạ cánh và cất cánh ngược gió, trừ khi mức độ an toàn, cấu hình đường CHC, hoặc mật độ lưu thông của tàu bay cho thấy hạ cánh theo hướng khác là thích hợp hơn; và
 - (6) Tuân thủ các tín hiệu đèn hướng dẫn khi không thể thiết lập được liên lạc vô tuyến.
- (b) Trực thăng phải tránh nhiễu động do luồng khí máy bay bay trước gây ra.

10.367 KHAI THÁC TRONG VÙNG TRỜI LOẠI A, B, C, D VÀ E

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng trong vùng trời loại A trừ khi khai thác theo IFR phù hợp với huấn lệnh của cơ quan ATS.
- (b) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng trong vùng trời loại B, C, D hoặc E trừ khi đã thiết lập liên lạc vô tuyến hai chiều với cơ quan kiểm soát ATS trước khi bay vào các vùng trời này, và khi khai thác trong vùng trời này:
- (1) Khai thác theo huấn lệnh của ATS; và
 - (2) Duy trì liên lạc hai chiều.

10.370 ĐỘ CAO VÒNG LƯỢN CƠ BẢN TRÊN SÂN BAY: MÁY BAY LỚN HOẶC MÁY BAY TUỐC - BIN PHẢN LỰC

- (a) Khi bay đến một sân bay, người chỉ huy máy bay lớn hoặc máy bay tuốc-bin phản lực phải tiến vào vòng lượn cơ bản của sân bay đó ở độ cao tối thiểu là 450 m (1500 ft) so với mặt đất (AGL) cho đến khi được yêu cầu tiếp tục giảm thấp để hạ cánh.
- (b) Khi khởi hành, người chỉ huy máy bay lớn hoặc máy bay tuốc-bin phản lực phải bay tới độ cao 450 m (1500 feet) AGL càng nhanh càng tốt.

10.372 QUY TRÌNH KHAI THÁC TÀU BAY KHI HẠ CÁNH¹¹²

Người chỉ huy tàu bay không được tiếp cận hạ cánh xuống thấp hơn 300 m (1000 ft) so với mức cao sân bay trừ khi trước đó đã được cung cấp thông tin về điều kiện bề mặt đường cất hạ cánh, thông tin về tính năng tàu bay thể hiện rằng tàu bay có thể hạ cánh an toàn.

10.373 TUÂN THỦ ĐƯỜNG TẦM BẰNG MẮT HOẶC BẰNG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

- (a) Người chỉ huy tàu bay khi tiếp cận để hạ cánh xuống sân bay có hệ thống đèn hiển thị đường tầm tiếp cận bằng mắt (Visual Approach Slope Indicators) phải duy trì độ cao bằng hoặc trên độ cao đường tầm cho đến lúc cần phải hạ độ cao thấp hơn để hạ cánh an toàn.
- (b) Người chỉ huy tàu bay lớn hoặc tàu bay tuốc-bin phản lực khi tiếp cận để hạ cánh xuống đường CHC có đài ILS phải bay trên sân bay đó tại độ cao bằng hoặc cao hơn đường tầm tính từ điểm nhận được tín hiệu đến đài giữa.

10.375 TIẾP CẬN CHÓT ỔN ĐỊNH

- (a) Người chỉ huy tàu bay khi thực hiện tiếp cận chốt để hạ cánh phải đưa máy bay vào trạng thái hạ cánh (càng hạ cánh, cánh tà, tốc độ bay, thế bay và công suất) tại độ cao bằng hoặc cao hơn 150 m (500 feet) so với độ cao khu vực chạm bánh trên đường cất hạ cánh và duy trì ổn định trạng thái này cho đến khi xả đà sau hạ cánh.

10.377 GIỚI HẠN HOẶC ĐÌNH CHỈ KHAI THÁC: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Nếu người chỉ huy tàu bay hoặc người có AOC biết rõ các điều kiện, bao gồm điều kiện sân bay và đường cất hạ cánh, có thể gây rủi ro không đảm bảo khai thác an toàn, phải giới hạn hoặc đình chỉ tất cả mọi loại hình khai thác vận tải hàng không thương mại đến các sân bay và đường cất hạ cánh đó cho đến khi các điều kiện nói trên được khắc phục.

10.379 TIẾP TỤC CHUYỂN BAY¹¹³

Chỉ được phép tiếp tục bay tới sân bay dự định hạ cánh khi thông tin thời tiết nhận được lần cuối cùng chỉ ra rằng tại thời điểm tàu bay dự kiến bay đến thì việc hạ cánh tại sân bay đó có thể thực hiện được hoặc phải có tối thiểu một sân bay dự bị có tiêu chuẩn khai thác tối thiểu phù hợp.

10.380 TIẾP TỤC CHUYỂN BAY: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- a. ¹¹⁴Người chỉ huy tàu bay chỉ được phép tiếp tục chuyển bay tới sân bay dự bị hạ

¹¹² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 16 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 17 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 18 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ

cánh mà tại đó hoạt động vận tải hàng không thương mại bị cấm hoặc đình chỉ khi:

1. Người chỉ huy tàu bay đánh giá thấy các yếu tố, điều kiện gây mất an toàn cho chuyến bay có thể chắc chắn được khắc phục trước thời điểm tàu bay dự định bay đến;
2. Không có phương thức khai thác nào an toàn hơn.

b. ¹¹⁵(được bãi bỏ)

10.383 BAY CHẶN TÀU BAY

- (a) Người lái không được thực hiện chuyến bay quốc tế trừ khi có các phương thức và tín hiệu liên quan đến việc bay chặn tàu bay trong buồng lái.
- (b) Khi tàu bay bị tàu bay quân sự hoặc tàu bay nhà nước bay chặn, người chỉ huy tàu bay phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về bay chặn và đáp lại các tín hiệu nhìn thấy bằng mắt theo quy định của Cục HKVN.

10.385 KHAI THÁC TRỰC THĂNG TRÊN MẶT NƯỚC

- (a) Không ai được khai thác trực thăng trên mặt nước vượt quá cự ly hạ cánh an toàn tính từ đất liền, trừ khi:
 - (1) Trực thăng đó được cấp chứng nhận có thể hạ cánh khẩn cấp xuống mặt nước; và
 - (2) Các thông tin về phương thức hạ cánh khẩn cấp và trạng thái của biển có sẵn sàng trên buồng lái.

CHƯƠNG I: KHAI THÁC CHUYẾN BAY CÓ KIỂM SOÁT

10.390 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Quy tắc bay trong Chương này áp dụng đối với tất cả các loại hình khai thác tàu bay trong không phận Việt Nam.
- (b) ¹¹⁶Người có giấy phép nhân viên hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp phải tuân thủ các quy tắc này khi bay ngoài Việt Nam, trừ trường hợp các quy tắc này khác với quy tắc của các quốc gia khác, trong trường hợp như vậy phải tuân thủ các quy tắc của quốc gia hoặc khu vực mà mình bay qua.

10.393 HUẤN LỆNH CỦA KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU (ATC)

- (a) Người chỉ huy tàu bay phải nhận huấn lệnh ATC trước khi khai thác chuyến bay có kiểm soát, hoặc một phần có kiểm soát của chuyến bay.
- (b) Người chỉ huy tàu bay phải yêu cầu cung cấp huấn lệnh ATC thông qua việc nộp kế hoạch bay tới cơ quan cung cấp ATS.
- (c) Khi tàu bay yêu cầu huấn lệnh liên quan đến quyền ưu tiên, người chỉ huy tàu bay phải nộp báo cáo giải thích sự cần thiết phải được ưu tiên nếu cơ quan ATS phù hợp yêu cầu.

Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 18 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 76 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (d) Không ai khai thác tàu bay trong sân bay có kiểm soát được cho tàu bay lặn trong khu vực cơ động hoặc trên đường CHC khi chưa có huấn lệnh từ đài kiểm soát sân bay.

10.395 TUÂN THỦ HUẤN LỆNH ATC

- (a) Khi đã nhận được huấn lệnh ATC, người chỉ huy tàu bay không được làm khác với huấn lệnh, hoặc với kế hoạch bay hiện hành, nếu áp dụng, trừ trường hợp khẩn nguy, trừ khi người chỉ huy tàu bay đã nhận được huấn lệnh sửa đổi.

Ghi chú: Kế hoạch bay có thể chỉ bao gồm một phần của chuyến bay khi cần thiết để miêu tả phần đó của chuyến bay hoặc các hoạt động phải tuân theo sự kiểm soát không lưu. Huấn lệnh cũng có thể chỉ bao gồm một phần của kế hoạch bay hiện hành như nêu rõ trong giới hạn huấn lệnh hoặc chỉ nói đến các hoạt động cụ thể như lặn, hạ cánh hoặc cất cánh.

Ghi chú: Khoản (a) nói trên không cấm người chỉ huy tàu bay hủy bỏ huấn lệnh IFR khi khai thác trong điều kiện khí tượng bay bằng mắt (VMC) hoặc hủy bỏ huấn lệnh bay có kiểm soát khi khai thác trong vùng trời không yêu cầu phải bay có kiểm soát.

- (b) Khi khai thác trong vùng trời yêu cầu phải bay có kiểm soát, người chỉ huy tàu bay không được thực hiện trái với hướng dẫn của ATC, trừ trường hợp khẩn nguy.
- (c) Người chỉ huy tàu bay thực hiện khác với huấn lệnh hoặc hướng dẫn của ATC trong trường hợp khẩn nguy phải:
- (1) Thông báo với cơ quan ATC về các sai lệch đó càng sớm càng tốt; và
 - (2) Công bố rằng hành động này được thực hiện theo quyền hạn quy định đối với trường hợp khẩn nguy.

10.397 LIÊN LẠC VÀ MẤT LIÊN LẠC¹¹⁷

a. Người khai thác chuyến bay có kiểm soát theo IFR hoặc VFR phải liên tục duy trì liên lạc thoại không địa trên kênh liên lạc phù hợp và thiết lập liên lạc hai chiều với cơ quan ATS phù hợp khi cần thiết trừ khi có quy định của cơ quan ATS liên quan đến điều hành tại các sân bay.

b. SELCAL hoặc thiết bị tín hiệu tự động tương tự có thể được sử dụng để đáp ứng yêu cầu duy trì việc nghe liên lạc.

c. Tàu bay phải duy trì liên lạc thoại không địa sau khi thiết lập thông tin liên lạc với người lái bằng truyền cơ sở dữ liệu được thiết lập.

d. Trong trường hợp việc mất liên lạc dẫn đến khả năng không tuân thủ các quy định tại khoản a, b, c của Điều này, người lái tàu bay phải tuân thủ các phương thức liên lạc thoại quy định tại Phụ ước 10, Quyển 2 của ICAO và các phương thức thích hợp tại khoản đ, e, g, h, i, k, l, m của Điều này.

đ. Trong trường hợp thực hiện điều hành không lưu tại sân bay có kiểm soát, người lái phải duy trì theo dõi những chỉ dẫn của hệ thống tín hiệu bằng mắt được phê chuẩn.

¹¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 19 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

e. Trong trường hợp sử dụng điều kiện khí tượng bằng mắt, người chỉ huy tàu bay phải:

1. Tiếp tục thực hiện chuyến bay trong điều kiện khí tượng bằng mắt, hạ cánh xuống sân bay gần nhất, báo cáo hạ cánh nhanh chóng cho đơn vị kiểm soát không lưu thích hợp;

2. Thực hiện chuyến bay bằng IFR nếu điều kiện cho phép theo quy định tại khoản g của Điều này.

g. Trong điều kiện khí tượng bay bằng thiết bị hoặc khi người lái thực hiện chuyến bay sử dụng IFR cho rằng việc thực hiện chuyến bay sử dụng VMC là không khả thi, PIC phải:

1. Duy trì vận tốc và mực bay đã thiết lập trước đó hoặc độ cao bay tối thiểu trong trường hợp bay cao hơn trong khoảng thời gian 20 phút kể từ khi tàu bay mất khả năng thông báo vị trí tại các điểm thông báo bắt buộc, sau đó điều chỉnh vận tốc và mực bay tương ứng với kế hoạch bay hiện thời trừ khi có quy định khác trên cơ sở thỏa thuận dẫn đường theo khu vực, trong không phận không sử dụng rada kiểm soát không lưu;

2. Duy trì vận tốc và mực bay đã thiết lập trước đó hoặc độ cao bay tối thiểu trong trường hợp bay cao hơn trong khoảng thời gian 07 phút từ một trong các thời điểm sau trong vùng trời có sử dụng ra-đa kiểm soát không lưu, người điều khiển tàu bay:

(i) Đạt mực bay, độ cao bay tối thiểu được thiết lập lần cuối;

(ii) Thiết bị hỏi đáp được cài đặt code 7600;

(iii) Tàu bay mất khả năng thông báo vị trí tại các điểm thông báo bắt buộc, chọn trường hợp muộn hơn và sau đó điều chỉnh vận tốc và mực bay theo kế hoạch bay đã triển khai.

h. Khi được dẫn đường bởi ra-đa hoặc đơn vị ATC có sử dụng tính năng dẫn đường theo khu vực (RNAV), tái thiết lập đường bay theo kế hoạch bay đã định ngay khi tới thời điểm thông báo, có tính toán giới hạn độ cao bay tối thiểu;

i. Thực hiện chuyến bay theo kế hoạch bay đã định tới đài dẫn đường hoặc đài điểm của sân bay hạ cánh. Khi cần giảm độ cao theo quy định nêu tại khoản k Điều này, tàu bay phải tiếp tục sử dụng đài dẫn đường và đài điểm cho đến khi thực hiện giảm độ cao;

k. Bắt đầu giảm độ cao từ các đài dẫn đường và đài điểm tại thời điểm nhận biết thời gian tiếp cận dự kiến trước đó. Trong trường hợp không nhận biết được thời gian tiếp cận dự kiến, tàu bay phải giảm độ cao tại thời điểm gần nhất với thời gian hạ cánh được ghi trong kế hoạch bay đã định được nêu tại khoản l Điều này hoặc tại thời điểm nhận biết tiếp cận dự kiến trước đó, chọn thời điểm nào muộn hơn;

l. Thực hiện phương thức tiếp cận thông thường bằng thiết bị khi sử dụng thiết bị dẫn đường phụ trợ;

m. Tiếp tục hạ cánh (nếu có thể) trong vòng 30 phút sau thời điểm dự kiến hạ cánh nêu tại khoản k Điều này hoặc tại thời điểm nhận biết thời gian tiếp cận gần nhất, chọn thời điểm nào muộn hơn.

10.400 TUYẾN ĐƯỜNG BAY

(a) Trừ khi cơ quan ATS phù hợp cho phép hoặc hướng dẫn khác, người chỉ huy chuyến bay có kiểm soát, trong trường hợp có thể, phải:

(1) Khi khai thác trên tuyến đường bay có dịch vụ ATC, bay dọc theo đường tâm xác định của tuyến đường bay đó; hoặc

(2) Khi khai thác trên bất kỳ tuyến đường bay nào khác, bay thẳng giữa các

thiết bị dẫn đường và/hoặc các điểm xác định tuyến đường bay đó.

- (b) Người chỉ huy chuyến bay có kiểm soát khai thác dọc theo tuyến đường bay có dịch vụ ATC qua các đài VOR phải thay đổi thiết bị dẫn đường cơ bản từ thiết bị phía sau tàu bay sang thiết bị phía trước tàu bay càng gần với điểm thay đổi, nếu có, càng tốt.

Ghi chú: Các yêu cầu này không cấm tàu bay cơ động để tránh tàu bay khác hoặc cơ động tàu bay trong điều kiện VFR để tránh vệt bay dự định trước trong khi lấy độ cao hoặc giảm thấp.

- (c) ¹¹⁸Người chỉ huy tàu bay có kiểm soát phải thông báo cho đơn vị ATC thích hợp tất cả những sai lệch so với quy định nêu tại khoản a và b Điều này.

10.403 SAI LỆCH SO VỚI KẾ HOẠCH BAY¹¹⁹

a. Người chỉ huy tàu bay phải thực hiện các hành động sau đây trong trường hợp chuyến bay có kiểm soát thực hiện sai lệch so với kế hoạch bay hiện tại:

1. Nếu tàu bay lệch ra khỏi vệt bay, người chỉ huy tàu bay phải điều chỉnh ngay lập tức hướng mũi để tàu bay quay trở lại vệt bay sớm nhất có thể.

2. Nếu số Mach/IAS của tàu bay bị sai lệch so với huấn lệnh của ATC, người lái tàu bay phải thông báo ngay lập tức cho đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu phù hợp.

3. Nếu số Mach/TAS được duy trì ở mức bay bằng thay đổi bằng hoặc lớn hơn +/- 0,02 số Mach hay bằng hoặc lớn hơn +/- 19 km/h (10 kt) so với tốc độ TAS trong kế hoạch bay hiện tại, người lái tàu bay phải thông báo ngay lập tức cho cơ quan không lưu phù hợp.

4. Trừ trường hợp tàu bay đã được kích hoạt ADS-C và hoạt động trong vùng trời có cung cấp dịch vụ ADS-C, nếu thời gian ước tính bay đến điểm yêu cầu báo cáo tiếp theo, ranh giới vùng thông báo bay hoặc sân bay dự định đến, chọn vị trí nào tới trước, mà vượt quá 02 phút so với thời gian đã thông báo trước đó cho cơ quan không lưu hoặc so với khoảng thời gian quy định bởi nhà chức trách không lưu phù hợp hoặc khoảng thời gian quy định trong các văn bản thoả thuận dẫn đường khu vực, người lái tàu bay phải thông báo cho cơ quan cung cấp dịch vụ không lưu nhanh nhất có thể.

b. Khi dịch vụ ADS-C được cung cấp và tàu bay đã kích hoạt ADS-C, cơ quan cung cấp dịch vụ không lưu phải được thông báo tự động thông qua đường truyền dữ liệu khi có bất kỳ sự thay đổi nào xảy ra mà vượt ngưỡng quy định trong thoả thuận ADS.

10.405 HUẤN LỆNH ATC: CÁC THAY ĐỔI DỰ ĐỊNH

a. ¹²⁰Yêu cầu thay đổi kế hoạch bay phải có các thông tin sau đây:

1. Khi thay đổi mức bay bằng: Nhận dạng tàu bay, mức bay bằng mới theo yêu

¹¹⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 78 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 21 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

cầu và tốc độ bay bằng tại mực bay này, thời gian dự định sửa đổi tại ranh giới vùng thông báo bay tiếp theo, nếu áp dụng.

2. Khi thay đổi số Mach/TAS: Nhận dạng tàu bay, số Mach/TAS yêu cầu.

3. Khi thay đổi tuyến đường bay:

(i) Không thay đổi sân bay dự định đến: Nhận dạng tàu bay, quy tắc bay, miêu tả tuyến đường bay mới, bao gồm các dữ liệu kế hoạch bay liên quan từ vị trí bắt đầu thay đổi tuyến đường bay, thời gian dự định sửa đổi và các thông tin cần thiết khác;

(ii) Thay đổi sân bay dự định đến: Nhận dạng tàu bay, quy tắc bay, miêu tả tuyến đường bay sửa đổi đến sân bay dự định đến sửa đổi, bao gồm các dữ liệu kế hoạch bay liên quan từ vị trí bắt đầu thay đổi tuyến đường bay, thời gian dự định sửa đổi; sân bay dự bị và các thông tin cần thiết khác.

10.407 BÁO CÁO VỊ TRÍ

- (a) Người lái tàu bay trên chuyến bay có kiểm soát theo VFR hoặc IFR phải báo cáo cho cơ quan ATC phù hợp càng sớm càng tốt về thời gian và mực bay khi bay qua mỗi điểm báo cáo bắt buộc quy định, cùng với các thông tin khác theo yêu cầu, trừ khi được cơ quan ATC miễn trừ không yêu cầu phải thực hiện quy định này.
- (b) Người lái tàu bay trên chuyến bay có kiểm soát phải báo cáo các vị trí bổ sung hoặc các khoảng cách khi cơ quan ATC phù hợp yêu cầu.
- (c) ¹²¹Trong trường hợp thiếu các điểm báo cáo chỉ định, Người lái tàu bay phải thực hiện báo cáo vị trí theo tần suất được quy định bởi nhà chức trách ATC phù hợp hoặc do cơ quan cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp quy định.
- (d) ¹²²Người lái tàu bay trên chuyến bay có kiểm soát cung cấp thông tin về vị trí cho cơ quan ATC phù hợp thông qua đường truyền dữ liệu chỉ phải báo cáo vị trí bằng lời khi yêu cầu.

10.410 BAY ĐỘI HÌNH

- (a) Không ai được khai thác tàu bay trong chuyến bay đội hình trong vùng trời có kiểm soát trừ khi việc khai thác này được thực hiện phù hợp với huấn lệnh ATC và các điều kiện quy định khác, bao gồm:
- (1) Đội hình được coi như một tàu bay để dẫn đường và báo cáo vị trí;
 - (2) ¹²³Khoảng cách giữa các tàu bay phải được đảm bảo bởi người chỉ huy đội hình và người chỉ huy các tàu bay khác, phải tính toán khoảng thời gian chuyển tiếp khi tàu bay chuyển động để thiết lập cự ly, nhập và tách đội hình;
 - (3) Cự ly không quá một km (0,5 hải lý) về hai bên và theo chiều dọc, 30 m (100 feet) theo chiều thẳng đứng tính từ người chỉ huy đội hình phải được

¹²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 22 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 22 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 79 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

cả hai tàu bay duy trì.

10.413 KHAI THÁC TẠI SÂN BAY CÓ KIỂM SOÁT HOẶC Ở VÙNG LÂN CẬN CỦA SÂN BAY CÓ KIỂM SOÁT.

- (a) Không ai được khai thác tàu bay từ, đến, bay qua hoặc ở trên sân bay có đài kiểm soát khai thác, trừ khi duy trì được liên lạc không - địa giữa tàu bay và đài kiểm soát.
- (b) Khi đến cách sân bay 8 km (5 dặm bộ), người chỉ huy tàu bay phải thiết lập liên lạc theo yêu cầu tại khoản (a) khi khai thác cách bề mặt với độ cao tối đa là 750 m (2500 feet).
- (c) Khi khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải thiết lập liên lạc với đài kiểm soát trước khi lăn tàu bay.
- (d) Huấn lệnh cất cánh, hạ cánh và lăn: Không ai được khai thác tàu bay trên đường cất hạ cánh, trên đường lăn, cất cánh hoặc hạ cánh tại bất kỳ sân bay nào có đài kiểm soát khai thác, trừ khi đã nhận được huấn lệnh của cơ quan ATC phù hợp.

Ghi chú: Huấn lệnh “taxi to” đến đường cất cánh không phải là huấn lệnh cho phép cất ngang hoặc lăn trên đường cất hạ cánh đó. Huấn lệnh này cũng không cho phép người chỉ huy tàu bay cất ngang đường cất hạ cánh khác trong khi lăn đến đường CHC được chỉ định. Huấn lệnh “taxi to” đến bất kỳ điểm nào khác trên sân bay là huấn lệnh cho phép cất ngang tất cả các đường cất hạ cánh giao nhau với đường lăn để tới điểm được chỉ định.

- (e) ¹²⁴(được bãi bỏ).

10.415 KẾT THÚC KIỂM SOÁT

- (a) Người lái chuyến bay có kiểm soát phải thông báo cho cơ quan ATC phù hợp ngay sau khi tàu bay không còn phải chịu sự kiểm soát của cơ quan ATC đó, trừ trường hợp tàu bay hạ cánh tại sân bay có kiểm soát.

10.417 CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

- (a) Để tạo điều kiện cho cơ quan cung cấp dịch vụ ATC đưa ra quyền ưu tiên đối với 01 tàu bay và giảm thiểu xung đột với các tàu bay khác, người lái phải thông báo, nếu có thể, cho cơ quan ATS phù hợp khi một tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp, bao gồm các nội dung sau:
 - (1) Bất kỳ tình huống quan trọng nào liên quan đến hành động can thiệp bất hợp pháp;
 - (2) Bất kỳ sai lệch nào so với kế hoạch bay hiện hành do hoàn cảnh bắt buộc.
- (b) ¹²⁵Nếu tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp, người chỉ huy tàu bay phải thực hiện hạ cánh xuống sân bay gần nhất trong thời gian sớm nhất có thể hoặc xuống sân bay được chỉ định bởi nhà chức trách trừ các trường hợp bất khả kháng.
- (c) ¹²⁶Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo theo quy định của Điều 10.260 tới Nhà chức

¹²⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 80 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹²⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 81 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹²⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 23 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ

trách hàng không địa phương phù hợp đối với các hành vi can thiệp bất hợp pháp.

10.420 KIỂM TRA THỜI GIAN

- (a) Trong khi khai thác tàu bay, người chỉ huy tàu bay phải sử dụng thời gian UTC thể hiện bằng giờ và phút của 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ nửa đêm.
- (b) Người chỉ huy tàu bay phải kiểm tra thời gian trước khi khai thác chuyến bay có kiểm soát hoặc tại các thời điểm cần thiết khác trong suốt chuyến bay. Việc kiểm tra thời gian phải được thực hiện cùng với cơ quan ATS trừ khi có thỏa thuận khác.
- (c) Khi được sử dụng trong liên lạc qua đường truyền dữ liệu, thời gian phải được tính chính xác đến hàng giây UTC.

10.423 CÁC TÍN HIỆU TOÀN CẦU

- (a) ¹²⁷Khi quan sát thấy hoặc nhận được tín hiệu hàng không toàn cầu theo quy định, người lái tàu bay phải thực hiện các hành động theo yêu cầu của các tín hiệu này. Tín hiệu hàng không toàn cầu quy định chi tiết tại các Hướng dẫn của Cục Hàng không Việt Nam và Phụ lục 1 Phụ ước 2 của ICAO.
- (b) Các tín hiệu toàn cầu phải mang ý nghĩa đã được quy định.
- (c) Chỉ được sử dụng tín hiệu toàn cầu khi tàu bay chuyển động với mục đích đã được chỉ định.
- (d) Không ai được sử dụng các tín hiệu có thể gây nhầm lẫn với các tín hiệu hàng không toàn cầu.

CHƯƠNG J: QUY TẮC BAY BẰNG MẮT

10.430 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Quy tắc bay bằng mắt (VFR) trong Phần này áp dụng trong không phận Việt Nam.
- (b) ¹²⁸Người có giấy phép nhân viên hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp phải tuân thủ các quy tắc này khi bay ngoài Việt Nam, trừ khi các quy tắc này khác với quy tắc của các quốc gia khác, trong trường hợp như vậy phải tuân thủ quy tắc của quốc gia và khu vực mà mình bay qua.

10.443 ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO VFR¹²⁹

a. Lựa chọn độ cao bay bằng theo VFR phải phù hợp với bảng số liệu nêu tại Phụ lục 1 Điều 10.443.”

Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 82 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 83 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹²⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 84 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b. Ngoài các quy định tại khoản a, Người khai thác tàu bay theo VFR khi bay bằng tại độ cao từ 900 m (3.000 feet) tới mực bay 290 so với mặt đất hoặc mặt nước phải duy trì:

1. Hướng từ từ 0 độ tới 179 độ, mực bay lẻ hoặc mực bay chẵn với 150 m (500 feet);
2. Hướng từ từ 180 độ tới 359 độ, mực bay chẵn hoặc mực bay chẵn với 150 m (500 feet).

10.435 TIÊU CHUẨN THỜI TIẾT TỐI THIỂU CHO CÁT CÁNH VÀ HẠ CÁNH THEO VFR

- (a) Không ai được tiến vào vòng lượn cơ bản, hạ cánh và cất cánh tàu bay theo VFR từ sân bay nằm trong vùng trời hạng B, C, D hoặc hạng E, trừ khi:
 - (1) Trần mây theo báo cáo tối thiểu là 450 m (1500 feet); và
 - (2) Tầm nhìn trên mặt đất theo báo cáo tối thiểu là 5 km (3 dặm bộ), nếu được báo cáo.
- (b) Nếu tầm nhìn trên mặt đất không được báo cáo, người lái phải duy trì tầm nhìn 5 km (3 dặm bộ) trong khi bay.
- (c) Vùng trời hạng G. Không ai được tiến vào vòng lượn, hạ cánh và cất cánh tàu bay theo VFR từ sân bay nằm trong vùng trời hạng G ở độ cao dưới 360m (1.200ft) so với mặt đất (AGL), trừ khi:
 - (1) Đối với máy bay: Tầm nhìn tối thiểu là 1 dặm Anh và máy bay có thể được khai thác không có mây trong khoảng 1km (½ dặm) của đường CHC; hoặc
 - (2) Đối với trực thăng: Trực thăng có thể được khai thác không có mây ở tốc độ cho phép người lái nhìn thấy rõ bất kỳ tàu bay nào hoặc chướng ngại vật nào nhằm tránh va chạm một cách kịp thời.

Ghi chú: Trường hợp ngoại lệ duy nhất đối với tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu yêu cầu trong Chương này áp dụng khi khai thác bay đặc biệt theo VFR.

10.437 KHAI THÁC BAY THEO VFR ĐẶC BIỆT

- (a) Không ai được thực hiện vòng lượn, hạ cánh hoặc cất cánh theo VFR đặc biệt từ sân bay trong vùng trời hạng B, C, D hoặc E trừ khi:
 - (1) Được phép của huấn lệnh ATC;
 - (2) Tàu bay đang ở vị trí không có mây; và
 - (3) Tầm nhìn tối thiểu khi bay là 5 km.
- (b) Không ai được thực hiện khai thác bay theo VFR đặc biệt trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc, trừ khi:
 - (1) Người chỉ huy tàu bay được huấn luyện và có kinh nghiệm hiện tại đối với khai thác bay theo IFR; và
 - (2) Tàu bay có đủ tiêu chuẩn để được khai thác bay theo IFR.

10.440 CÁC GIỚI HẠN DẪN ĐƯỜNG BẰNG ĐỊA TIÊU KHI KHAI THÁC BAY THEO VFR

- (a) Không ai được khai thác bay theo VFR chỉ có dẫn đường bằng địa tiêu trừ khi cự ly giữa các địa tiêu nhỏ hơn 110 km (60 hải lý).

10.443 ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO VFR

- (a) Người khai thác tàu bay theo VFR khi bay bằng tại độ cao trên 900 m (3000 feet) so với mặt đất hoặc mặt nước phải duy trì:
- (1) Đối với vệt bay từ tính từ không độ đến 179 độ, bất kỳ số lẻ hàng nghìn nào của độ cao MSL hoặc mực bay cộng với 150 m (500 feet);
 - (2) Đối với vệt bay từ tính từ 180 độ đến 359 độ, bất kỳ số chẵn hàng nghìn nào của độ cao MSL hoặc mực bay cộng với 150 m (500 feet).
- Ghi chú: Bảng của ICAO về độ cao này được nêu trong Phụ lục 1 của Điều 10.443.*
- (b) Trường hợp ngoại lệ: Không áp dụng khoản (a) nói trên khi cơ quan cung cấp dịch vụ không lưu cho phép khác khi tiến vào vòng lượn, hoặc khi cơ động để tiến vào vòng lượn.

10.445 HUẤN LỆNH CỦA CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU (ATC) ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY THEO VFR

- (a) Người lái trên chuyến bay theo VFR phải nhận được và tuân thủ huấn lệnh của ATC và duy trì việc kiểm soát liên lạc không địa trước và trong khi khai thác:
- (1) Trong vùng trời hạng B, C và D;
 - (2) Tại các sân bay có kiểm soát;
 - (3) Theo VFR đặc biệt;
 - (4) Bay qua biên giới quốc tế; và
 - (5) Trên các tuyến đường bay khác theo yêu cầu của ATC hoặc của Cục HKVN.

10.447 CÁC CHUYẾN BAY THEO VFR YÊU CẦU PHẢI CÓ SỰ CHO PHÉP CỦA ATC

- (a) Trừ khi được Cục HKVN cho phép, không ai được khai thác bay theo VFR:
- (1) Trên mực bay FL200; hoặc
 - (2) Với tốc độ cận âm thanh và vượt âm thanh;
 - (3) Cách bờ biển trên 180 km trong vùng trời có kiểm soát.

10.450 KHÔNG CHO PHÉP BAY THEO VFR TRONG VÙNG TRỜI GIẢM PHÂN CÁCH CAO TỐI THIỂU (RVSM)

- (a) Không được cho phép khai thác bay theo VFR trên mực bay FL290 tại các khu vực nơi tiêu chuẩn phân cách cao tối thiểu là 300 m (1000 feet) được áp dụng trên mực bay FL290.

10.453 THỜI TIẾT TRỞ NÊN XẤU DƯỚI ĐIỀU KIỆN VMC

- (a) Người lái khai thác chuyến bay theo VFR có kiểm soát khi nhận thấy thực tế hoặc khả năng không thể duy trì chuyến bay trong điều kiện VMC phù hợp với kế hoạch bay ATC phải:
- (1) Yêu cầu thay đổi huấn lệnh để tàu bay có thể tiếp tục bay trong điều kiện VMC tới sân bay đến hoặc tới sân bay dự bị, hoặc rời khỏi vùng trời nơi yêu cầu phải có huấn lệnh ATC;
 - (2) Nếu không thể nhận được huấn lệnh, tiếp tục bay trong điều kiện VMC và

thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp về việc sẽ rời khỏi vùng trời liên quan hoặc hạ cánh xuống sân bay phù hợp gần nhất;

- (3) Nếu đang khai thác trong vùng kiểm soát thì phải yêu cầu cho phép bay như chuyển bay theo VFR đặc biệt; hoặc
- (4) Yêu cầu cho phép khai thác theo IFR nếu đã được cấp năng định khai thác theo IFR và năng định này còn hiệu lực.

10.455 THAY ĐỔI TỪ BAY THEO VFR SANG QUY TẮC IFR

- (a) Người lái khai thác theo VFR muốn chuyển sang bay theo IFR phải:
 - (1) Nếu đã nộp kế hoạch bay, phải đưa các thay đổi cần thiết sẽ thực hiện vào kế hoạch bay hiện hành; hoặc
 - (2) Nộp kế hoạch bay cơ sở ATC phù hợp và nhận huấn lệnh trước khi bay theo IFR trong vùng trời kiểm soát.

10.457 (được bãi bỏ)¹³⁰.

CHƯƠNG K: QUY TẮC BAY BẰNG THIẾT BỊ (IFR)

10.463 BAY THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI CÓ KIỂM SOÁT

- (a) Không ai được khai thác tàu bay theo IFR trong vùng trời có kiểm soát trừ khi người đó:
 - (1) Đã hoàn thành kế hoạch bay theo IFR;
 - (2) Đã nhận được huấn lệnh của ATC phù hợp;
 - (3) Duy trì liên tục liên lạc không – địa trên tần số ATS phù hợp.
- (b) ¹³¹Người có giấy phép nhân viên hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp phải tuân thủ các quy tắc này khi bay ngoài Việt Nam, trừ khi các quy tắc này khác với quy tắc của các quốc gia khác. Trong trường hợp như vậy phải tuân thủ quy tắc của quốc gia hoặc khu vực mà mình bay qua.

10.465 BAY THEO IFR NGOÀI VÙNG TRỜI CÓ KIỂM SOÁT

- (a) Người chỉ huy tàu bay trên chuyến bay theo IFR ngoài vùng trời có kiểm soát nhưng trong khu vực hoặc dọc theo các tuyến đường được cơ quan ATC phù hợp chỉ định phải:
 - (1) Hoàn thành kế hoạch bay;
 - (2) Duy trì liên tục liên lạc canh nghe không địa trên tần số của cơ quan ATS phù hợp và thiết lập liên lạc 2 chiều với cơ quan ATS cung cấp dịch vụ thông tin;
 - (3) Báo cáo về vị trí theo quy định đối với các chuyến bay có kiểm soát.
- (b) Người chỉ huy tàu bay trên chuyến bay theo IFR ngoài vùng trời kiểm soát nơi yêu cầu phải tuân thủ với khoản (a) nói trên phải báo cáo vị trí và sử dụng các

¹³⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 85 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 86 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

thuật ngữ, các thứ tự như quy định đối với các chuyên bay có kiểm soát.

10.467 TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU CHO CÁT CÁNH THEO IFR TRONG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- (a) Người lái tàu bay không được chấp nhận huấn lệnh cất cánh theo IFR từ sân bay dân dụng, trừ khi điều kiện thời tiết bằng hoặc cao hơn 400 m RVR.
- (b) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại. Người lái không được cất cánh máy bay khi tầm nhìn thấp hơn 150 m RVR đối với máy bay CAT A, B và C hoặc 200m RVR đối với máy bay CAT D trừ khi được Cục HKVN phê chuẩn.
- (c) Trước khi thực hiện cất cánh trong điều kiện thời tiết thấp hơn điều kiện nêu trên, người lái phải được huấn luyện đầy đủ về cất cánh trong tầm nhìn hạn chế như phê chuẩn của Cục HKVN.

10.469 TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU BAY BẰNG THIẾT BỊ ĐỐI VỚI HÀNG KHÔNG CHUNG¹³²

a. Không được thực hiện chuyên bay theo quy tắc bay bằng thiết bị khi:

1. Cất cánh từ sân bay mà tại thời điểm cất cánh, điều kiện thời tiết tại đó thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu của sân bay;

2. Cất cánh hoặc tiếp tục bay qua điểm trên đường bay theo kế hoạch bay được lập lại khi báo cáo thời tiết hoặc báo cáo tích hợp bao gồm các báo cáo thời tiết hiện tại và dự báo thời tiết cho thấy điều kiện thời tiết trước hoặc sau 1 giờ so với thời gian dự định đến sẽ thấp hơn tiêu chuẩn khai thác sân bay tại sân bay dự định hạ cánh hoặc tại sân bay dự bị được lựa chọn tuân thủ các quy định của Điều 10.245 và 10.247.

10.470 ĐỘ CAO BAY BẰNG THEO IFR HOẶC MỤC BAY TRONG VÙNG TRỜI KIỂM SOÁT¹³³

a. Người khai thác tàu bay theo IFR ở mục bay bằng trong vùng trời kiểm soát phải duy trì độ cao hoặc mục bay do:

- (1) ATC đã ấn định cho tàu bay đó;
- (2) Quy định của đơn vị quản lý ATS trong AIP.

b. Trong các trường hợp liên quan đến việc lựa chọn mục bay bằng theo IFR thì phải sử dụng bảng dữ liệu quy định tại Phụ lục 1 Điều 10.332.

10.473 ĐỘ CAO BAY BẰNG HOẶC MỤC BAY THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI KHÔNG KIỂM SOÁT¹³⁴

a. Trừ khi có quy định khác từ đơn vị ATS hoặc như quy định tại khoản b, c Điều này người khai thác tàu bay ở mục bay bằng theo IMC tại độ cao từ 900 m (3000ft) tới mục bay FL290 đối với mặt đất hoặc mặt biển, phải duy trì:

¹³² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 24 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹³³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 87 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹³⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 88 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

1. Hướng từ 0 độ tới 179 độ, mực bay lẻ;
 2. Hướng từ 180 độ tới 359 độ, mực bay chẵn.
- b. Lựa chọn độ cao bay bằng theo IFR phải phù hợp với bảng số liệu quy định tại Phụ lục 1 Điều 10.332.
- c. Người lái chỉ được bay tại độ cao khác với độ cao bay bằng quy định tại khoản a nói trên khi:
- i. Được ATC cho phép;
 - ii. Bay trong vòng chờ;
 - iii. Bay vòng; hoặc
 - iv. Khai thác theo huấn lệnh lấy độ cao bay bằng của ATC.

10.475 ĐỘ CAO TỐI THIỂU ĐỐI VỚI KHAI THÁC THEO IFR

- (a) Khai thác tàu bay tại độ cao tối thiểu: Trừ khi cất cánh và hạ cánh, không ai được khai thác tàu bay theo IFR:
- (1) Dưới độ cao tối thiểu áp dụng theo quy định của các nhà chức trách có quyền hạn đối với vùng trời mà mình bay qua; hoặc
 - (2) Nếu các nhà chức trách nói trên không quy định độ cao tối thiểu áp dụng:
 - (i) Trên địa hình cao hoặc khu vực rừng núi có độ cao tối thiểu là 900 m (3000 feet) so với chướng ngại vật cao nhất nằm trong vòng 8 km (5 dặm bộ) so với vị trí dự định của tàu bay; và
 - (ii) Ở bất kỳ nơi nào trừ quy định tại khoản (a), có độ cao tối thiểu là 600 m (2000 feet) so với chướng ngại vật cao nhất nằm trong vòng 8 km (5 dặm bộ) so với vị trí dự định của tàu bay.
 - (iii) ¹³⁵Vị trí dự kiến của tàu bay phải được xác định đối với từng chặng bay (có tính toán sai số dẫn đường và xem xét tình trạng của trang thiết bị dẫn đường mặt đất hoặc trên tàu bay).
 - (3) Nếu độ cao bay tối thiểu theo IFR trên đường bay (MEA) và độ cao vượt chướng ngại vật tối thiểu (MOCA) được quy định đối với một tuyến đường bay hoặc một phần tuyến đường bay cụ thể, người lái có thể khai thác tàu bay dưới độ cao MEA xuống tới, nhưng không được thấp hơn MOCA trong phạm vi 42 km (22 nm) so với dải VOR liên quan.
- (b) Lấy độ cao vượt chướng ngại vật:
- (1) Nếu không thể liên lạc được với cơ quan ATC, người lái phải lấy độ cao lớn hơn độ cao IFR tối thiểu ngay lập tức sau khi vượt qua điểm áp dụng độ cao tối thiểu đó;
 - (2) Nếu chướng ngại vật là các công trình trên mặt đất, người lái phải lấy độ cao đến điểm mà từ sau điểm này áp dụng độ cao tối thiểu lớn hơn, bằng hoặc cao hơn MCA áp dụng.

10.477 ĐỘ CAO TỐI THIỂU ĐỂ SỬ DỤNG TỰ ĐỘNG LÁI

- (a) Khi trên đường bay, không ai được sử dụng tự động lái tại độ cao trên địa hình:

¹³⁵ Tiết này được bổ sung theo quy định tại Mục 89 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Thấp hơn 150 m (500 feet): hoặc
 - (2) Nếu con số mất độ cao tối đa quy định trong AFM do hỏng hóc trong điều kiện bay bằng khi nhân đôi cho kết quả nhiều hơn 150 m (500 feet), kết quả này sẽ là độ cao kiểm soát tối thiểu để sử dụng tự động lái.
- (b) Đối với tiếp cận bằng thiết bị, không ai được sử dụng tự động lái tại độ cao trên địa hình:
- (1) Trên 15 m (50 feet) dưới độ cao MDA hoặc DH; hoặc
 - (2) Nếu con số mất độ cao tối đa quy định trong AFM do hỏng hóc trong điều kiện tiếp cận khi nhân đôi cho kết quả nhiều hơn 15 m (50 feet), phạm vi con số này có thể vượt quá 15 m (50 feet) sẽ được bổ sung vào độ cao tối thiểu nói tại điểm (1), khoản (b) của Điều này và trở thành độ cao kiểm soát tối thiểu để sử dụng tự động lái.
- (c) Không ai được sử dụng tự động lái để tiếp cận chạm bánh và xả đà trừ khi được Cục HKVN cho phép.

10.480 KHAI THÁC THEO IFR TRONG VÙNG TRỜI KIỂM SOÁT: BÁO CÁO HỎNG HÓC

- (a) Người chỉ huy tàu bay khai thác theo IFR trong vùng trời kiểm soát phải báo cáo càng nhanh càng tốt cho cơ quan ATC về bất cứ hỏng hóc nào của thiết bị dẫn đường, tiếp cận, hoặc thiết bị liên lạc xảy ra trong khi bay.
- (b) Trong báo cáo nói tại khoản (a) trên đây phải có các nội dung:
- (1) Nhận dạng tàu bay;
 - (2) Thiết bị hỏng hóc;
 - (3) Mức độ giảm sút năng lực khai thác theo IFR trong hệ thống ATC; và
 - (4) Loại và phạm vi yêu cầu cơ quan ATC trợ giúp.

10.483 TIẾP TỤC CHUYỂN BAY THEO IFR TỚI SÂN BAY ĐẾN

- (a) Không người lái nào được tiếp tục chuyển bay theo IFR về sân bay hạ cánh dự định, trừ khi thông tin khí tượng mới nhất cho thấy điều kiện tại sân bay đến, hoặc tại ít nhất một sân bay dự bị đến, tại thời điểm dự định đến, bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu quy định đối với tiếp cận bằng thiết bị.

10.485 TIẾP CẬN BẰNG THIẾT BỊ XUỐNG SÂN BAY

- (a) Người lái khai thác tàu bay dân dụng phải sử dụng phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn theo quy định của quốc gia nơi có sân bay, trừ khi nhà chức trách có quy định khác.
- (b) Không ai được thực hiện tiếp cận bằng thiết bị tại 1 sân bay nếu không tuân thủ tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu đối với IFR và các phương thức tiếp cận bằng thiết bị đã công bố.
- (c) Quy định về độ cao quyết định (DH) hoặc độ cao giảm thấp tối thiểu (MDA). Với mục đích của Điều này, khi phương thức tiếp cận đang sử dụng đòi hỏi phải sử dụng độ cao DH hoặc MDA, độ cao DH hoặc MDA được cho phép phải là độ cao lớn nhất trong các độ cao sau đây:
- (1) Độ cao DH hoặc MDA quy định cho phương thức tiếp cận;

- (2) Độ cao DH hoặc MDA quy định đối với người chỉ huy tàu bay;
- (3) Độ cao DH hoặc MDA mà tàu bay được trang bị.

10.487 TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU VỀ TẦM NHÌN TRÊN ĐƯỜNG CHC

- (a) Không ai được thực hiện các loại hình cất cánh và hạ cánh sau đây tại một sân bay trừ khi có đầy đủ các thông tin về tầm nhìn trên đường CHC (RVR) khi hạ cánh và xả đà của sân bay đó:
 - (1) Cất cánh, tiếp cận và hạ cánh với tầm nhìn được báo cáo nhỏ hơn 800 m (2400 feet) hoặc 550 m RVR; và
 - (2) Tiếp cận CATII và CATIII.
- (b) Khi sử dụng RVR, RVR kiểm soát là RVR chạm bánh, trừ khi Cục HKVN quy định khác.

Ghi chú: RVR kiểm soát là các giá trị được báo cáo của một hoặc nhiều vị trí báo cáo RVR (điểm chạm bánh, điểm giữa và điểm dừng) sử dụng để xác định sự tuân thủ với các tiêu chuẩn khai thác tối thiểu.

- (c) ¹³⁶Đối với tàu bay trực thăng, Cục Hàng không Việt Nam có thể phê chuẩn phương thức thay thế để tăng độ chính xác trong việc xác định hoặc theo dõi tầm nhìn.

10.490 YÊU CẦU PHÊ CHUẨN: KHAI THÁC CAT II HOẶC CAT III

- (a) Không ai được khai thác tàu bay dân dụng đăng ký quốc tịch Việt Nam dưới AOC của Việt Nam với các tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận bằng thiết bị CAT II, CAT III khi không được Cục HKVN phê chuẩn bằng văn bản.

10.493 TIẾP TỤC TIẾP CẬN BẰNG THIẾT BỊ¹³⁷

a. Người lái được phép tiếp tục bay thấp hơn độ cao 300m (1000 ft) tính từ mức cao sân bay hoặc thực hiện tiếp cận chót khi tầm nhìn được thông báo hoặc xác định được RVR bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn khai thác tối thiểu của sân bay đã công bố theo phương thức tiếp cận đó.

b. Nếu sau khi bắt đầu giai đoạn tiếp cận chót hoặc sau khi hạ độ cao thấp hơn 300m (1000 ft) tính từ mức cao của sân bay, tầm nhìn được thông báo hoặc xác định được RVR thấp hơn tiêu chuẩn khai thác tối thiểu sân bay, người lái có thể tiếp tục thực hiện tiếp cận tới DA/H hoặc MDA/H.

c. Người lái không được tiếp tục tiếp cận để hạ cánh tại sân bay vào thời điểm mà tiêu chuẩn khai thác tối thiểu thấp hơn giới hạn cho phép.

10.495 KHAI THÁC BAY DƯỚI ĐỘ CAO DH HOẶC MDA

- (a) Nơi áp dụng độ cao DH hoặc MDA, không người lái nào được khai thác tàu bay dân dụng tại bất cứ sân bay nào dưới độ cao MDA cho phép, hoặc tiếp tục tiếp

¹³⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 90 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹³⁷ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 25 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Nội dung Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 91 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

cận xuống dưới độ cao DH cho phép, trừ khi:

- (1) Tàu bay liên tục ở vị trí nơi có thể thực hiện giảm thấp để hạ cánh xuống đường cất hạ cánh dự định với tỷ lệ giảm thấp thông thường và sử dụng các thao tác thông thường;
- (2) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, tỷ lệ giảm thấp cho phép thực hiện chạm bánh trong khu vực chạm bánh trên đường cất hạ cánh dự định hạ cánh;
- (3) Tầm nhìn khi bay không thấp hơn tầm nhìn quy định đối với tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn sử dụng; và
- (4) Người lái phải nhìn thấy và nhận dạng được một cách rõ ràng tối thiểu một trong các vật chuẩn nhìn thấy bằng mắt sau đây:
 - (i) Hệ thống đèn tiếp cận, trừ khi người lái không thể giảm thấp xuống dưới 30 m (100 feet) so với độ cao của khu vực chạm bánh, sử dụng đèn tiếp cận làm vật chuẩn, trừ khi vạch kẻ giới hạn màu đỏ hoặc vạch kẻ màu đỏ ở mép được người lái nhìn thấy và nhận dạng một cách rõ ràng;
 - (ii) Ngưỡng đường cất hạ cánh;
 - (iii) Dấu hiệu ngưỡng đường cất hạ cánh ;
 - (iv) Đèn ngưỡng đường cất hạ cánh;
 - (v) Đèn nhận dạng cuối đường cất hạ cánh;
 - (vi) Thiết bị chỉ độ dốc tiếp cận bằng mắt;
 - (vii) Khu vực chạm bánh và dấu hiệu khu vực chạm bánh;
 - (viii) Đèn khu vực chạm bánh;
 - (ix) Đường cất hạ cánh hoặc dấu hiệu của đường cất hạ cánh; hoặc
 - (x) Đèn đường cất hạ cánh.

Ghi chú: Các vật chuẩn nhìn thấy bằng mắt nói trên không áp dụng đối với khai thác CAT II và CAT III. Các vật chuẩn nhìn thấy bằng mắt yêu cầu cho khai thác CATII/III được quy định trong năng định khai thác của người có AOC hoặc trong phê chuẩn đặc biệt theo quy định của Cục HKVN.

10.497 HẠ CÁNH TRONG ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG BAY BẰNG THIẾT BỊ (IMC)

- (a) Không người lái nào khai thác tàu bay dân dụng được tiếp tục thực hiện tiếp cận hạ cánh khi tầm nhìn trong khi bay nhỏ hơn tầm nhìn quy định đối với phương thức tiếp cận bằng thiết bị tiêu chuẩn sử dụng.
- (b) ¹³⁸Người lái được phép tiếp tục tiếp cận chính xác để hạ cánh theo các quy trình khai thác khi tàu bay thực hiện chuyến bay nằm trong mức an toàn với cấu hình và trạng thái hạ cánh.

¹³⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 92 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

10.500 THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN HỤT

- (a) Người lái khai thác tàu bay dân dụng phải ngay lập tức thực hiện phương thức tiếp cận hụT phù hợp trong các trường hợp sau đây:
- (1) Bất kỳ khi nào các tiêu chí về vật chuẩn nhìn thấy bằng mắt theo yêu cầu không được đáp ứng trong các hoàn cảnh:
 - (i) Khi tàu bay đang khai thác dưới độ cao MDA; hoặc
 - (ii) Khi đến điểm tiếp cận hụT, bao gồm cả độ cao DH khi độ cao này được xác định và yêu cầu phải sử dụng, và bất kỳ thời điểm nào sau đó cho đến khi chạm bánh.
 - (2) Bất kỳ lúc nào khi người lái không nhìn thấy một cách rõ ràng một phần xác định của sân bay trong khi bay vòng tại hoặc trên độ cao MDA, trừ khi việc không nhìn thấy này là do tàu bay bay nghiêng bình thường khi vòng tiếp cận.

10.503 CHUYỂN TỪ BAY THEO IFR SANG BAY THEO VFR

- (a) Người lái khi quyết định chuyển từ bay theo IFR sang quy tắc VFR phải thông báo cho cơ quan ATC phù hợp biết về việc hủy bỏ chuyển bay theo IFR, sau đó phải thực hiện các sửa đổi trong kế hoạch bay hiện hành.
- (b) Người lái đang khai thác theo IFR gặp phải điều kiện VMC có thể hủy bỏ kế hoạch bay theo IFR nếu điều kiện VMC đã được dự đoán trước và được sự đồng ý của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp, và dự định chuyển bay sẽ được tiếp tục trong điều kiện VMC liên tục trong khoảng thời gian hợp lý.

10.505 (được bãi bỏ)¹³⁹.

¹³⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 93 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.023: CÁC THIẾT BỊ VÀ ĐỒNG HỒ KHÔNG HOẠT ĐỘNG

- (a) Các quy định của Phần này cho phép khai thác bay với một số đồng hồ và thiết bị trên tàu bay không hoạt động trong các trường hợp không có danh mục thiết bị tối thiểu gốc (MMEL) và không yêu cầu phải có danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) đối với loại hình khai thác cụ thể quy định trong Phần này.
- (b) Không được phép khai thác bay khi một số đồng hồ và thiết bị sau đây không hoạt động:
- (1) Một phần trong các thiết bị và đồng hồ cho khai thác ban ngày theo VFR quy định trong Phần 6;
 - (2) Thiết bị yêu cầu trong danh mục thiết bị tàu bay hoặc danh mục thiết bị khai thác đối với loại hình khai thác bay thực hiện;
 - (3) Các thiết bị yêu cầu được quy định tại Phần 6 đối với loại hình khai thác cụ thể thực hiện; hoặc
 - (4) Các thiết bị phải luôn hoạt động theo quy định của thông báo kỹ thuật bắt buộc.
- (c) Để được áp dụng theo quy định này, các thiết bị và đồng hồ không hoạt động phải:
- (1) Được người chỉ huy tàu bay xác định là không gây mất an toàn trong khai thác;
 - (2) Ở trạng thái không tự hoạt động trở lại được và được đánh dấu “Không hoạt động”; và
Ghi chú: Nếu việc làm cho thiết bị không hoạt động không thể tự hoạt động trở lại có liên quan đến bảo dưỡng thì phải thực hiện công việc này và ghi chép theo quy định trong Phần 4.
 - (3) Tháo khỏi tàu bay, dán tín hiệu vào vị trí tương ứng trên buồng lái, ghi vào nhật ký kỹ thuật phù hợp với Phần 4.
- (d) Các đồng hồ và thiết bị sau đây không được đưa vào MEL:
- (1) Các thiết bị và đồng hồ quy định trong các yêu cầu cấp chứng nhận tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, các thiết bị và đồng hồ thiết yếu đảm bảo khai thác an toàn trong mọi điều kiện khai thác;
 - (2) Các thiết bị và đồng hồ yêu cầu phải luôn trong điều kiện hoạt động tốt theo quy định của thông báo kỹ thuật bắt buộc, trừ khi thông báo kỹ thuật bắt buộc có quy định khác;
 - (3) Các thiết bị và đồng hồ yêu cầu đối với loại hình khai thác cụ thể.
Ghi chú: Các thiết bị và đồng hồ yêu cầu đối với loại hình khai thác cụ thể được nêu trong Phần 6.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.030: NỘI DUNG NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH¹⁴⁰

a. Người khai thác tàu bay phải ghi nhật ký hành trình cho từng tàu bay khi thực hiện chuyến bay với những thông tin sau:

1. Số hiệu đăng ký, quốc tịch tàu bay;
2. Ngày tháng;
3. Thông tin tổ bay, nhiệm vụ được giao;
4. Địa điểm khởi hành, kết thúc và thời gian bay;
5. Mục đích chuyến bay;
6. Tham số chuyến bay;
7. Ký xác nhận của người chỉ huy tàu bay.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.045: HUẤN LUYỆN ACAS¹⁴¹

a. Việc huấn luyện đủ năng lực sử dụng thiết bị ACAS II phải bao gồm:

1. Có nội dung chuyển loại tàu bay có trang bị hệ thống ACAS II và việc khai thác, sử dụng ACAS II phải được nêu trong Chương trình huấn luyện chuyển loại;
2. Có tài liệu huấn luyện và sử dụng thiết bị ACAS II được phê chuẩn bởi tổ chức có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 1 CỦA MỤC 10.075: GHI NHẬN THỜI GIAN BAY¹⁴²

a. Ghi thời gian bay đơn: ngoại trừ trường hợp học viên bay thực hiện nhiệm vụ chỉ huy tàu bay đối với tàu bay có nhiều hơn 01 thành viên tổ lái, người lái tàu bay phải ghi thời gian bay đối với chuyến bay khi thực hiện nhiệm vụ người lái duy nhất.

b. Ghi thời gian bay với chức năng PIC:

1. Người lái không chuyên hoặc người lái thương mại chỉ được ghi thời gian bay là PIC khi trong suốt thời gian bay này người lái đó là một trong các đối tượng sau:

- i. Là người duy nhất điều khiển tàu bay mà mình khai thác;
- ii. Thực hiện chức năng PIC trên tàu bay mà trong Giấy chứng nhận loại của tàu bay đó hoặc chuyến bay yêu cầu phải có nhiều hơn 1 người lái;
- iii. Thực hiện nhiệm vụ của PIC dưới sự giám sát của người lái kiểm tra được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền;
- iv. Là người lái duy nhất trên tàu bay.

2. Người lái tàu bay vận tải thương mại có đủ tiêu chuẩn có thể ghi tất cả thời gian bay thực hiện chức năng PIC trong khai thác đòi hỏi phải có giấy phép người lái vận tải hàng không là thời gian PIC.

3. Giáo viên hướng dẫn được ủy quyền có thể ghi tất cả thời gian bay thực hiện chức năng giáo viên hướng dẫn là thời gian PIC.

4. Học viên bay có thể ghi thời gian bay là thời gian PIC khi người đó:

- i. Là người lái duy nhất trên tàu bay hoặc là người thực hiện các chức năng của PIC trên khí cầu đòi hỏi phải có nhiều hơn một thành viên tổ lái;

¹⁴⁰ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 94 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁴¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 95 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁴² Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 96 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

ii. Được xác nhận đang bay đơn;
iii. Đang được huấn luyện để cấp giấy phép lái tàu bay hoặc nâng định.

c. Ghi thời gian bay với chức năng lái phụ: người lái chỉ được ghi thời gian bay là thời gian lái phụ khi trong suốt thời gian đó người lái:

1. Được phê chuẩn tuân thủ yêu cầu Phần này cho chức năng lái phụ thực hiện chức năng lái chính trên tàu bay yêu cầu có lái phụ hoặc yêu cầu khai thác tàu bay một người lái, nhưng loại hình khai thác yêu cầu có lái phụ.

2. Có năng định kiểu, loại, sử dụng thiết bị với tàu bay khai thác yêu cầu lái phụ.

3. Tham gia loại hình khai thác với tổ lái nhiều thành viên theo quy định.

d. Ghi thời gian bay bằng thiết bị:

1. Người lái phải ghi thời gian bay bằng thiết bị đối với chuyến bay chỉ có 01 người lái sử dụng thiết bị trên tàu bay thực tế hoặc buồng lái mô phỏng;

2. Giáo viên bay được ghi thời gian bay bằng thiết bị khi thực hiện hướng dẫn bay bằng thiết bị trong điều kiện bay thực tế;

3. Việc ghi thời gian bay bằng thiết bị phải có những thông tin sau trong nhật ký bay:

i. Vị trí, kiểu loại của thiết bị tiếp cận;

ii. Tên của giáo viên an toàn bay khi yêu cầu.

4. Thời gian huấn luyện bay bằng thiết bị trên buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn được tính là thời gian bay bằng thiết bị với điều kiện giáo viên bay phải có mặt trong suốt chuyến bay mô phỏng.

e. Ghi thời gian bay hướng dẫn:

1. Cá nhân phải ghi thời gian bay hướng dẫn khi người đó được hướng dẫn trên tàu bay, buồng lái mô phỏng, thiết bị bay huấn luyện bởi giáo viên có chứng chỉ;

2. Thời gian bay hướng dẫn phải được ghi trong nhật ký bay được xác nhận bởi giáo viên hướng dẫn được phê chuẩn và có thông tin về chương trình huấn luyện, thời gian huấn luyện, chữ ký của giáo viên hướng dẫn, số chứng chỉ, thời gian hiệu lực của chứng chỉ.

PHỤ LỤC 2 CỦA MỤC 10.075: GHI THỜI GIAN BAY TÍCH LŨY¹⁴³

a. Học viên bay hoặc người có chứng chỉ người lái tàu bay phải được phân quyền ghi các thời gian: bay đơn, huấn luyện kép, chỉ huy tàu bay và được tính vào tổng thời gian bay yêu cầu cho việc cấp chứng chỉ ban đầu hoặc nâng hạng Giấy phép người lái tàu bay.

b. Người có Giấy phép người lái tàu bay khi thực hiện công việc của lái phụ với tàu bay được quy định cho loại hình khai thác bay đơn nhưng khai thác có lái phụ theo quy định phải được cấp quyền ghi lại không quá 50% thời gian bay ở vị trí lái phụ và được tính vào tổng thời gian bay yêu cầu để nâng hạng Giấy phép người lái tàu bay.

c. Người có Giấy phép người lái tàu bay có thể tính thời gian bay nêu tại khoản b vào tổng thời gian bay nếu tàu bay được trang bị để khai thác với một lái phụ hoặc tổ lái nhiều người.

d. Người có Giấy phép người lái thực hiện công việc của lái phụ trên tàu bay có yêu cầu lái phụ được phép ghi lại thời gian bay và được tính vào tổng thời gian bay yêu

¹⁴³ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 97 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

cầu cho việc nâng hạng Giấy phép người lái tàu bay.

e. Người có Giấy phép người lái tàu bay khi thực hiện nhiệm vụ người chỉ huy tàu bay có giám sát được phép ghi đầy đủ thời gian bay và được tính vào tổng thời gian bay yêu cầu cho việc nâng hạng Giấy phép người lái tàu bay.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.105: HỒ SƠ GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY

- (a) Giáo viên hướng dẫn bay chính phải tuân thủ các yêu cầu sau đây về lưu giữ tài liệu:
- (1) Ký số tay của từng người mà giáo viên hướng dẫn đó đã thực hiện huấn luyện bay hoặc huấn luyện trên mặt đất;
 - (2) Duy trì việc ghi chép trong sổ tay hoặc trong tài liệu riêng rẽ các nội dung sau:
 - (i) Họ tên từng người đã được giáo viên hướng dẫn đó xác nhận quyền bay đơn trong nhật ký người lái hoặc trong giấy phép của học viên bay; và
 - (ii) Họ tên từng người đã được giáo viên hướng dẫn đó xác nhận đối với kiểm tra lý thuyết hoặc kiểm tra thực hành, hình thức kiểm tra, ngày tháng kiểm tra và kết quả kiểm tra; và
 - (3) Lưu giữ các hồ sơ quy định tại Điều này tối thiểu 3 năm.

PHỤ LỤC 2 CỦA ĐIỀU 10.105: CÁC GIỚI HẠN VÀ TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY

- (a) Người có Giấy chứng nhận giáo viên hướng dẫn bay phải tuân thủ các giới hạn và tiêu chuẩn sau đây:
- (1) Số giờ huấn luyện: Giáo viên hướng dẫn bay không được thực hiện nhiều hơn 8 giờ (đề nghị không giới hạn thời gian) huấn luyện bay trong khoảng thời gian 24 giờ liên tục.
 - (2) Các năng định yêu cầu: Giáo viên hướng dẫn bay không được thực hiện huấn luyện bay trên tàu bay nếu không đáp ứng các yêu cầu sau đây đối với tàu bay đó:
 - (i) Có giấy phép lái tàu bay và Giấy chứng nhận giáo viên hướng dẫn bay với năng định hạng và năng định loại; và
 - (ii) Đối với huấn luyện bay bằng thiết bị hoặc huấn luyện để cấp năng định loại không giới hạn ở VFR, phải có năng định bay bằng thiết bị phù hợp trong Giấy chứng nhận giáo viên hướng dẫn bay và trong giấy phép lái tàu bay.
- (b) Các giới hạn xác nhận: Giáo viên hướng dẫn bay không được xác nhận:
- (1) Quyền bay đơn trong giấy phép của học viên bay hoặc trong sổ tay người lái, trừ khi giáo viên hướng dẫn bay đó đã:
 - (i) Thực hiện huấn luyện bay yêu cầu đối với bay đơn cho học viên đó theo quy định tại Chương này;
 - (ii) Xác định rõ học viên bay đó đã được chuẩn bị để thực hiện chuyến bay an toàn trong điều kiện đã biết trong phạm vi các giới hạn nêu trong sổ tay học viên mà giáo viên hướng dẫn thấy cần thiết để đảm bảo an toàn cho chuyến bay;
 - (iii) Huấn luyện cho học viên đó trên loại và kiểu tàu bay hoặc loại và kiểu tàu bay tương đương mà học viên sẽ thực hiện bay đơn; và
 - (iv) Xác nhận trong sổ tay học viên về các loại và kiểu tàu bay cụ thể mà học viên sẽ thực hiện bay đơn.
 - (2) Trong giấy phép học viên bay hoặc sổ tay học viên để học viên được thực hiện bay đơn huấn luyện đường dài, trừ khi giáo viên hướng dẫn bay đó đã xác định được:
 - (i) Việc chuẩn bị bay của học viên, kế hoạch bay, các thiết bị và các phương thức dự kiến đã đầy đủ cho chuyến bay dự định trong điều kiện hiện hành và trong phạm vi các giới hạn nêu trong sổ tay học viên mà giáo viên hướng dẫn thấy cần thiết để đảm bảo an toàn cho chuyến bay; và
 - (ii) Học viên đã được xác nhận phù hợp đối với loại và kiểu tàu bay mà mình sẽ thực hiện bay đơn huấn luyện đường dài .
 - (3) Trong giấy phép học viên bay hoặc sổ tay học viên để học viên bay đơn trong khu vực vùng trời hạng B hoặc tại sân bay trong vùng trời hạng B trừ khi giáo viên hướng dẫn bay đó đã:

- (i) Huấn luyện bay và huấn luyện trên mặt đất cho họ viên đó trong vùng trời hạng B hoặc tại sân bay đã nêu; và
 - (ii) Xác định rằng học viên bay có đủ khả năng kỹ năng để khai thác tàu bay an toàn.
- (4) Nhật ký người lái về xem xét đánh giá chuyên bay, trừ khi giáo viên đó đã thực hiện nhận xét chung đối với người lái phù hợp với các yêu cầu; hoặc
- (5) Nhật ký người lái về kiểm tra khả năng bay bằng thiết bị, trừ khi giáo viên đó đã thực hiện kiểm tra đối với người lái phù hợp với các yêu cầu.
- (c) Huấn luyện trên máy bay hoặc trực thăng nhiều động cơ: Giáo viên hướng dẫn bay không được thực hiện huấn luyện theo yêu cầu để cấp giấy phép hoặc năng định trên máy bay hoặc trực thăng nhiều động cơ, trừ khi giáo viên đó có tối thiểu 5 giờ bay với chức năng PIC trên loại, kiểu máy bay hoặc trực thăng nhiều động cơ cụ thể.
- (d) Giáo viên hướng dẫn bay lần đầu: Các tiêu chuẩn của giáo viên hướng dẫn bay thực hiện chức năng huấn luyện bay lần đầu.
- (1) Không giáo viên hướng dẫn bay nào được thực hiện hướng dẫn cho người lái chưa phải là giáo viên hướng dẫn bay trừ khi giáo viên hướng dẫn bay đó:
 - (i) Có Giấy chứng nhận giáo viên hướng dẫn bay hoặc hướng dẫn trên mặt đất hiện hành với năng định phù hợp, và đã có giấy phép này tối thiểu 24 tháng, và đã thực hiện tối thiểu 40 giờ huấn luyện trên mặt đất; hoặc
 - (ii) Đáp ứng các yêu cầu thích hợp theo quy định;
 - (iii) Đối với huấn luyện các nội dung chuẩn bị cho máy bay, trực thăng, đã thực hiện huấn luyện tối thiểu 200 giờ bay với chức năng giáo viên hướng dẫn bay; và
 - (iv) Đối với huấn luyện chuẩn bị cho năng định tàu lượn, đã thực hiện huấn luyện tối thiểu 80 giờ bay với chức năng giáo viên hướng dẫn bay.
- (e) Cẩm tú xác nhận: Giáo viên hướng dẫn bay không được tự xác nhận đối với giấy phép, năng định, xem xét đánh giá chuyên bay, ủy quyền, quyền hạn khai thác, kiểm tra thực hành hoặc kiểm tra kiến thức lý thuyết yêu cầu trong Phần này.
- (f) Hướng dẫn khai thác CAT II và CAT III: Giáo viên hướng dẫn bay không được thực hiện huấn luyện khai thác CAT II và CAT III, trừ khi đã được huấn luyện và kiểm tra về khai thác CAT II và CAT III.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.115: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN TỔ BAY

- (a) Người khai thác tàu bay có trách nhiệm lập danh sách thành viên tổ bay bao gồm đối tượng là thành viên tổ lái và tiếp viên hàng không để trình Cục HKVN xem xét và cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay trong quá trình làm nhiệm vụ.
- (b) Đối với thành viên tổ lái, là đối tượng được Cục HKVN cấp giấy phép người lái tàu bay, thì Cục HKVN sẽ đối chiếu với hồ sơ của người lái tàu bay được lưu giữ tại Cục HKVN để cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay.
- (c) Đối với tiếp viên hàng không, Người khai thác lập danh sách và kết quả huấn luyện, kiểm tra trình độ đáp ứng các yêu cầu về an toàn hàng không đối với tiếp viên hàng không làm căn cứ để Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay.
- (d) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay bao gồm:
 - (1) Công văn đề nghị của Người khai thác tàu bay kèm theo danh sách các đối tượng đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay;
 - (2) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay (có dán ảnh) (có mẫu kèm theo);
 - (3) 02 ảnh 3x4.
- (e) Trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ bao gồm danh sách tổ bay và các tài liệu kèm theo, Cục HKVN sẽ xem xét và thông báo về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.
- (f) ¹⁴⁴Trong vòng 4 ngày làm việc, kể từ khi hồ sơ được xác định là hợp lệ, Cục HKVN sẽ hoàn tất thủ tục để cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay cho các đối tượng đáp ứng yêu cầu.
- (g) Giấy chứng nhận thành viên tổ bay có giá trị hiệu lực 36 tháng kể từ ngày cấp. Khi hết hạn hiệu lực Người khai thác tàu bay phải thực hiện việc cấp lại theo trình tự thủ tục như cấp lần đầu.

¹⁴⁴ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

Mẫu TK/CMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
mới chụp,
mặt nhìn thẳng,
đầu để trần,
phông nền trắng,
cỡ 4x6cm

TỜ KHAI

(Dùng cho thành viên tổ bay đề nghị cấp,
cấp lại thẻ thành viên tổ bay)

1. Họ và tên (*chữ in hoa*)..... 2. Nam

Nữ

3. Sinh ngày.....tháng.....năm..... Nơi sinh (*tỉnh, TP*).....

--	--	--	--	--	--	--

4. Giấy phép chuyên môn số:

5. Ngày cấp...../...../.....

6. Hạn đến...../...../.....

7. Số điện

thoại.....

8. Nghề

nghiệp.....

9. Đơn vị công tác.....

10. Tên và địa chỉ cơ quan (*nếu*

có).....

11. Thẻ CMC được cấp lần gần nhất (*nếu có*) số.....cấp ngày..... /..... /.....

12. Nội dung đề

nghị.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trên.

Xác nhận

của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản
năm

Làm tại..... ngày..... tháng.....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

.....
.....
.....

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.120 SỬ DỤNG CÁC CHẤT CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHÂN THỨC VÀ HÀNH VI

- (a) Khi một người bị nghi ngờ trên cơ sở hợp lý rằng không tuân thủ quy định tại Điều 10.120 và khi Cục HKVN yêu cầu, người đó phải cung cấp cho Cục HKVN hoặc phải cho phép bất cứ cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ, hoặc người khác cung cấp cho Cục HKVN kết quả kiểm tra lượng cồn hoặc chất có ảnh hưởng đến tinh thần trong máu 8 giờ trước hoặc ngay sau thực hiện hoặc dự định thực hiện chức năng thành viên tổ bay.
- (b) Bất kỳ thông tin nào về kết quả kiểm tra được cung cấp cho Cục HKVN theo quy định tại Điều này cũng có thể sử dụng làm bằng chứng cho các hoạt động pháp luật tiếp theo.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.125: THÀNH VIÊN TỔ LÁI TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC

- (a) Thành viên tổ lái theo yêu cầu của chuyến bay có thể rời vị trí làm việc được phân công nếu thành viên đó đến lúc được đi nghỉ ngơi, việc thay thế được thực hiện với điều kiện:
- (1) Việc thay thế người chỉ huy tàu bay (PIC) được phân công trong giai đoạn bay bằng trên đường bay có thể thực hiện bởi người chỉ huy tàu bay (PIC) hoặc lái phụ (F/O) có giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không (ATPL) với năng định loại phù hợp, và được phê chuẩn người chỉ huy tàu bay (PIC) của năng định tàu bay đó trong suốt giai đoạn bay bằng của chuyến bay; và
 - (2) Việc thay thế lái phụ (F/O) được phân công có thể thực hiện bởi người lái được phê chuẩn là người chỉ huy tàu bay (PIC) hoặc lái phụ (F/O) với năng định tàu bay đó trên đường bay.

PHỤ LỤC 2 CỦA ĐIỀU 10.125: THAY THẾ CÁC THÀNH VIÊN TỔ LÁI TRONG KHI BAY

- (a) Thành viên tổ lái có thể rời vị trí điều khiển máy bay bằng cách thay một thành viên tổ lái khác có trình độ phù hợp.
- (b) Thay người chỉ huy tàu bay: Người chỉ huy có thể uỷ quyền thực hiện chuyến bay cho:
- (1) Một người lái khác đã được phê chuẩn làm người chỉ huy tàu bay;
 - (2) Một người lái có trình độ như quy định tại khoản (c) dưới đây nếu chỉ khai thác trên mực bay FL200.
- (c) Yêu cầu tối thiểu đối với người lái thay thế người chỉ huy máy bay:
- (1) Có giấy phép lái máy bay vận tải còn hiệu lực (ATPL);
 - (2) Có năng định loại phù hợp với loại tàu bay được chỉ định thay thế bao gồm huấn luyện và kiểm tra chuyển loại theo qui định tại Phần 14;
 - (3) Đã qua các khoá huấn luyện lại và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Phần 14;
 - (4) Có kiến thức về đường bay theo quy định tại Phần 14;
- (d) Thay thế lái phụ: Lái phụ có thể được thay thế bằng:
- (1) Một người lái khác có trình độ phù hợp và đã được phê chuẩn;
 - (2) Một lái phụ dự bị khi bay bằng theo quy định tại khoản (e) dưới đây.
- (e) Yêu cầu tối thiểu đối với lái phụ dự bị trong khi bay bằng:
- (1) Có giấy phép lái máy bay thương mại (CPL) với năng định bay bằng thiết bị (IFR);
 - (2) Có năng định loại phù hợp với loại tàu bay được chỉ định thay thế bao gồm huấn luyện và kiểm tra chuyển loại theo qui định tại Phần 14, ngoại trừ các yêu cầu về huấn luyện cất cánh và hạ cánh;
 - (3) Đã qua các khoá huấn luyện lại và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Phần 14, ngoại trừ các yêu cầu về huấn luyện cất cánh và hạ cánh;
 - (4) Chỉ làm lái phụ khi bay bằng và không thấp hơn mực bay FL200.

- (5) Không yêu cầu kinh nghiệm hiện tại theo quy định của Phần 14. Tuy nhiên, người lái phải qua huấn luyện buồng lái giả định và huấn luyện phục hồi kỹ năng bay hiện tại trong khoảng thời gian không quá 90 ngày. Huấn luyện phục hồi có thể kết hợp với huấn luyện chuyển loại theo quy định của Phần 14.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.195 NẠP NHIÊN LIỆU KHI CÓ HÀNH KHÁCH ĐANG LÊN, ĐANG Ở TRÊN HOẶC ĐANG XUỐNG TÀU BAY¹⁴⁵

Người khai thác phải thiết lập phương thức nạp nhiên liệu khi hành khách đang ở trong tàu bay nhằm đảm bảo các quy định sau đây được thực hiện:

a. Phải có người có khả năng điều hành các phương thức khẩn nguy liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, thông tin liên lạc, hướng dẫn thoát hiểm tại vị trí quy định để giám sát trong suốt quá trình nạp nhiên liệu khi có hành khách ở trong tàu bay;

b. Người giám sát việc nạp nhiên liệu dưới mặt đất và nhân viên trên tàu bay phải thiết lập thông tin liên lạc 2 chiều thông qua hệ thống thông tin liên lạc của tàu bay hoặc thông qua các phương pháp phù hợp khác;

c. Các thành viên tổ bay, các nhân viên và hành khách phải được thông báo về việc tiến hành nạp nhiên liệu;

d. Đèn hiệu “Thắt dây an toàn” phải ở trạng thái tắt;

đ. Đèn hiệu “Không hút thuốc” phải ở trạng thái bật sáng;

e. Hành khách phải được hướng dẫn các hành động cần thiết trong trường hợp có sự cố xảy ra;

g. Có đủ số người được cấp chứng chỉ phù hợp trên tàu bay để chuẩn bị cho việc thoát hiểm khẩn cấp;

h. Nếu có mùi nhiên liệu bên trong tàu bay hoặc bất kỳ nguy hại nào khác xuất hiện trong khi nạp nhiên liệu, việc nạp nhiên liệu phải được dừng ngay lập tức;

i. Khu vực đất bên dưới cửa thoát hiểm và cầu trượt phải thông thoáng;

k. Có quy định về việc giải toả hành khách an toàn và nhanh chóng;

l. Đối với trục thăng, cửa phía khu vực nạp nhiên liệu của trục thăng phải được đóng, trừ khi đây là cửa duy nhất để thoát hiểm;

m. Đối với trục thăng, cửa phía không thực hiện việc nạp nhiên liệu của trục thăng duy trì mở, khi điều kiện thời tiết cho phép, trừ khi được quy định khác bởi tài liệu hướng dẫn bay trục thăng (RFM);

n. Phương tiện dập cháy phải ở vị trí sẵn sàng trong trường hợp có hỏa hoạn khi tra nạp nhiên liệu;

o. Hành khách không sử dụng dây an toàn;

p. Đối với trục thăng khi cánh quay đang hoạt động, chỉ những hành khách sẽ tiếp tục chuyến bay tiếp theo được phép ở trên trục thăng..

¹⁴⁵ Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.257: XÁC ĐỊNH TỐC ĐỘ TRONG KẾ HOẠCH BAY ETOPS

- (a) Người có AOC phải xác định tốc độ để tính toán cự ly tối đa đến sân bay phù hợp đối với từng loại hoặc kiểu máy bay 2 động cơ, tốc độ này phải không được vượt quá VMO dựa trên tốc độ thực mà máy bay có thể duy trì khi một động cơ không hoạt động trong các điều kiện sau đây:
- (1) Khí quyển tiêu chuẩn quốc tế;
 - (2) Mức bay:
 - (i) Đối với máy bay công suất động cơ tuốc-bin:
 - (A) Tại mức bay FL170; hoặc
 - (B) Tại mức bay tối đa mà máy bay có thể đạt và duy trì được với một động cơ không hoạt động, sử dụng tỷ lệ lấy độ cao tối đa quy định trong AFM, chọn giá trị nhỏ hơn.
 - (ii) Đối với máy bay cánh quạt:
 - (A) Tại mức bay FL80; hoặc
 - (B) Tại mức bay tối đa mà máy bay có thể đạt và duy trì được với một động cơ không hoạt động, sử dụng tỷ lệ lấy độ cao tối đa quy định trong AFM, chọn giá trị nhỏ hơn.
 - (3) Lực đẩy hoặc công suất tối đa liên tục của động cơ hoạt động còn lại;
 - (4) Trọng lượng máy bay không nhỏ hơn trọng lượng sau khi:
 - (i) Cát cánh tại mực nước biển với trọng lượng cát cánh tối đa cho đến khi thời gian trôi qua từ khi cất cánh bằng giới hạn thời gian áp dụng quy định tại khoản (a);
 - (ii) Lấy độ cao với tất cả các động cơ hoạt động tới độ cao bay bằng tầm xa tốt nhất cho đến khi thời gian trôi qua từ khi cất cánh bằng giới hạn thời gian áp dụng quy định tại khoản (a);
 - (iii) Bay bằng với tất cả các động cơ hoạt động với tốc độ bay bằng tầm xa tại độ cao này cho đến khi thời gian trôi qua từ khi cất cánh bằng giới hạn thời gian áp dụng quy định tại khoản (a).
- (b) Người có AOC phải đảm bảo các dữ liệu sau đây của từng loại hoặc kiểu tàu bay được đưa vào OM:
- (1) Tốc độ bay bằng với một động cơ không hoạt động được xác định phù hợp với quy định tại khoản (b); và
 - (2) Cự ly tối đa từ sân bay phù hợp được xác định phù hợp với quy định tại khoản (a) và (b).

Ghi chú: Tốc độ và độ cao (mức bay) quy định trên đây chỉ sử dụng để thiết lập cự ly tối đa tính từ sân bay phù hợp.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.260: KẾ HOẠCH SÂN BAY DỰ BỊ ETOPS

Loại tiếp cận	Tiêu chuẩn tối thiểu theo kế hoạch	
Tầm nhìn/tầm nhìn đường cất hạ cánh và trần mây, nếu áp dụng		
	Sân bay có:	
	tối thiểu hai phương thức tiếp cận riêng rẽ dựa trên 02 phương tiện trợ giúp riêng rẽ phục vụ cho 02 đường cất hạ cánh riêng rẽ (xem ghi chú 1).	tối thiểu hai phương thức tiếp cận riêng rẽ dựa trên 02 phương tiện trợ giúp riêng rẽ phục vụ cho 01 đường cất hạ cánh, hoặc tối thiểu 01 phương thức tiếp cận dựa trên 01 phương tiện trợ giúp cho 01 đường cất hạ cánh.
Tiếp cận chính xác CATII/III (ILS, MLS)	Tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận chính xác CAT I.	Tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận không chính xác.
Tiếp cận chính xác CAT I (ILS, MLS)	Tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận không chính xác.	Tiêu chuẩn tối thiểu cho vòng lượn, hoặc nếu không có, tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận không chính xác cộng với 200 feet /1000m.
Tiếp cận không chính xác	Thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận không chính xác cộng với 200 feet/1000m hoặc tiêu chuẩn tối thiểu cho vòng lượn.	Cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu tiếp cận không chính xác cộng với 200 feet /1000m hoặc tiêu chuẩn tối thiểu cho vòng lượn.

Ghi chú 1: Các đường cất hạ cánh trên cùng một sân bay được coi là các đường cất hạ cánh riêng rẽ khi chúng có các bề mặt hạ cánh riêng rẽ, các đường cất hạ cánh này có thể sử dụng thay thế nhau, nếu một trong các đường cất hạ cánh bị tắc nghẽn thì cũng không cản trở loại hình khai thác theo kế hoạch trên đường cất hạ cánh khác, và mỗi bề mặt hạ cánh có phương thức tiếp cận riêng rẽ dựa trên phương tiện trợ giúp riêng rẽ.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.263: (được bãi bỏ)¹⁴⁶

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.270 KIỂM TRA NHIÊN LIỆU TRONG KHI BAY

(a) Kiểm tra nhiên liệu trong khi bay:

- (1) Người chỉ huy máy bay phải đảm bảo việc kiểm tra nhiên liệu trong khi bay được thực hiện một cách đều đặn. Phần nhiên liệu còn lại phải được ghi và ước tính để:
 - (i) So sánh lượng nhiên liệu tiêu hao thực tế với lượng dự tính;
 - (ii) Kiểm tra xem lượng nhiên liệu còn lại có đủ cho chuyến bay;
 - (iii) Xác định lượng nhiên liệu còn lại khi đến sân bay đến.

¹⁴⁶ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 26 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

- (2) Các số liệu khác về nhiên liệu có liên quan cũng phải được ghi lại.
- (b) Quản lý nhiên liệu trong khi bay:
 - (1) Nếu sau khi kiểm tra nhiên liệu trong quá trình bay, lượng nhiên liệu còn lại theo ước tính đến sân bay đến ít hơn tổng của lượng nhiên liệu đến sân bay dự bị theo yêu cầu cộng với lượng nhiên liệu dự phòng, người chỉ huy máy bay phải tính đến các điều kiện không lưu và hoạt động tại sân bay đến, dọc theo tuyến đường đến sân bay dự bị và tại sân bay dự bị đến, khi quyết định tiến hành bay đến sân bay đến hoặc chuyển hướng tới sân bay dự bị để có thể hạ cánh với lượng nhiên liệu không ít hơn lượng nhiên liệu dự phòng.
 - (2) Khai thác bay đến sân bay biệt lập: Người chỉ huy máy bay phải xác định điểm cuối cùng có khả năng bay chuyển hướng đến bất kỳ sân bay dự bị nào trên đường bay. Trước khi đạt đến điểm này, người chỉ huy máy bay phải đánh giá lượng nhiên liệu dự tính để bay tới sân bay biệt lập, điều kiện thời tiết, điều kiện không lưu và hoạt động tại sân bay này và tại bất kỳ sân bay nào khác trên đường bay trước khi quyết định bay tiếp tới sân bay biệt lập hay chuyển hướng tới sân bay dự bị .

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.363: PHÊ CHUẨN DẪN ĐƯỜNG DỰA TRÊN TÍNH NĂNG (PBN)¹⁴⁷

a. Khi sử dụng phương thức liên lạc dựa trên tính năng, Người khai thác tàu bay phải thiết lập và xây dựng:

1. Các phương thức sử dụng trong điều kiện khai thác thông thường và điều kiện khai thác bất thường, kể cả tình huống khẩn cấp;
2. Các yêu cầu về trình độ của người lái đáp ứng yêu cầu của hình thức liên lạc dựa trên tính năng;
3. Chương trình huấn luyện cho các cá nhân có liên quan đến phương thức liên lạc dự định sử dụng;
4. Các quy trình bảo dưỡng tàu bay để đảm bảo tàu bay đủ điều kiện bay đáp ứng các quy định thực hiện phương thức liên lạc dự định sử dụng;
5. Các yêu cầu khác liên quan đến an toàn khi cần thiết.

b. Cục HKVN phải đảm bảo có đầy đủ các quy định liên quan đến loại tàu bay được đề cập tại Điều 6.052 đề:

1. Nhận các báo cáo về tính năng liên lạc từ các chương trình giám sát được xây dựng phù hợp với yêu cầu của mục 3.3.5.2, Chương 3 trong Phụ ước 11 của ICAO;
2. Yêu cầu thực hiện các hành động khắc phục ngay lập tức đối với từng tàu bay, chủng loại tàu bay hoặc Người khai thác tàu bay khi nhận thấy trong các báo cáo nêu trên thể hiện việc không tuân thủ phương thức liên lạc theo tính năng.

¹⁴⁷ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 28 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT DỰA TRÊN TÍNH NĂNG¹⁴⁸

a. Khi sử dụng phương thức giám sát dựa trên tính năng, Người khai thác tàu bay phải thiết lập và xây dựng:

1. Các phương thức sử dụng trong điều kiện khai thác thông thường và điều kiện khai thác bất thường, kể cả tình huống khẩn cấp;
2. Các yêu cầu về trình độ của người lái đáp ứng yêu cầu của hình thức giám sát dựa trên tính năng;
3. Chương trình huấn luyện cho các cá nhân có liên quan đến phương thức giám sát dự định sử dụng;
4. Các chương trình bảo dưỡng đáp ứng yêu cầu khả phi tàu bay tương ứng với phương thức giám sát;
5. Các yêu cầu khác liên quan đến an toàn khi cần thiết.

b. Cục HKVN phải đảm bảo có đầy đủ các quy định liên quan đến loại tàu bay được đề cập tại Điều 6.066 để:

1. Nhận các báo cáo về tính năng giám sát từ các chương trình giám sát được xây dựng phù hợp với yêu cầu của mục 3.3.5.2, Chương 3 trong Phụ ước 11 của ICAO;
2. Yêu cầu thực hiện các hành động khắc phục ngay lập tức đối với từng tàu bay, chủng loại tàu bay hoặc Người khai thác tàu bay khi nhận thấy trong các báo cáo nêu trên thể hiện việc không tuân thủ phương thức giám sát theo tính năng.

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ¹⁴⁹

a. Khi thiết lập các tiêu chuẩn cho việc sử dụng tài liệu điện tử, Quốc gia đăng ký tàu bay phải đảm bảo:

1. Tài liệu điện tử và việc lắp đặt các thiết bị liên quan khác bao gồm cả việc thiết lập giao tiếp với các hệ thống của máy bay (nếu có) phải đáp ứng các yêu cầu về đủ điều kiện bay của tàu bay;
2. Người khai thác tàu bay phải thực hiện đánh giá rủi ro liên quan đến việc sử dụng các tính năng tài liệu điện tử;
3. Người khai thác tàu bay phải thiết lập các hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo có thể thay thế thông tin cung cấp bởi tài liệu điện tử;
4. Người khai thác tàu bay phải xây dựng phương thức quản lý các tính năng của tài liệu điện tử bao gồm cả nguồn dữ liệu sử dụng;
5. Người khai thác tàu bay phải xây dựng phương thức sử dụng và huấn luyện sử dụng tài liệu điện tử;
6. Các yêu cầu khác liên quan đến an toàn khi cần thiết.

¹⁴⁸ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 29 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹⁴⁹ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 30 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

PHỤ LỤC 3 CỦA ĐIỀU 10.364: PHÊ CHUẨN SỬ DỤNG CÁC HỆ THỐNG HẠ CÁNH TỰ ĐỘNG, HUD, NVIS HOẶC CVS¹⁵⁰

a. Khi thiết lập các tiêu chuẩn cho việc sử dụng các hệ thống Hạ cánh tự động, HUD, NVIS hoặc CVS, Quốc gia đăng ký tàu bay phải đảm bảo:

1. Các thiết bị phải đáp ứng các yêu cầu về đủ điều kiện bay của tàu bay;
2. Người khai thác tàu bay phải thực hiện đánh giá rủi ro liên quan đến việc khai thác hệ thống hạ cánh tự động, HUD hoặc hệ thống tương đương, EVS, SVS hoặc CVS sử dụng các tính năng tải liệu điện tử;
3. Người khai thác tàu bay phải xây dựng phương thức sử dụng và huấn luyện khai thác các hệ thống Hạ cánh tự động, HUD, NVIS hoặc CVS;
4. Các yêu cầu khác liên quan đến an toàn khi cần thiết.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.433 LOẠI VÙNG TRỜI VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KHÍ TƯỢNG TỐI THIỂU BAY BẰNG MẮT (VMC)

Loại vùng trời	A (xem ghi chú 3)B C D E	F	G
		Trên 900 m (3000 feet) so với mực nước biển trung bình hoặc trên 300 m (1000 feet) so với địa hình, chọn giá trị cao hơn	Bằng hoặc dưới 900m (3000 feet) so với mực nước biển trung bình hoặc 300m (1000 feet) so với địa hình, chọn giá trị cao hơn
Cự ly tới mây	1500 m theo phương nằm ngang 300 m (1000ft) theo phương thẳng đứng		Không có mây và nhìn rõ mặt đất.
Tầm nhìn trong khi bay	8 km tại và trên 3050 m (10000ft) so với mực nước biển trung bình 5 km dưới 3050 (10000 ft) so với mực nước biển trung bình		5 km (xem ghi chú 2)

Ghi chú 1: Khi độ cao chuyển tiếp thấp hơn 3050 m (10000 feet) so với mực nước biển trung bình AMSL, phải sử dụng mực bay FL100 thay cho 10 000 feet.

Ghi chú 2: Khi dịch vụ ATS phù hợp cho phép:

- a) *Tầm nhìn trong khi bay xuống đến 1500 m có thể cho phép đối với các chuyển bay:*
 1. *Với vận tốc mà trong điều kiện tầm nhìn hiện hành cho phép nhìn thấy rõ các tàu bay khác hoặc các chướng ngại vật một cách kịp thời để tránh va chạm; hoặc*
 2. *Trong các điều kiện mà khả năng gặp phải tàu bay khác là rất thấp, ví dụ tại các khu vực có mật độ bay thấp, hoặc khai thác công việc trên không ở mực bay thấp.*

¹⁵⁰ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 31 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 10

- b) *Trực thăng có thể được khai thác khi tầm nhìn trong khi bay thấp hơn 1500 m, nếu cơ động với vận tốc cho phép nhìn thấy rõ tàu bay khác hoặc các chướng ngại vật một cách kịp thời để tránh va chạm.*

Ghi chú 3: Tiêu chuẩn VMC tối thiểu cho vùng trời loại A được nêu trong tài liệu hướng dẫn người lái và không ngụ ý chấp thuận các chuyến bay theo VFR trong vùng trời loại A.

PHỤ LỤC 1 CỦA ĐIỀU 10.332: BẢNG SỐ LIỆU CÁC MỤC BAY BẰNG¹⁵¹

Mục bay bằng phải tuân thủ theo yêu cầu Phần này được quy định như sau:

Đối với RVSM – feet

- a. Tại khu vực đơn vị feet được sử dụng để đo độ cao, phù hợp với thỏa thuận dẫn đường theo khu vực, khoảng phân cách cao tối thiểu 1.000 ft được áp dụng giữa mục bay FL 290 với mục bay FL 410 (*):

Theo dõi hướng từ**											
Từ 000 độ đến 179 độ***						Từ 180 độ đến 359 độ***					
Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt			Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt		
Mục bay	Feet	Mét	Mục bay	Feet	Mét	Mục bay	Feet	Mét	Mục bay	Feet	Mét
010	1000	300	—	—	—	020	2000	600	—	—	—
030	3000	900	035	3500	1050	040	4000	1200	045	4500	1350
050	5000	1500	055	5500	1700	060	6000	1850	065	6500	2000
070	7000	2150	075	7500	2300	080	8000	2450	085	8500	2600
090	9000	2750	095	9500	2900	100	10000	3050	105	10500	3200
110	11000	3350	115	11500	3500	120	12000	3650	125	12500	3800
130	13000	3950	135	13500	4100	140	14000	4250	145	14500	4400
150	15000	4550	155	15500	4700	160	16000	4900	165	16500	5050
170	17000	5200	175	17500	5350	180	18000	5500	185	18500	5650
190	19000	5800	195	19500	5950	200	20000	6100	205	20500	6250
210	21000	6400	215	21500	6550	220	22000	6700	225	22500	6850
230	23000	7000	235	23500	7150	240	24000	7300	245	24500	7450
250	25000	7600	255	25500	7750	260	26000	7900	265	26500	8100
270	27000	8250	275	27500	8400	280	28000	8550	285	28500	8700
290	29000	8850				300	30000	9150			
310	31000	9450				320	32000	9750			
330	33000	10050				340	34000	10350			
350	35000	10650				360	36000	10950			
370	37000	11300				380	38000	11600			
390	39000	11900				400	40000	12200			
410	41000	12500				430	43000	13100			
450	45000	13700				470	47000	14350			
490	49000	14950				510	51000	15550			
...			

¹⁵¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 98 Phụ lục IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 10 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

* Trên cơ sở thỏa thuận dẫn đường theo khu vực, bảng số liệu mực bay bằng thay đổi dựa trên phân cách cao tối thiểu danh nghĩa 1.000 ft (300 m) được sử dụng, trong điều kiện cụ thể tàu bay khai thác trên mực bay FL 410 trong vùng trời quy định.

** Theo dõi hướng từ hoặc ở các vùng cực có vĩ độ lớn hơn 70 độ và các khu vực mở rộng đối với khu vực này được quy định bởi nhà chức trách đơn vị ATS, theo dõi dạng ô lưới xác định bởi mạng lưới các đường song song với đường kinh tuyến Greenwich trên biểu đồ cực, ở đó hướng Bắc cực được hiểu là lưới điều khiển hướng Bắc.

*** Trên cơ sở của các hợp đồng dẫn đường khu vực, từ 90 độ từ tới 269 độ từ và từ 270 độ từ tới 89 độ từ được quy định các hướng lưu thông chủ yếu và phương thức chuyển tiếp thích hợp liên quan tới với các quy định cụ thể.

Đối với RVSM – Mét

b. Tại khu vực đơn vị mét được sử dụng đo độ cao, phù hợp với thỏa thuận dẫn đường theo khu vực, khoảng phân cách cao tối thiểu 300 m được áp dụng giữa mực bay 8.900 m với mực bay 12.500 m:

Theo dõi hướng từ**											
Từ 000 độ đến 179 độ***						Từ 180 độ đến 359 độ***					
Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt			Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt		
Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet
0030	300	1000	—	—	—	60	600	2000			
0090	900	3000	0105	1050	3500	120	1200	4000	135	1350	4400
0150	1500	4900	0165	1650	5400	180	1800	6000	195	1950	6400
0210	2100	6900	0225	2250	7400	240	2400	8000	255	2550	8400
0270	2700	8900	0285	2850	9400	300	3000	10000	315	3150	10300
0330	3300	10800	0345	3450	11300	360	3600	12000	375	3750	12300
0390	3900	12800	0405	4050	13300	420	4200	14000	435	4350	14300
0450	4500	14800	0465	4650	15300	480	4800	16000	495	4950	16200
0510	5100	16700	0525	5250	17200	540	5400	18000	555	5550	18200
0570	5700	18700	0585	5850	19200	600	6000	20000	615	6150	20200
0630	6300	20700	0645	6450	21200	660	6600	22000	675	6750	22100
0690	6900	22600	0705	7050	23100	720	7200	24000	735	7350	24100
0750	7500	24600	0765	7650	25100	780	7800	26000	795	7950	26100
0810	8100	26600	0825	8250	27100	840	8400	28000	855	8550	28100
0890	8900	29100				920	9200	30100			
0950	9500	31100				980	9800	32100			
1010	10100	33100				1040	10400	34100			
1070	10700	35100				1100	11000	36100			
1130	11300	37100				1160	11600	38100			
1190	11900	39100				1220	12200	40100			
1250	12500	41100				1310	13100	43000			
1370	13700	44900				1430	14300	46900			
1490	14900	48900				1550	15500	50900			
...			

* Trên cơ sở thỏa thuận dẫn đường theo khu vực, bảng số liệu mực bay bằng thay đổi dựa trên phân cách cao tối thiểu danh nghĩa 1.000 ft (300 m) được sử dụng, trong điều kiện cụ thể tàu bay khai thác trên mực bay FL 410 trong vùng trời quy định.

** Theo dõi hướng từ hoặc ở các vùng cực có vĩ độ lớn hơn 70 độ và các khu vực mở rộng đối với khu vực này được quy định bởi nhà chức trách đơn vị ATS, theo dõi dạng ô lưới xác định bởi mạng lưới các đường song song với đường kinh tuyến Greenwich trên biểu đồ cực, ở đó hướng Bắc cực được hiểu là lưới điều khiển hướng Bắc.

*** Ngoài ra, trên cơ sở của các hợp đồng dẫn đường khu vực, từ 90 độ từ tới 269 độ từ và từ 270 độ từ tới 89 độ từ được quy định các hướng lưu thông chủ yếu và phương thức chuyển tiếp thích hợp liên quan tới với các quy định cụ thể.

KHÔNG RVSM – Feet

c. Tại những khu vực khác, khi “feet” là đơn vị chính để đo độ cao:

Theo dõi hướng từ**											
Từ 000 độ đến 179 độ***						Từ 180 độ đến 359 độ***					
Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt			Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt		
Mực bay	Feet	Mét	Mực bay	Feet	Mét	Mực bay	Feet	Mét	Mực bay	Feet	Mét
010	1000	300	—	—	—	020	2000	600			
030	3000	900	035	3500	1050	040	4000	1200	045	4500	1350
050	5000	1500	055	5500	1700	060	6000	1850	065	6500	2000
070	7000	2150	075	7500	2300	080	8000	2450	085	8500	2600
090	9000	2750	095	9500	2900	100	10000	3050	105	10500	3200
110	11000	3350	115	11500	3500	120	12000	3650	125	12500	3800
130	13000	3950	135	13500	4100	140	14000	4250	145	14500	4400
150	15000	4550	155	15500	4700	160	16000	4900	165	16500	5050
170	17000	5200	175	17500	5350	180	18000	5500	185	18500	5650
190	19000	5800	195	19500	5950	200	20000	6100	205	20500	6250
210	21000	6400	215	21500	6550	220	22000	6700	225	22500	6850
230	23000	7000	235	23500	7150	240	24000	7300	245	24500	7450
250	25000	7600	255	25500	7750	260	26000	7900	265	26500	8100
270	27000	8250	275	27500	8400	280	28000	8550	285	28500	8700
290	29000	8850	300	30000	9150	310	31000	9450	320	32000	9750
330	33000	10050	340	34000	10350	350	35000	1065	360	36000	1095
370	37000	11300	380	38000	11600	390	39000	1190	400	40000	12200
410	41000	12500	420	42000	12800	430	43000	13100	440	44000	13400
450	45000	13700	460	46000	14000	470	47000	14350	480	48000	14650
490	49000	14950	500	50000	15250	510	51000	15550	520	52000	15850
...

** Theo dõi hướng từ hoặc ở các vùng cực có vĩ độ lớn hơn 70 độ và các khu vực mở rộng đối với khu vực này được quy định bởi nhà chức trách đơn vị ATS, theo dõi dạng ô lưới xác định bởi mạng lưới các đường song song với đường kinh tuyến Greenwich trên biểu đồ cực, ở đó hướng Bắc cực được hiểu là lưới điều khiển hướng Bắc.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 10

*** Trên cơ sở của các hợp đồng dẫn đường khu vực, từ 90 độ từ tới 269 độ từ và từ 270 độ từ tới 89 độ từ được quy định các hướng lưu thông chủ yếu và phương thức chuyển tiếp thích hợp liên quan tới với các quy định cụ thể.

KHÔNG RVSM – MÉT

d. Tại những khu vực khác, khi “mét” là đơn vị chính để đo độ cao:

Theo dõi hướng từ **											
Từ 000 độ đến 179 độ***						Từ 180 độ đến 359 độ***					
Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt			Bay bằng thiết bị			Bay bằng mắt		
Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet	Hệ mét tiêu chuẩn	Mét	Feet
0030	300	1000	—	—	—	060	600	2000			
0090	900	3000	0105	1050	3500	0120	1200	3900	0135	1350	4400
0150	1500	4900	0165	1650	5400	0180	1800	5900	0195	1950	6400
0210	2100	6900	0225	2250	7400	0240	2400	7900	0255	2550	8400
0270	2700	8900	0285	2850	9400	0300	3000	9800	0315	3150	10300
0330	3300	10800	0345	3450	11300	0360	3600	11800	0375	3750	12300
0390	3900	12800	0405	4050	13300	0420	4200	13800	0435	4350	14300
0450	4500	14800	0465	4650	15300	0480	4800	15700	0495	4950	16200
0510	5100	16700	0525	5250	17200	0540	5400	17700	0555	5550	18200
0570	5700	18700	0585	5850	19200	0600	6000	19700	0615	6150	20200
0630	6300	20700	0645	6450	21200	0660	6600	21700	0675	6750	22100
0690	6900	22600	0705	7050	23100	0720	7200	23600	0735	7350	24100
0750	7500	24600	0765	7650	25100	0780	7800	25600	0795	7950	26100
0810	8100	26600	0825	8250	27100	0840	8400	27600	0855	8550	28100
0890	8900	29100	0920	9200	30100	0950	9500	31100	0980	9800	32100
1010	10100	33100	1040	10400	34100	1070	10700	35100	1100	11000	36100
1130	11300	37100	1160	11600	38100	1190	11900	39100	1220	12200	40100
1250	12500	41100	1280	12800	42100	1310	13100	43000	1370	13700	44000
1370	13700	44900	1400	14000	46100	1430	14300	46900	1460	14600	47900
1490	14900	48900	1520	15200	49900	1550	15500	50900	1580	15800	51900
...

** Theo dõi hướng từ hoặc ở các vùng cực có vĩ độ lớn hơn 70 độ và các khu vực mở rộng đối với khu vực này được quy định bởi nhà chức trách đơn vị ATS, theo dõi dạng ô lưới xác định bởi mạng lưới các đường song song với đường kinh tuyến Greenwich trên biểu đồ cực, ở đó hướng Bắc cực được hiểu là lưới điều khiển hướng Bắc.

*** Trên cơ sở của các hợp đồng dẫn đường khu vực, từ 90 độ từ tới 269 độ từ và từ 270 độ từ tới 89 độ từ được quy định các hướng lưu thông chủ yếu và phương thức chuyển tiếp thích hợp liên quan tới với các quy định cụ thể.